

tân phong

bảo sơn
chủ trương

nhất linh
linh bảo
nguyễn thị vinh
duy lam
tường hùng
doãn quốc sỹ
nhật liên
đỗ phương khánh
phạm lệ oanh
bàng bá lân
bùi khánh đàn
vũ hoàng chương
hư chu
trương quốc nghị
phan lạc huyền
thế uyên



tập 19

<https://tieulun.hopto.org>

MỤC LỤC

TRANG

Câu chuyện nghệ thuật . . . của Q.N. Trương-Cam-Khải	3
Ký thác thơ của Thạch-Ẩn	11
Đỉnh gió hú bản dịch của Nhất-Linh	12
Hương Lạn truyện ngắn của Nhật-Tiến	17
Thơ Tứ Tuyệt của Vũ-Hoàng-Chương	22
Đường thi thi thoại. của Đỗ-bằng-Đoàn, Bùi-khánh-Đản	24
Xóm em — Yêu thơ của Trần-Đại	26
Cũng đành. truyện ngắn của Dương-Nghiêm-Mậu	27
Khu rừng lau truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ	35
Dọc đường thơ của Thế-Viên	40
Rượu xưa bình mới do Văn-Hộ-Mộc phụ trách	41
Vọng Xuân từ đường thi của Tiết-Đào	44
Nghề làm cha mẹ biên khảo của bác-sĩ Phẫm	46
Thơ hôm nay... ngày mai . . . của Phan-Lạc-Tuyên	52
Khói thuốc. truyện ngắn của Lam-Hồ	55
Vợ chồng trẻ truyện phóng tác của Phạm-Lệ-Oanh	59
Thềm Hoang truyện dài của Nhật-Tiến	70
Quán Anh Vũ và Con Đường Cái Quan. của Đào-sĩ-Chu	74
Cổ nghệ sĩ Nguyễn đình Nghi . . của Vũ-huy-Chấn	81
Những bài thơ không lời của Bàng-Bá-Lân	88

PHỤNG - GIANG

KHÁI-HƯNG

- Bắn khoan
- Dọc đường gió bụi
- Đẹp
- Đội Mũ Lạch
- Đội Chờ
- Gia-Đình
- Hạnh
- Hồn Bướm Mơ Tiên
- Những Ngày Vui
- Nửa Chừng Xuân
- Thoát Ly
- Thừa Tự
- Tiêu Sơn Tráng Sĩ
- rỗng Mái

NHẤT-LINH và KHÁI-HƯNG

- Anh Phải Sống
- Đời Mưa Gió
- Gánh Hàng Hoa

NHẤT-LINH

- Nắng Thu
- Đoạn Tuyệt
- Thế rồi một buổi chiều
- Hai buổi chiều vàng
- Lạnh Lùng
- Đôi Bạn
- Bướm Trắng
- Đi Tây

THẠCH-LAM

- Gió Đầu Mùa
- Nắng Trong Vườn
- Ngày Mới
- Hà-Nội 36 phố phường
- Sợi Tóc

THẾ-LỮ

- Gói thuốc lá
- Vàng và Máu
- Trại Bò Tùng Linh
- Mai-Hương và Lê-Phong

ĐỖ-ĐỨC-THU

- Đưa con

NGUYỄN-THỊ-VINH

- Hai chị em
- Thương Yêu
- Xóm Nghèo

ĐỖ-TỐN

- Hoa Vông vang

TƯỜNG-HÙNG

- Gió Mát

TỬ-MỠ

- Giòng Nước Ngược

LINH-BẢO

- Gió Bắc

BẢO-SƠN dịch

- Tình nghĩa vợ chồng
của Tolstoi,
- Con nai tơ
của M.K. Rawlings.

VĨNH-SƠN-LANG

- Chiếc lá cuối cùng

tân phong

do BẢO-SON chủ-trương

với sự cộng-tác của :

— Nguyễn-thị-Vinh	— Đỗ-Phương-Khanh	— Trúc-Lâm	— Vũ-hoàng-Chương
— Linh-Bảo	— Phạm-Lệ-Oanh	— Thạch-Ân	— Bằng-bá-Lân
— Duy-Lam	— Văn-Đông	— Hư-Chu	— Cung-Trầm-Tướng
— Tường-Hùng	— Vũ-huy-Chấn	— Linh-Vũ	— Phan-lạc-Tuyên
— Nhật-Tiến	— Doãn-quốc-Sỹ	— Thế-Uyên	— Doãn-Dân
— Tô-Hoàng	— Đặng-phi-Bằng	— Liêu-Dương	—

Ngỵ Cao Uyên minh họa — Tô-Hoàng trình bày

Địa-chỉ Tòa-soạn :

193. đường Gia-Long Saigon — Đ. T: Saigon 270

trước vui thích sau ích lợi

CÂU CHUYỆN NGHỆ THUẬT

Vũ trụ nhân tình hóa

Quốc-Nghi Trương-Cam-Khải
(viết theo ý Ch. q. Tiềm)

« DI TÌNH NHẬP CẢNH »

đời phen gió tựa hoa kè
nửa đêm tuyết ngậm bốn bề trắng thâu
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu... v.v...

Gió tựa, hoa kè, tuyết ngậm, trắng thâu. — phong hoa tuyết nguyệt, cảnh tuyệt đẹp như vậy mà cụ Tiên-diên đã tóm cả vào một câu : « cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu... », đó là cụ đã « di tình nhập cảnh » nghĩa là đem tình-cảm (ở đây là tình sầu, buồn) của nàng Kiều mà di nhập vào cảnh. Và chính cụ đã giải thích sự di tình ấy một cách rất rõ ràng : « người buồn cảnh có vui đâu bao giờ, v.v... »

Đem tình-cảm của mình di-nhập vào ngoại-vật, khác nào ngoại vật cũng

có mối tình cảm như mình, các thi-nhân thường dùng bút pháp đó đại để như Ôn-Như-Hầu trong Cung Oán ngâm khúc tả :

Cầu Thê-thủy ngồi trơ cô-độ

Quán Thu-phong đứng rú tà huy v. v...

Chu-Mạnh-Trinh trong bài hát Hương-sơn phong cảnh :

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,

Lừng lờ khe Yến cá nghe kinh.

Các thi-nhân có thái độ ấy, nhà đạo-học cũng có thái-độ ấy. Trong Trang-Tử Thu-Thủy-Thiên có đoạn rằng : Thầy Trang-Tử cùng thầy Huệ-Tử đứng chơi ở trên Hào-lương. Trang-Tử nói : « Cá du bơi lội thông dong, ấy là nó vui thích vậy. » Huệ-Tử hỏi : « Nhà thầy không là cá, sao biết rằng cá nó đương vui thích ? » Trang-Tử nói : « Nhà thầy không phải là ta, sao biết được rằng ta không biết là cá nó đương vui thích ? »

Thiền-gia cũng có thái-độ này, nên mới nói rằng : « Lòng động thì phước động ».

Thường-tình chúng ta, vẫn có cái lối : « suy ta ra người » ; nhờ đó mà đối với kẻ khác cũng như đối với ngoại-vật, ta mới có đường lối thông cảm. Thực ra thì mỗi người chúng ta, chỉ có thể trực tiếp hiểu biết lấy tình cảnh của ta, ta có tri giác như thế này thì sẽ sinh ra những tình cảm thế này. Đến như kẻ khác, hay sự vật khác, trong tình cảnh thế kia, họ có tri giác nọ thì sinh ra những tình-cảm nọ, đều là tựa vào những kinh nghiệm của mình mà so sánh, mà suy ra vật khác. Thí-dụ như khi thấy kẻ khác múa may nhảy nhót, ta cho rằng họ đang vui ; khi thấy kẻ khác ủ rũ mà ta cho rằng họ đang buồn, sở dĩ ta biết vậy vì ta đã có kinh nghiệm bản-thân : khi ta vui thì ta cười, ta múa may, khi ta đau khổ thì ta khóc, ta ủ giết. Cho nên ta phải có kinh nghiệm bản thân đã, rồi đến lúc ta thông cảm tình cảnh kẻ khác chính là ta đã coi kẻ khác là ta, hoặc là ta đã lấy ta mà suy ra kẻ khác. Thầy Trang-Tử khi nhìn đàn cá du « bơi lội thông dong » mà thấy rằng nó vui thích, chính vì Trang-Tử đã « phớt phớt thông dong » mỗi khi Trang-Tử vui thích ; Trúc-Vân (Chu-Mạnh-Trinh) tiên sinh thấy rằng : « chim cúng trái, cá nghe kinh » chính là từ nơi tâm cảnh của Trúc-Vân đã say-sưa hướng về đạo. Giữa người với người, giữa người với vật, đều có cái điểm cộng-đồng ấy, cho nên mới có mối cảm-thông với nhau được. Giả sử cứ nhất định lý-luận như lối Huệ-Tử rằng : « Anh không phải là cá du thì quyết không thể nào biết rằng đàn cá du kia đương thông dong vui thích », như thế mỗi người sẽ cứ sống trong cái thế-giới cô lập của mình, đem màn sắt tường đồng ra mà ngăn cách, gió chẳng thông qua, ánh sáng chẳng lọt tới, thì người với người, người với vật tuyệt không có chút gì giao-thông, cảm thấu nhau chẳng ?

Đứng về phía ngoại vật mà xét, thí dụ như con cá du kia, nó có ý thức phân-tinh như Trang-Tử đề có thể cảm thông được cái « vui thích » của Trang-Tử như Trang-Tử đã vui thích chăng ? Vấn đề này, đại khái ở thời-đại Trang-Tử, môn động vật tâm-lý học chưa thấy giải quyết được. Trang-Tử đã cố đem chữ « vui thích » ra đề hình dung cái tâm-cảnh của đàn cá du lúc ấy, kỳ thực là Trang-Tử đã tự đem cái tâm cảnh « vui thích » của chính mình, ném vào bản thân của đàn cá du mà thôi. Chúng ta hiểu biết ngoại-vật, thường là do cách ta đem những cảm giác sờ dắc của ta, gán vào cho sự vật rồi ngộ nhận cho đó là thuộc-tính của sự vật, thành thử ra chính cái gì ở ta đó, lại biến thành ra là ở sự vật. Thí dụ như khi ta nói : « Hoa kia sắc đỏ », tức là ta đã đem màu sắc đỏ coi là thuộc tính cố hữu của hoa. Kỳ thực thì bản thân của hoa chỉ có cái khả năng là đã khiến ta thấy được là màu đỏ, đến như màu đỏ thì lại là kết quả của thị giác : màu đỏ là cái ấn-tượng phát sinh ra do quang-ba với một độ dài là chừng nào đó, phóng tới cái màng của nhơn cầu. Nếu quang-ba kia mà dài hơn một chút, hay ngắn đi một độ, thời sự cảm nhận ở nơi màng mỏng của nhơn cầu sẽ khác mà màu hồng không hiện ra được. Kể bị chứng « sắc manh » không nhận ra được màu hồng, khác nào như trường hợp những kẻ mắt tuy không bị tật chứng gì, nhưng dưới ánh sáng tối mờ về lúc hoàng hôn, cũng không thể phân biệt rõ ràng đâu là sắc đỏ, đâu là sắc lục. Theo đó đủ thấy rằng, nếu nói cho đúng ra, ta chỉ có thể nói : « Tôi thấy rằng hoa kia màu đỏ » ; thường thì trong khi nói chuyện, ta quen thói lược bỏ ba chữ : « tôi thấy rằng » mà chỉ nói vắn tắt là « hoa kia màu đỏ ». Nói rằng : « hoa kia màu đỏ » là cái cảm giác của ta nhận thấy thế, chứ không phải màu sắc của hoa kia thế đâu, thành thử chính là cảm-giác của mình mà cứ nhận lầm lầm thuộc tính của sự vật. Thường ngày, tri-giác của ta đối với ngoại vật đại loại là như thế. Khi ta nói rằng : « Trời lạnh », kỳ thực trời có lạnh chăng ? hay chỉ tại vì « ta cảm thấy lạnh » trong khi kẻ khác lại « cảm thấy » vừa phải hay « cảm thấy » nóng là khác. Khi ta nói rằng : « Tảng đá kia hết sức nặng », kỳ thực là « ta cảm thấy » nó nặng đó thôi, nếu là Hạng Võ hay Lý-Nguyên-Bá, với sức cử-đỉnh bạt sơn, thì tảng đá kia đâu phải là nặng.

Thi-gia thường hay nói : vân phi, toàn rược, sơn minh, cốc ứng (mây bay, suối nhảy, núi reo, hang kêu), thực ra thì mây có biết bay, suối có biết nhảy, núi có biết reo, hang có biết kêu bao giờ. Trong khi nói : Vân phi, toàn rược, sơn minh, cốc ứng, thời so với một đàn nói rằng : hoa hồng đỏ, tảng đá nặng, chính là chúng ta đã tiến sâu hơn một tầng nữa. Bởi vì, khi nói đến hoa đỏ, nói đến đá nặng, đó mới chỉ là cảm lấy giác của ta lầm lầm thuộc tính của sự vật ; đến như nói rằng : « vân phi toàn rược, sơn minh, cốc ứng, » rõ ràng là coi cái vật không có sinh khí (vật chết)

là vật có sinh khí (vật sống) hẳn hoi, coi sự vật cũng như mình, nó có tính cách, có tình cảm và cử-g có hoạt động như mình. Cái tâm lý ấy gọi là « di-tình nhập cảnh » và hoạt động tâm lý ấy gọi là « di-tình tác-dụng ».

Vậy thời « di-tình tác dụng » chính là đem tình-cảm của mình di-nhập vào ngoại vật, phảng phất như ngoại vật cùng chung mỗi tình cảm ấy và đó là một thứ kinh nghiệm rất phổ biến. Khi mình vui vẻ thư khoái thì đại-địa sơn-hà đều như tươi cười hơn hờ, còn khi đau buồn thì phong hoa tuyết nguyệt, đều là đeo sầu, đeo hận. Khi cô, thân chích ảnh thì cây nến kia dòng dòng nhỏ lệ thâu đêm, lúc hứng thú lên thì non xanh nọ cũng như biết gặt đầu lia lịa. Bông liễu có khi trông như khinh cuồng, bóng núi chiều có khi trông như « thanh khô ». Đào Uyên-Minh sao lại yêu cúc đến thế ? Vì trong những nhánh cúc tàn ngạo nghễ với phong sương, ông đã thấy cái khí tiết cao-ngạo của kẻ cô thần ; Lâm-Hòa-Tĩnh sao lại yêu mai đến thế ? Vì ông đã thấy cái gì cao khiết của các bậc xuất ần trong cái hương bóng ám sơ của mai.

Tựa vào những điều nhận xét trên, chúng ta có thể thấy rằng di-tình tác-dụng với mỹ cảm kinh nghiệm có sự quan hệ mật thiết với nhau. Di-tình tác-dụng không nhất định phải là mỹ-cảm kinh-nghiệm, nhưng trong những mỹ-cảm kinh nghiệm thường hay có lẫn cái di-tình tác-dụng bên trong. Cái tác dụng di-tình ở trong mỹ cảm kinh nghiệm chẳng phải đơn thuần là do tình cảm của ta di sang sự vật, đồng thời cũng do từ sự vật mà di nhập sang ta. Tác dụng ấy chẳng những đem tính cách với tình cảm của ta di-chú vào vật, đồng thời nó cũng đem cái tư-thái của sự vật mà di-nhập sang ta. Nho-gia Lục-nhất cư sĩ Âu Dương-Tu đời Tống, có cái thuyết « dùi gỗ đập vào chuông, chuông kêu, dùi kêu », Thiền gia có cái thuyết : « phan động, tâm động » cùng chung một lý ấy. Nhà nghệ thuật khi nói đến những mỹ cảm kinh nghiệm, chẳng qua là bên trong cái việc tự-tình hội-thần, thì mỗi tình thú giữa ta với sự-vật qua lại quanh co, không có gì ngăn cách.

Nay hãy nói về việc hân-thưởng cái đẹp của giới tự-nhiên, như khi ta ngắm một gốc mai thì tâm cảnh của ta nó như thế nào ? Chú-ý lực của ta tập trung vào hình tượng bản-thân gốc mai ; trong ý-thức của ta, ngoài trừ cái ý tượng về gốc lão mai ra, nhất thiết không có ý niệm gì khác nữa. Trong lúc ta quan-thưởng cái vẻ đẹp thiên nhiên ấy thì mọi ý nghĩ về thực dụng, mọi suy xét về phạm vi khoa học đều hoàn toàn không có tác dụng chi hết ; ta cũng không có ý tưởng phân biệt ta là ta mà lão mai là lão mai. Cái hình tượng của gốc mai sẽ kêu gọi những mối liên tưởng của gốc mai sẽ kêu gọi những mối liên-tưởng như là tuyết trong, trắng sáng thì trong thâm tâm ta tự nhiên là ẩn ước như có tuyết trong trắng sáng vương vít luôn luôn với tình cảm, bởi vì ta đã quên đứt đi rằng gốc lão mai với ta là hai sự-

kiện, cho nên vô ý trung ta đã đưa cái « tinh thần tuyết trong trăng sáng kia » di chú vào bản thân gốc mai, khác nào gốc mai vốn sẵn có cái tính cách cao-sĩ ấy. Đồng thời, từ chỗ bất tri bất giác, ta chịu ảnh hưởng về cái dáng vẻ cốt cách thanh kỳ của gốc mai mà cảm thấy tinh thần thanh thoát. Vì thế mà gốc mai đã nghiêm nhiên trở nên một người trong khi người cũng nghiêm nhiên biến thành gốc lão mai :

*Thần thơ đứng gốc cây mai
Bóng cô cô nghĩ, bóng ai cô vờn.*

hay là :

*Nghêu ngao vui thú-yên-hà,
Mai là bạn cũ, hạc là người quen.*

Những mối mỹ-cảm chân-chính đều như thế cả, đều là tới cái giới vực « vật vọt ta là một ». Trong cái cảnh giới vật vọt ta đã đồng nhất thì di-tình tác-dụng rất dễ phát-sinh, bởi vì tự ta, ta không phân biệt mối tình cảm đã nảy nở ra đó là do ở ta hay do ở vật mà có.

Trở về với phạm-vi hân-thường cái đẹp nhân-tạo, tức là « nghệ-thuật-mỹ » xem thế nào ? Thí dụ nghe âm nhạc, ta thường thấy rằng nghe khúc Cao-sơn Lưu-Thủy mà thần-trí ta lâng lâng khoái hoạt, nghe khúc Xuân-phong, Long-hồ, Tàu-mã mà thần-trí ta phấn khởi hăng hái, nghe khúc Ai-Giang-nam mà thần-trí ta có mối cảm-hoài ai-thương nhẹ nhàng, nghe khúc Quả-phụ mà ta bi thương nhỏ lệ. Thực ra thì tự bản thân nhạc điệu chỉ có những bậc cao hay thấp, ngắn hay dài, gấp hay hoãn v. v... tự nó có cái gì khoái hoạt, ta phấn-khởi, hay ai thương đau ? Nói khác đi thì nhạc điệu chỉ có mật lý mà không có nhân tình, nghĩa là nó chỉ có tiếng cao thấp, mau khoan, dài ngắn vậy mà ta đã thấy ở nó có tình cảm như tình cảm con người phát ra sở dĩ nó đã nói lên ta những gì ? đó là do ở sự di-tình tác-dụng mà có. Di-tình tác-dụng ở nơi đây phát ra như thế nào ? Mạch lạc của bản nhạc là ở tiết tấu. Tiết tấu tức là mối quan hệ nối tiếp nhau của bậc điệu khi cao thấp, khi mau khoan, khi vắn dài. Mối quan hệ liên lạc ấy, trước sau không giống nhau cho nên hoạt động tâm-lực và tâm ý của khách tri-âm cũng trước sau khác nhau, nhân đó mà tự trong thâm tâm của khách tri-âm cũng nổi lên những tiết tấu bình-hành với tiết tấu của bản nhạc. Đây các bạn hãy nghe :

*Khúc đầu Hán Sở chiến-trường
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.*

Nếu bạn là Kim-Trọng lúc này thì tâm-tình bạn tự nhiên phải nhịp theo cái tiết tấu « tiếng sắt tiếng vàng » mà cảm thấy phấn khởi. Nhưng chỉ trong giây lát, những tiếng « sắt vàng chen nhau » ấy đã chuyển sang những tiết tấu mà bạn thấy rằng trầm lặng, ni non :

Khúc đầu Tư Mã Phụng-cầu

Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?

Quá quan này khúc chiêu quân

Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia,

Trong như tiếng hạc bay qua,

Đục như nước suối mới sa nửa vọt...

và tới đây thì tự-nhiên là bạn cũng như Kim-Trọng :

Khí tựa gối, khí cúi đầu

Khí vò chín khúc, khí chau đôi mày...

Vậy thì tình-tự ấy vốn ở Kim-Trọng, trong khi tự-tĩnh hội-thần nghe bản đàn, chàng đã đem cái tình tự ấy ném vào tiếng đàn ; hoặc nói trái lại thì tiết-tấu mau khoan, cao thấp, vắn dài đã thu hút tình-tự chàng Kim, rồi tâm-tư chàng ứng theo những tiết-tấu ấy, rồi hóa nên : *khí tựa gối, khí cúi đầu*, v.v... do đó mà bản đàn có lúc phấn khởi, có lúc bi-thương đoạn trường, chớ thực ra bản đàn kia tự nó có biết « *vò chín khúc* » với « *chau đôi mày* », tự nó có bi thương hay đoạn trường bao giờ !

Trong cái tác-dụng di-tĩnh của ta, thường thường lại thấy có những động tác mô phỏng nữa. Kim-Trọng nghe đàn mà « *khí vò chín khúc, khí chau đôi mày* » khác nào như ta, khi xem chữ của Thiết-hoạch đạo-nhân mà phảng phất như thấy sóng nước vọt lên, như muôn ngàn con ngựa phi dăng rồi vô-tình gài cốt, tay chân ta cũng như muốn vũ lộng lên. Trông người ta làm xiếc, leo trên sợi giây cao 45 thước mà khán giả ngồi xem cứ run bắn lên, có bà đến té xỉu đi ; người ta đương lấy sức dùng kìm vặn một sợi giây thép (giây kẽm), kẻ đứng coi không tự chủ được bỗng dưng cũng nghiêng rãng, méo miệng như tưởng chính mình đương dùng sức vậy. Khi ta tập trung ý nghĩ đến việc gì, thường hay có cái khuynh hướng vận động, miêu tả ra bằng động tác, bằng lời nói cũng có. Có người đương đứng bỗng dưng thấy di-chuyển mình mây, chân lẻ bước có nhịp điệu, ấy là họ đương nghĩ đến khiêu vũ ; có người cao hứng đến quên cả hình hài, trong khi trò chuyện đưa chân ghếch lên bàn hoặc gác lên đùi kẻ khác ; có người vừa đi vừa lăm bằm nói một mình, v.v... Thường khi ý nghĩ không thực hiện ra ở động tác bởi lúc ấy lại có những ý nghĩ trái ngược, hoặc ý nghĩ khác chen vào làm ngăn trở, như cùng một lúc nghĩ đến leo giây lại nghĩ luôn cả đến đánh bóng bàn chẳng hạn. Nếu chỉ đơn-thuần có một ý niệm thôi thì ý niệm ấy mới thường phát hiện ra cử chỉ động tác. Trong mỹ cảm kinh nghiệm, chú ý lực tập trung vào một ý tượng cho nên dễ dàng dẫn đến những tác động mô-phỏng.

Những hiện tượng về di-tĩnh, có thể gọi là công việc « nhân tình hóa

vũ trụ », nhân vì có di-tình tác-dụng đã thì rồi những sự vật chỉ có thể xác thôi cũng thành ra có tình-tứ, những sự vật chết cũng thành ra có sinh khí. Từ quan điểm lý trí mà xét, thì di-tình tác-dụng là một sự hiểu lầm, là một lối mê tín. Nhưng nếu thử đem gạt trừ hẳn nó đi thì chẳng những là nghệ thuật hết lối sản sinh, mà luôn cả đến tôn giáo cũng hết nghề xuất hiện. Nghệ thuật với tôn giáo đều giống nhau ở chỗ *sinh khí hóa* và *nhân tính hóa vũ-trụ* : một đằng rút ngắn cái độ cự-ly giữa người với vật, một đằng rút ngắn cái độ cự-ly giữa người với thần thánh tất cả đều có ít nhiều sắc thái huyền bí. Cái mà người ta quen gọi là thần bí chủ-nghĩa, thực ra không có gì là thần-bí hết. Chẳng qua là từ trong những sự vật rất tầm thường tìm ra được những ý-nghĩa khác thường đó mà thôi, và đó vẫn là cái lối di-tình tác dụng mà thôi. Từ một ngọn cỏ lá cây, tảng đá, mảnh trăng mà thấy được cái sinh-khí, cái tình tứ, cho đến những chủ trương phiếm-thần rất huyền-ảo, trình độ sâu nông tuy có khác mà đạo lý thì cũng vậy mà thôi.

Mỹ cảm kinh nghiệm nếu đã là sự tuần lưu qua lại giữa mỗi tình-thú và tư-thái của người với sự-vật, thì ta có thể từ trong cái tiền đề này lấy ra hai kết-luận :

— Hình-tượng của sự-vật, chẳng qua chỉ là sự phản chiếu của mỗi tình-thú của người ta. Ý nghĩa của sự vật sâu nông thế nào đều quan hệ mật thiết với tính cách của người. Người có ý-niệm cao-sâu sẽ nhìn nhận thấy cái phần cao sâu ở sự vật ; người nông nổi chỉ thấy ở sự vật một cách nông cạn mà thôi. Thí dụ một đóa hoa còn đọng hơi sương, ở người này trông ra không thấy ý nghĩa gì hết, nhưng ở người kia nhìn ra thì hoa đương ngậm lệ nuốt sầu, lại ở một người khác nhìn ra thì bông hoa ấy tượng trưng cho cái ý nghĩa của nhân-sinh và vũ-trụ. Với một bông hoa như vậy, thì với hết thảy sự vật khác cũng đều như vậy, — chính là ta đã di-nhập tình-tự ý-tưởng vào sự vật cho nên sự vật mới bày hiện thành cái hình-tượng ấy. Cụ Tiên-Điền đã thú nhận rằng chính cụ đã lắp kính đậm vô mắt để nhìn sự vật, nên cảnh vật đều nhuộm một màu đen tối. « *Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu* ». Đối với cụ (hay đối với nàng Kiều) thì cảnh nào mà vui cho được, vì « *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* ». Vậy chúng ta có thể nói rằng : thế giới của mỗi người đều là cái thế giới do mỗi người tự dần bày ra, mà trong sự hân-thường, trong cách hân-thường đều có phần nào sáng-tạo-tính.

— Người ta chẳng những di-nhập tình-tự của mình vào sự vật mà lại còn muốn *thâu nhận mọi dáng vẻ điệu bộ của sự vật vào với mình*, cho nên trong nhiều trường hợp bất tri bất-giác (ta quen gọi là vô tình trung) đã mô phỏng hình tượng của sự vật. Nhà nọ thờ tranh Đức Thánh quan, bà chủ thành tâm lễ bái. tâm ý đề vào tờ tranh quá, đến nỗi sau sau bà đẻ sinh ba

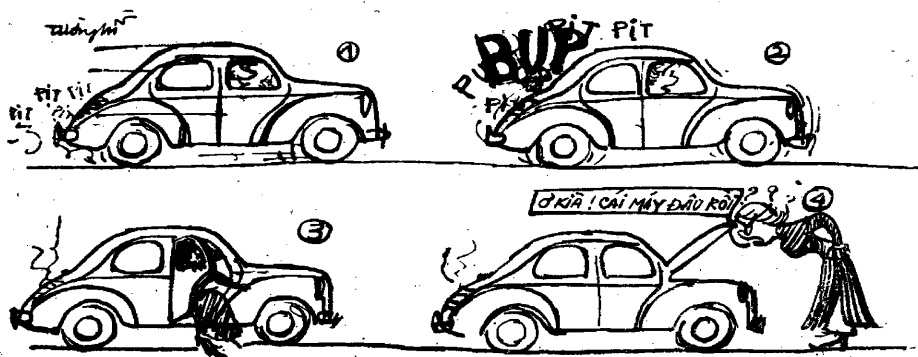
một người mặt đỏ, một người mặt trắng, một người mặt đen. Nhà danh họa D.G. Rossetti vẽ tượng nàng Beatrice thần bí thể-diễm như thế nào mà nhan sắc dung quang các thiếu nữ nước Anh, một thời đã biến cả ra thành Beatrice. Tương-truyền rằng xưa nhà danh họa Nhật bản Trúc Cửu Mộng-vẽ Nhị những thiếu nữ mắt tròn xinh xinh, rồi mà tới nay, mắt các thiếu nữ Nhật đều tròn tròn xinh xinh như lối mắt chim bồ câu cả. Có người bạn vui tính hỏi đùa rằng: « giả thiết như hết thảy họa sĩ trên thế gian này đều vẽ người không đầu ráo trọi, có lẽ ít lâu nữa trong thế gian sẽ sản sinh ra những người không đầu cả ». Các bạn cho là câu chuyện đùa cợt chẳng? Không phải thế đâu! Họa gia trong đời này quyết không diên khùng gì mà toa-rập nhau đề cùng vẽ những người cụt đầu làm gì, cho nên ta khỏi lo sau này người ta sẽ không có đầu. Thế nhưng cái thuyết « Nhâu - sinh mô-phỏng nghệ-thuật » với cái thuyết « mỹ-cảm kinh nghiệm có công hiệu uốn nắn tính tình (không phải là trực tiếp sửa chữa tính tình) » không phải là không có. Trong tâm lý người ta, in lấy ý-tượng về đẹp rồi, thường bị cái ý-tượng của đẹp nó thấm nhuần, thì tự nhiên là bớt được phần nào, hoặc bớt dần dần những ý-niệm nhơ-dục.

Tô - Đông - Pha nói: « Thà ăn không có thịt cá cũng được, nhưng không nên ở mà không có trúc. Không ăn thịt thì người sẽ gầy đi, nhưng nếu không có trúc thì người ta sẽ hóa ra tọc mắt ».

Cây tre (trúc) chẳng qua là một thứ hình-tượng về đẹp, hết thảy những sự vật mỹ-quan trên đời này, đều có cái công hiệu là khiến cho người ta bớt tọc nếu không hẳn là thoát tọc.

Q.N. TRƯƠNG-CAM-KHẢI

TRANH VUI





HƯƠNG LAN

Truyện ngắn của NHẬT - TIẾN

Ở nhà có ba anh em: anh Thi, chị Thủy và Thu. Những buổi trưa, Thu hay đẩy cái xe cao xu lại ngồi ở gần cửa sổ. Qua rèm cửa xanh, phía ngoài là mảnh vườn nhỏ. Cây lan tây cao ngất, tỏa bóng mát ra tận bề nước. Về mùa hạ, những cánh hoa xanh, nhỏ, rụng tả tơi ở trên từng vuông gạch lốm đốm nắng. Hương thơm đưa thoang-thoảng trong gió mát. Chị Thủy hay dùng chiếc lao màn dài, cời những chùm hoa chín vàng đem ép vào giữa các trang vở. Chị hay nói bằng quơ:

— Hoa thơm thế này mà anh Thi ghét thì lạ thật.

Rồi chị hít thật dài, mái tóc óng ả xõa xuống ở đằng sau lưng thon nhỏ, ngực chị bỗng lên trong chiếc áo ngủ màu xanh. Căn phòng tằm hơi mát rượi, bức màn trúc chắn ngang phía cửa ngoài lúc lắc theo ngọn gió, có tiếng anh Thi ngáy rất to ở giường sắt cuối phòng. Buổi trưa, chị Thủy không bao giờ ngủ. Chị hay hí-hoáy với những bản nhạc, tập thơ hoặc đi từ góc này sang góc kia, tay tung lên cao những cánh hoa nhàu nát. Thu

thấy chị là một một người sung sướng hoàn toàn với sắc đẹp của chị, với nụ cười, với giọng nói trong và ấm.

Thu liệt chân từ nhỏ nên chỉ ngồi dựa lưng vào cái ghế có bánh xe. Khi gần cốt mỗi rã rời, Thu tại búi lấy thành cửa sổ đánh đu người lên, mái tóc nàng xõa xơi xuống bờ vai, đôi chân nhỏ teo lủng lẳng trong hai ống quần dài và rộng. Cử chỉ cố gắng ấy thật là mệt, bàn tay Thu run rẩy trên chiếc song sắt đầy bụi, hơi thở nóng ứ mũi. Thu hớn hên nhìn lên những dải mây trắng đứng yên lặng trên nền trời xanh. Gió thổi rất nhẹ trong khóm lá. Những đốm nắng nhạt nhợt xao động trên mặt cát, lối đi ra vườn sau. Tiếng hát nhẹ nhẹ của chị Thúy văng lại từ phía ngoài, có cả tiếng cành cây xào xạc lúc chị ấy dùng lao màn để chọc hoa nữa. Thu nghĩ nếu mình cứ ở cái vị trí ấy mãi thì thật thú vị vì ít khi Thu được nhìn xuống từ một chiều cao. Nhưng thường thì chỉ một phút sau tay Thu đã bỗng rớt, thành sắt cạ vào lòng bàn tay thành một mảng đỏ ửng, lốm đốm bụi đen. Thu uể oải buông người xuống, ngực Thu ép lại, hai ống chân không cảm giác gác vắt vẻo lên cái sà ngang bằng đồng sáng loáng ở cái xe cao xu. Thu một lữ như một con vật vừa cố gắng nhảy ra khỏi chuồng giam của mình. Căn phòng vẫn im lặng, chỉ có tiếng lách cách của những ống rèm trúc va vào nhau theo cơn gió thổi nhẹ. Ở bàn làm việc của anh Thi những tờ giấy trắng hắt nắng từ cửa sổ chiếu lại làm Thu chói mắt. Thu nghĩ đến thói quen của anh hay cặp la liệt những mảnh giấy vẽ vắn vơ lên trên tường. Anh Thi thích vẽ nhưng

không bao giờ đi học một lớp họa nào. Hơn nữa ý thích của anh chỉ có từng thời kỳ. Nhiều hôm anh cầm cùi quên cả ăn để chất màu lên giấy đem treo ở đầu giường, ở cửa sổ, ở khắp nơi quanh bàn anh làm việc. Lâu lâu anh lại tháo xuống, nhét vào cái thùng sữa ở gầm giường. Chị Thúy tha hồ được lên mặt với anh:

— Em đã bảo mà!... Tốn tiền mua thuốc vẽ, tốn cả công em dọn dẹp.

Nhưng anh Thi thì bao giờ cũng giữ vẻ lăm lăm. Anh chẳng buồn đáp lại lời của chị Thúy. Anh có vẽ theo cái quan niệm coi lời chị Thúy nói để mà nói thế thôi. Ngược lại, đối với các bạn, anh lại hay tranh luận một cách rất nhiệt thành. Những buổi chiều sau bữa cơm, các bạn anh hay đến quây quần ở chung quanh chiếc bàn nhỏ. Khói thuốc toả um lên, xanh cả một góc phòng. Thu ngồi quay lưng về phía ấy, mắt nhìn ra khung cửa. Chị Thúy ngồi với mẹ ở vườn sau thỉnh thoảng lại nói to để mọi người biết là có sự hiện diện của mình. Cũng có khi chị lên gạ chuyện với Thu. Chị ngồi trên chiếc giường sơn trắng, mặt quay về phía các bạn anh Thi. Thu chỉ nhìn vào mắt chị, cũng nhận biết chị ấy không đề ý gì đến mình. Ôc chị có vẻ chú ý đến câu chuyện om xòm phía đằng kia hơn. Thường thường những lúc ấy thì cử chỉ của chị kém vẻ tự nhiên. Chị vừa có vẻ hãnh diện, và có vẻ làm dáng trước mặt các bạn anh Thi. Thu không ghét chị nhưng cảm thấy chị xa mình. Cũng vì thế Thu hay ngưng câu chuyện ngay ở nửa chừng khiến chị Thúy phải bối rối. Chị hoảng hốt sẵn đón thu như thể Thu đã đọc được

những ý nghĩ ở trong đầu chị. Câu chuyện của các bạn anh Thi thì sôi nổi hay trầm mặc cũng tùy theo sự có mặt hay không của chị Thủy. Tuy chị chỉ ngồi ở xa, nhưng các bạn anh lại nói hăng hơn nhiều. Thu nghiệm những lần chị Thủy vắng nhà, họ không nhiệt thành như thế. Anh Thi nói chán quay ra khắc tẩn mẩn lên mặt bàn. Anh Hiền ngồi ghéech cả chân lên vai ghế, ngửa cổ thả khói lơ mơ lên trần nhà. Anh Sinh đi đi lại lại bồn chồn ở trước khung cửa sổ. Còn anh Cung thì với lấv cây đàn gảy rất hay một vài đoạn dạo nhạc của những bài hát thật xưa. Thu rất ghét tính tự nhiên quá lố của anh. Có lần chị Thủy vắng nhà anh đến lục bàn chị, hỏi Thu cho mượn tập nhạc. Rồi không đợi Thu trả lời, anh tự tiện mở tung chồng sách của Thủy để tìm tòi. Thu hậm hực nhưng không nói ra. Về sau Thu mách với chị Thủy. Thu ngạc nhiên hết sức khi thấy chị không có vẻ gì là tức giận cả.

Một lần nữa, anh Cung lấy về của chị Thủy một bản nhạc mới. Thu phản đối anh bằng bộ mặt giận dữ của mình. Nhưng anh lại cười ngạo nghễ, nụ cười có vẻ coi Thu vào hàng em bé mặc dầu Thu cũng đã mười sáu tuổi. Thu hẳn học nhìn anh Thi, nhưng Thu phải cúi xuống ngay vì những tia máu đỏ vằn lên ở trong mắt anh bao giờ cũng khiến Thu sợ hãi.

Mấy hôm sau, anh Cung trả lại chị Thủy bản nhạc, lại cho chị mượn thêm mấy bản nữa. Hai người bắt đầu nói chuyện với nhau. Những lần sau, ngay cả khi anh Thi không có nhà, anh Cung cũng ở lại nói chuyện với chị Thủy suốt buổi. Tiếng cười của chị Thủy trong và ấm. Mắt chị sáng long

lạnh, hai gò má đỏ hồng hồng. Thu đọc thấy những ý nghĩ của anh Cung qua miệng anh ấy cười và mắt anh ấy say đắm ngắm chị. Thu muốn hăm bót lòng yêu của anh bằng bộ mặt nặng nề của mình. Còn chị Thủy thì vẫn giữ vẻ thân nhiên, không giận Thu, cũng không sợ anh Cung giận Thu nữa. Nụ cười lúc nào cũng nở trên môi của chị. Chị tiếp chuyện anh Cung rất niềm nở, thỉnh thoảng chị lại cúi nhìn tinh-nghịch cái cổ chân khẳng khiu của anh Cung để hở ra vì chiếc bít tất tụt vào trong giày. Thu nghiệm ra rằng sự niềm nở của chị chẳng riêng gì đối với anh Cung, mà chị có thể đối đãi như thế với bất cứ người con trai nào. Nhiều khi Thu bực tức vì sự phi phạm tình cảm của chị. Với ai, Thu cũng thấy như là chị đã yêu ngay người ấy rồi.

Thật ra trong các bạn của anh Thi, chưa có ai xứng đáng với sắc đẹp và linh hồn chị. Anh Hiền hay bị thâm hóa cuộc đời bằng những triết lý ủy mị, anh Sinh yếu đuối và nhút nhát như một người con gái, còn anh Cung thì lại đang điểm, chỉ sành sỏi ở cái vỏ bên ngoài. Nói chung thì Thu không thấy ưa một ai cả, hơn nữa Thu còn khó chịu về sự làm thân với họ của chị Thủy.

Đạo này Thu hay ngầm kiểm soát đồ dùng của chị Thủy. Những lúc chị vắng nhà, Thu lần giở từng trang trong sách nhạc của chị. Có rất nhiều bản anh Cung chép tặng chị. Chị Thủy nhận tất cả và xếp rất cẩn thận trong một tấm bìa cứng. Nhiều khi đã tặng đi rồi, anh Cung còn mượn lại, ý hẳn anh muốn xem chị Thủy có « phụ đề » gì ở những bản nhạc của anh không. Thường thường là anh tìm

thấy những chữ ký của chị, chữ ký vòng vèo không rõ, ai cũng có thể đoán được là Thủy, hoặc cũng có thể là Cung. Điều ấy làm anh Cung nằng đến nhà Thu hơn, và càng tỏ ra thân thiết với chị Thủy.

Một hôm, Thủy khoe với anh Cung là Thủy mới khám phá được một chùm lan sai và chín nhất ở gần bờ nước. Cung đòi đi xem. Hai người sánh vai nhau đi xuống sân gạch. Anh Cung cao hơn Thủy gần một đầu. Hôm ấy anh mặc áo sơ mi ngắn. Tay anh cho vào hai túi quần tây. Chị Thủy nhí nhảnh bước đi trước anh một hai bước. Thu muốn đẩy cái xe cao xu của mình đi theo nhưng thêm gạch có ba bốn nấc. Nếu không có ai giúp sức thì Thu chẳng thể nào qua được. Tự nhiên Thu thấy buồn thắm thía. Thu vụt nghĩ đến một ngày nào chị Thủy đi lấy chồng, anh Thi đi lấy vợ, và ba, mẹ cùng chết cả. Thu không tưởng tượng nổi sự cô độc của mình khi ấy sẽ ra sao. Chắc là hãi hùng lắm. Nghĩ thế tự nhiên Thu bưng mặt khóc. Thu quên hẳn ý định leo lên cửa sổ theo rồi cứ chỉ của hai người. Tự nhiên, Thu mong cho chị Thủy lấy anh Cung, mong cho tất cả đều bỏ rơi lại một mình Thu trong sự cô độc hỗn khổ như thế này. Khi ấy chắc Thu sẽ buồn lắm, nhưng Thu thích tìm sự an ủi ở trong nỗi buồn ấy.

Thu đẩy bánh xe ra phòng ngoài để tỏ cho hai người thấy rằng Thu không soi mói cử chỉ của họ. Một mình Thu một ở giữa căn phòng tầm hơi mát, chung quanh là những đồ đạc bóng lộn vì sự chăm sóc của ba Thu. Lúc này, cả nhà đi vắng nên các cửa đều khép kín. Thu muốn leo lên giường nằm đắp chăn trùm kín lên đầu

để được tự do khóc một mình. Hai tay Thu bưng lấy mặt. Nước mắt của Thu ướt đầm cả môi và má. Có tiếng cười rộn rã của chị Thủy vẳng lại ở vườn sau. Thu nghĩ đến niềm vui của hai người, những người yêu nhau và không bệnh tật. Thế giới của họ là thế giới khác, có niềm vui, có tình yêu, có sự tự do bay nhảy như những con chim trong nắng sớm. Đột nhiên Thu thấy ghen với anh Cung. Thu không muốn mất chị Thủy. Lòng dạ Thu náo náo như thấy mọi người đang bắt đầu đi xa mình. Thu ngăn ngại một giây rồi đẩy cái xe tiến lại phía cửa sổ. Tiếng cười của chị Thủy gần hơn. Qua cánh rèm xanh, Thu thấy chị Thủy vắt vẻo ở trên thành bờ nước. Nắng buổi chiều vàng nhạt lốm đốm ở trên tóc chị. Hai tay chị níu xuống một cành lan cho ngả là xuống mặt đất. Chị ném cho anh Cung những cánh hoa chín vàng. Anh Cung xếp tất cả trên chiếc khăn tay giải ở trên sân gạch, mồm anh ngậm một bông hoa chín và to nhất. Thỉnh thoảng anh lại đưa lên hít thật lâu. Chị Thủy nói:

— Đủ chưa?

Anh Cung đáp:

— Nhiều lắm rồi. Thừa quá, phải đi. Anh chỉ thích một bông này thôi.

Chị Thủy nói với xuống:

— Lan càng to càng không thơm đâu.

— Nhưng anh thích.

Giọng chị Thủy đáp sòng:

— Dối l...

Rồi chị cười như nắc nẻ. Lúc buông cành lan ra khỏi tay, chị kêu lên:

— Nhiều kiến quá!

Anh Cung, giọng hốt hoảng :

- Chết ! Kiến đen hay kiến lửa !
- Kiến đen ấy chứ ! Làm gì có kiến lửa ở trên cây lan.
- Có làm sao không ?
- Chẳng sao hết.
- Xong anh phải cho.

Thúy nhìn thẳng vào mặt anh Cung ranh mãnh. Rồi nàng lại bật lên cười khiến Cung hơi đỏ mặt. Thúy nói :

- Anh tưởng Thúy không phải được hay sao ?

Cung ấp úng :

- Thi Thúy lấy lan hộ anh, anh phải phải hộ là sự thường chứ !

Thúy nghĩ một giây, rồi gơ tay ra trước mặt Cung, cánh tay tròn và trắng dưới nắng vua buổi chiều :

- Đây ! Phải đi !...

Cung mở mắt bối rối nhìn Thúy. Nhưng rồi anh cũng nắm lấy tay Thúy vừa thối, vừa hất kiến xuống đất. Chợt Cung đưa bàn tay mềm mại của Thúy lên môi hôn. Thúy giật lại, không nói một câu. Nàng đi ra giữa sân nhặt ở dưới đất lên mấy bông hoa lan, ném lên cao. Có bông Thúy bắt lại được, có bông quay lưng lơ trong không khí rồi rơi xuống bề nước. Thúy cúi xuống nhìn, tóc nàng xõa tung về phía đằng trước. Thúy gọi :

- Thu ơi !... Cá vàng chị nuôi đã đẻ rồi đây này !...

Thu biết là Thúy bịa, vì Thúy chưa nuôi cá vàng bao giờ cả. Những lời nói của Thúy khiến Thu đột nhiên vui sướng. Thu

đẩy cái xe lại thêm cửa nhìn ra ngoài.. Anh Cung đang cúi nhặt cái khăn tay ở dưới đất lên cho vào túi. Đoạn anh quay lại nhìn Thúy. Thúy vẫn thản nhiên vục đầu xuống bề nước, tay Thúy khuấy loạn xạ làm vang lên tiếng nước bị bồm. Thấy Thúy không quay lại, anh Cung đi thẳng lên thêm. Mặt anh có vẻ bối rối, và bức tức. Anh nói với Thu :

- Anh về đây.

Rồi anh nói lớn về phía Thúy :

- Chào cô Thúy !

Thúy đáp lại bằng một chuỗi cười, tiếng cười âm trong bề nước nghe như vỡ thành từng mảnh sắc. Đột nhiên Thu thấy thương hại anh Cung. Thu không hiểu Thúy nghĩ gì mà lại hành động như thế. Bây giờ, chị Thúy đã đứng thẳng dậy. Tay chị vẫn cầm mấy bông hoa lan. Tóc chị xõa xuống bờ vai, có những mảnh lá khô trên thành bề nước dính hồ hững ở ngực. Chân chị đi đất bàn chân có những ngón thon nhỏ tỏ thuốc màu hồng. Chị đi vào sân gạch. Tay chị ném lên thật cao bông lan còn lại, nhưng lần này chị không bắt. Nhìn bông hoa quay tít trong không khí dịu mát của buổi chiều, chị nói to :

- Đùa quá thấy mệt, phải không Thu ?

Thu ngơ ngác không hiểu, nhưng cũng vội mỉm cười. Thúy cúi xuống đẩy cái xe của Thu đi ngược trở lại. Thu có cảm giác như mình bé đi ba, bốn tuổi....

NHẬT TIẾN

Thơ Tứ Tuyệt **của** **Vũ-Hoàng-Chương**

Sầu lên Hợp Phố

Đêm dày khép kín não lòng trai
Vỏ cứng nằm trơ ngọc thở dài
Sao rụng đã tan thành nước mắt
Chùa khuya lại vỡ tiếng chuông rơi

Kích thước Chân thân

Con sâu đo lá chọt vươn mình
Tùng đốt nhồi qua mép tử sinh
Bắt gặp bè-sâu nhìn mãi xuống
Đo trong thăm-thẳm cái nguyên hình

Chẳng đợi Cầu Ô

Bút thơ guồng lẩy sợi tơ vàng
Dệt lẩy bướm trắng đề quá giang
Thi sĩ đêm nay lòng Á Chức
Sông Ngân vào một chuyến sang ngang

Chiều xe Định Mệnh.

Hàng cây sũa tóc chạy đêm nhào
Ngược với chiều xe chúí mũi lao
Trước mặt có gì nguy ? Hản thế !
Không dừng lại được biết làm sao...

ĐƯỜNG THI THI THOẠI

Tiết Đào thi thoại

TỰ là Hồng-Độ quê ở huyện Trường-an tỉnh Thiểm Tây, con gái Tiết-Trịnh, nhan sắc xinh đẹp thơ hay đàn giỏi. Đời yua Đại Tồn (708-805) cha nàng làm quan ở Thành-đô thuộc đất Thục nên nàng cùng mẹ cũng theo vào.

Năm lên tám tuổi một hôm đứng chơi ở sân, cha nàng thấy cây ngô đồng già (cổ đồng) trước nhà sừng sững cao xát mây xanh, bèn ngâm:

Đình trừ nhất cổ đồng

Trung cán nhập vân trung

Nàng ngâm tiếp luôn:

Chi nhinh nam bắc diêu

Diệp tống vũng lai phong

Dịch:

Ngô đồng đình trước sân ngoài

Thân cây cao vút ngang trời cheo leo

*Cánh chim nam bắc dập diêu
Lá đưa đón gió sớm chiều văng
lái*

Năm 18 tuổi cha bị bệnh mất, cảnh nhà thanh bạch không nơi nương tựa, nàng phải xin vào vào phường Nhạc-kỹ để lấy tiền nuôi mẹ. Nàng tự đặt ra thơ ca để phổ vào nhạc điệu, lời lẽ tuyệt tác được mọi người truyền tụng và tôn gọi là Tiết Tú-tài.

Thời ấy Tiết-độ-sứ Tây-xuyên là Vi-Cao nghe danh mời vào sủng phủ uống rượu làm thơ, rồi biểu tấu cho nàng làm Hiệu-thư-lang. Từ đấy tiếng tăm lừng lẫy, văn-nhân tài-tử các nơi nghe danh đều kéo đến Thành-đô cùng nàng xướng họa, mong Nữ Hiệu-thư lưu ý đến nhưng ít người được lọt mắt xanh.

Nàng dựng nhà riêng bên cầu

Vạn-lý, trồng hoa xương bồ và chế ra một thứ giấy ngũ sắc vẽ cây tùng rất đẹp gọi là Hoa-tiên Tùng-giang (đời sau gọi là giấy hoa tiên Tiết-Đào).

Tư-mã Thiên-châu là Vương-Kiến có bài thơ tặng nàng :

Vạn lý kiều biên nữ Hiệu thư
Tỳ bà hoa hạ bế môn cư
Tảo mi tài tử tri đa thiêu
Quần lĩnh đông phong tổng
bất như

Dịch

Bên cầu Vạn-lý Hiệu-thư nương
Cửa khép, tỳ-bà hoa rủ hương
Muốn vẽ mây ngai, bao kẻ đến
Gió xuân gìn giữ đã ngăn
dường

Năm Nguyên-hòa đời vua Hiến-Tôn (806-821) Tả-thập-di là Nguyên-Chân phụng mạng vào thanh-tra Tây-xuyên, nhờ người bạn giới thiệu nên được gặp nàng, Hai người xướng họa với nhau, rồi cả hai cùng cảm vì tài sắc mà thành quyến luyến. Xum họp được ít lâu, Nguyên phải từ biệt nàng để trở lại Trường-an.

Sau ngày Nguyên đi được ít lâu thì Trần - tướng Tây-xuyên là Lưu-Tịch làm phản, đốt phá Thành-đô. Nguyên mấy lần cho người vào Thục đón nàng, nhưng đường bị nghẽn không đi được. Tuy quan san cách trở, mỗi tình kỳ-ngộ Nguyên vẫn canh cánh bên lòng. Đến khi đi nhậm chức Tiết-độ-sứ Vũ-xuyên, Nguyên thấy ở đây phong hoa tuyết nguyệt, thi tửu cầm ca lúc nào cũng sẵn, chỉ duy thiếu có Tiết Tú-tài. Nguyên bèn vịnh một bài thơ cảm hoài để tỏ tình thương nhớ :

Mã thượng đồng huê kim nhật
bối

Động đình hoàn phát cựu thời
mai
Niên niên chỉ thị nhân không lão
Xử xử hà tăng hoa bất khai
Ca vịnh mỗi thiêm thi tửu hừng
Túy hám hoàn mạnh quần
huyền lai
Tôn tiền bách sự giai y cựu
Kiềm diêm duy vô Tiết Tú Tài

Dịch :

Trên ngựa hôm nay chuốc chén
mời
Động-dình cảnh cũ nở đầy mai
Năm năm người chẳng còn
trao trẻ
Chốn chốn hoa nào không
thắm tươi
Ngâm vịnh càng thêm thơ rượu
thú
Say sưa lại dạo sáo đàn chơi
Trăm điều trước án còn như cũ
Chỉ vắng ai xưa : Tiết Tú-Tài

Tiết-Đào ở đất Thục trước sau trải 11 vị Tiết-độ-sứ, người nào cũng kính trọng gọi là Nữ Hiêa-thư hay Nữ Học-sĩ. Đến lúc tuổi già nàng lui vào ở bên đầm Bách-hoa, mặc áo cà-sa ăn chay nghiên cứu đạo Phật. Năm Thái-hòa thứ 5 (831) đời vua Văn-Tôn, nàng bị bệnh mất thọ 64 tuổi.

Nàng chết được mấy năm thì có người bạn thơ trước là Đoàn-văn-Xương vào làm Tiết-độ-sứ đất Thục. Nhân đến thăm lại chỗ cô-trạch có cho đưa đi hái nàng cái tảng bên Tiết-đào-tĩnh là giếng của nàng đào từ trước, lại cho trồng những cây bích-đào chung quanh mộ.

Tác phẩm còn lưu lại : Thi-văn-Tập 2 quyển, 500 bài.

Đường Thi Trích Dịch
ĐỖ-BẮNG-ĐOÀN
và BÙI-KHÁNH-ĐẢN

XÓM EM

Xóm nghèo ven nghĩa địa,
Ngõ em về tối tăm,
Chiều đen khơi đốm lửa,
Tiếng người không vọng âm.
Nhà em quây vách gỗ,
Nắng mưa cây nứt khở ;
Nhưng tiếng xe thồ mộ,
-Theo tháng ngày bơ vơ.
Anh đến thăm một buổi,
Nhưng đưa trẻ lên năm
Ngồi chơi trong xó tối,
Cuộc đời như nín câm.
Hồn em từng rét mướt
Chiều nhớ tới người thân,
Môi cười mi ướt lệ,
Có ghi nhiều thương tâm.
Ở đây hai thể giới :
Người đã chết và em,
Bơ vơ và nghèo khổ,
Kéo dài đời chênh vênh.

TRẦN-ĐẠI

YÊU

Áo bay thấp thoáng ven đầu ngõ,
Vội vã ta tìm chỗ trốn em.
Nhiều khi thăm bảo chưa yêu đấy,
Nhưng đã yêu, rồi trong đáy tim.

TRẦN-ĐẠI

CÙNG ĐÀN H

Truyện ngắn

của DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU

TÔI trốn đơn vị chạy về nằm ở Cổ-Thổ vào cuối mùa thu cùng với những cơn sốt rét cách nhật. Bà cô tôi thương sót mỗi ngày vào nhật những lá, rễ cây về nấu cho tôi uống nhưng vô hiệu nên nghĩ đến chuyện trở về Hà-nội. Ngày tôi rời Cổ-Thổ về Sơn-Tây có tôi gói cho một gói cơm trộn tám phần sắn khô như củi, nhật nhẽo. Cô tôi dặn về tìm một người quen ở đó giúp đỡ. Về tới nơi họ cũng không giúp đỡ được gì ngoài những bữa cơm sắn ăn với rau tàu bay luộc chấm muối. Những cơn sốt lại hành hạ. Người ta không thể xin được giấy cho tôi.

Nghe lời mách của người hàng xóm muốn cho khỏi rét nên nuốt những con run đất. Họ bảo có thể trị sốt rét được. Không còn cách gì hơn, tôi kiếm một con dao cùn và chiếc gáo dừa vỡ đi đào run, những con run dài xanh đỏ ưa nằm chỗ ẩm, tôi cứ việc lật những viên gạch vỡ ở bên vại nước, và đào ở các bờ rãnh hàng bát run mang rửa mà nuốt. Những con run còn sống nguyên, khỏe mạnh bò ngoi đầu lúc nhúc tôi cầm từng vốc bỏ vào miệng, cho nó trườn vào cổ họng. Những ngày đầu ghê tởm, nôn mửa qua đi. Những ngày tiếp theo tôi nuốt thân nhiên.

Những con run sống ấy vào trong bụng tôi đã nhiều nhưng những con sốt cách nhật vẫn hành hạ và dữ dội thêm là khác, sức tôi yếu dần thêm nữa. Tôi chỉ còn tìm cách nào vào thành may ra kiếm được ký ninh uống

Không ai dám bảo đảm xin giấy thông hành cho tôi. Tôi vẫn liều ngày ngày ra bến xe trèo lên đê vào, nhưng dù ngồi yên chỗ rồi khi hỏi đến giấy không có, chuyển xe lại bỏ tôi lại. Rất nhiều lần như thế, đến khi có xe cho đi thì tôi lại không có một đồng. Hà-nội Sơn Tây 43 cây số, với những con sốt tôi không còn đủ sức để về. Mãi sau vì nài nỉ quá có chiếc xe xe chở củ nẫu, với người phu xe thương hại cho tôi đi bằng cách ấn tôi vào giữa những bao củ nẫu. Hẳn bảo tôi trước là nếu vô phúc bị khảm mà lộ ra thì chịu khổ mà ở tù đúng oán thán gì. Tôi hơi mỉm cười bảo :

— Thì sào mà cưỡng được...

Khi xếp những bao tải củ nẫu lên xe hẳn chưa lại một chỗ trống ở giữa cho tôi ngồi vào đấy rồi hẳn lấy thêm những bao khác lấp lên trên. Tôi ngồi co rúm không thể cựa quậy, nhúc nhích. Mùi củ nẫu, mùi bao tải hôi sì, mùi săng nhột như muốn chết ngạt. Giữa trưa xe từ giả tỉnh Sơn vào con đường trở về. Xe chạy nhanh sóc trên những quãng đường gồ ghề, những bao củ nẫu bị lắc mạnh cứ dệp mãi xuống, chung quanh tôi kín bưng chả thấy gì, tôi nghĩ như mình bị bỏ vào quan tài đã đầy ván thiên lại chỉ có điều là tôi còn thở. Con sốt lại đến với tôi giữa những quãng đường ấy, chân tay run rẩy, hai hàm răng đánh vào nhau và tôi là người đi vì mệt mỏi.

Khi tỉnh dậy thì xe đang dừng.

Tôi lắng tai nghe tiếng giầy đinh lộp cộp, những bao củ nẫu bị lay động và có tiếng chọc của một chiếc gậy sắt. Tôi biết là xe đang bị khảm, nên hai lần bị gậy sắt thọc vào lưng tôi không dám nhích và thở mạnh, tôi nghiêng rặng, nhắm mắt lại... Những chặng gác thoát dần sự khám xét khiến cho xe về đến bến thì trời đã tối mịt. Bến xe Kim-Mã hoang vắng, người phu xe dỡ bao tải cho tôi chui ra, tôi nghe tiếng chuông xe điện đổ dồn, tôi bước xuống mặt đường chân tay run lẩy bẩy vì đói, vì lạnh. Tiếng đầu tiên tôi được nghe là của người phu xe :

— Tôi rồi đấy, có thể đi về nhà được không ? Không có giấy thì coi chừng tui ba tui nó nhặt bỏ nhà tiền đấy. Tôi cứng cả lưỡi không nói được. Tôi không biết về đâu cho qua đêm, để sáng mai có thể đi tìm kiếm, dù tôi chưa biết là sẽ tìm kiếm cái gì. Về nhà. Người phu xe nhìn tôi ái ngại. Hẳn có khuôn mặt đến khắc khổ, đôi gò má cao lăm cho hai mắt đen sâu bóng tối. Tôi nói với hẳn tình cảnh của tôi, tôi muốn hẳn cho tôi nằm ở trên xe đến sáng hôm sau. Nhưng hẳn từ chối. Hẳn nói với tôi một ít điều phần trần không sao có thể giúp tôi được. Tôi cảm ơn hẳn. Hẳn xếp lại mấy bao củ nẫu, đóng thùng xe rồi hẳn quay lại nhìn tôi. Nghĩ thế nào hẳn móc túi túi cho tôi mấy đồng bạc. Không nói thêm nữa lời hẳn trèo lên phía trước xe. Chuyển xe chạy vào con đường có đèn thấp sáng.

Tôi đứng lại khoảng đất trống hiu quạnh ở mãi phía ven mấy ruộng mướt có vài túp lều nhỏ tối đen. Sương xuống lạnh giá, tôi đứng tựa vào một cột đèn ngó lên cho đến khi mắt hoa và những con đom đóm xanh đỏ bay lượn

trước mắt như sao sa mới nhìn xuống bóng mình ngã dài gầy guộc

Tôi không thể đứng lâu hơn được nên ngã quỵ xuống. Quá mệt tôi phải cố sức bò dần vào một túp lều bỏ không rồi lăn mình xuống đấy. Tôi nằm im một lúc cho hơi tỉnh rồi cố dậy sờ soạng trong bóng tối xem có cái gì có thể ôm vào người được cho đỡ cô đơn, nhưng sờ soạng mãi tôi mới nhận ra có một cái bàn nhỏ và một cái ghế dài nhỏ. Đó là đồ dùng của một quán nước, hoặc quà bánh gì đó. Tôi không có gì để ôm vào người. Tôi sờ mặt đất nhộp nhấp, sờ những rác rưởi ẩm nước hôi hám, những bã mía lá bánh, giấy vụn. Tôi cố sờ thành một đồng rồi rúc mình vào cho đỡ lạnh và êm hơn mặt đất. Muỗi kêu vo ve, những con chuột kêu thành tiếng chui vào đồng rác kiếm ăn. Chúng cắn chân mà tôi không muốn cự, chúng cắn chán lại rúc, lại kêu. Tôi sờ những nắm lá chuối ướt nhét bỏ vào mồm nhai cho đỡ buồn miệng. Tôi nghĩ chắc thật tôi đã hết máu nên lũ chuột chả thèm ăn, và chắc chúng nó nhiều máu hơn tôi là khác, nghĩ thế tôi há lớn miệng tự nhủ : để chú nào vô phúc rúc vào mình sẽ ngậm miệng lại mà nhai một miếng cho khoái bao tử. Bởi vì nếu có con nào đến gần tôi cũng khó chộp được, chúng khỏe và nhanh lạ. Lũ chuột rúc mãi chắc cũng chả kiếm được gì nên bỏ đi dần cho tôi nằm một mình nghe tiếng muỗi kêu vo ve.

Mãi tôi cảm thấy như có một con vật nào đó rất kỳ dị, to lớn tiến đến ôm choàng lấy tôi, tôi bị nghẹt thở không kêu được,

thân thể cứng đờ rồi thiếp dần đi..

Tôi thức dậy khi trời đã sáng rõ, bụng đói cồn cào, chân tay rời rã, nhưng đầu óc tỉnh táo kỳ lạ. Tôi nằm im cho mãi đến khi có một người đàn bà bước vào lều. Khi bà ta đưa mắt nhìn đến đồng rác thì kêu thét lên. Tôi ngo ngoay rồi chui đầu ra. Chắc hẳn người đàn bà tưởng tôi là một con vật, như con chó ốm ghẻ lở nào đấy. Khi thấy cả thân hình tôi ngời dậy được thì trên khuôn mặt bà ta hiện ra nhiều nét ngạc nhiên đầy kinh dị :

— Trời ơi tao tưởng mày là xác chết rồi chứ... thế mà đêm linh nó không nhặt đi...

Tôi trở ra ngoài vươn vai, thở mạnh, phủi những rác rưởi bám trên quần áo, mắt tôi kèm nhem. Tôi nhổ một chút nước bọt ra bàn tay rồi chét vào mắt mà dụi cho tỉnh táo. Những chuyến xe không, bắt đầu vào bến nằm. Mặt đường nhựa rét cứng. Mùa đông vào thành phố về buồn thảm càng nhiều. Người đàn bà dọn quán. Bà ta bán bún riêu, bánh đúc. Sau khi bày bát đĩa, tôi ngồi vào tám ghế dài, so tay vào giữa hai bắp đùi rồi nói với bà ta :

— Cho một bát bánh đúc.

Người đàn bà mãi mới nhìn lên dò xét, tôi biết bà ta đang nghĩ gì :

— Này người ta chưa bán mở hàng đâu đấy. Có tiền không mà ăn ?

Tôi moi mấy đồng bạc của người phụ xe cho mà遞 lên bàn, tôi lên giọng chững chạc :

— Cho hai đồng thôi...

Hai bát bánh đúc chan canh riêu nóng hổi vừa ăn vừa thổi làm tôi tỉnh táo. Tôi ngón rau chuối như

lợn cốt đầy dạ dày. Tôi ăn thật nhiều ớt cho tê cả miệng và rửa nước mắt.

Nghĩ đến chuyện bị hỏi giấy, tôi đi vào phố xá lén lút như một kẻ ăn cắp, như chủ cừu đang lạc vào bầy sói đang ăn thân trong những xác ma chấp chờn lẫn quất. Trông người nào tôi cũng thấy họ hung ác, ngay cả những đứa trẻ con cũng vậy và lúc nào tôi cũng tưởng họ sắp thộp lấy gáy mình hỏi lằng nhằng rồi bỏ vào nhà tù cho đồng đảo thêm.

Việc đầu tiên tôi nghĩ đến là trở về nơi bãi Phúc-Xá xem nhà cũ thế nào. Thành phố xa lạ một cách không ngờ. Những dấu vết chiến tranh đang được cố gắng lấp đầy để quên lãng. Tôi đứng ở đầu nhà in Ideo cũ nghe tiếng kêu của nhà máy đèn, nhìn xuống bãi Phúc-Xá vắng tanh chờ vợ vài bức tường đứng cô đơn. Cầu Long-Biên xám đứng đặng xa. Tôi không dám lẫn xuống bãi. Tôi cố nghĩ xem, quen ai, tìm ai, ở đâu, ăn gì, uống gì. Tôi ngồi ở vỉa hè nhìn nền trời xám.

Tôi đi men theo nhà Ideo lên phía Yên Phụ, những dãy cây trút lá chạy dài. Những tân lính tây la thét, cười cợt hát bằng ở phía trong bức tường cao. Tôi thấy chúng vứt những ống bơ ra theo lối cửa sổ. Tôi đến những đồng rác ấy bởi móc nhặt những chút vỏ bánh mì đen thui ấn vào mồm mà nhai mà nuốt. Tôi bởi hết đồng này đến đồng khác. Tôi vét vào mồm từng chút cặn thịt hộp đã thui thối, từng chút đầu hay đuôi cá tanh lờm, còn sót lại trong những chiếc ống bơ. Tôi nhặt cả từng miếng bánh mỳ nhỏ ấn vào hai túi áo. Đi hết những đồng rác tôi ngồi nhai những mẩu bánh,

khi cổ khô vì khát tôi tìm một cái máy nước áp mặt vào mà nuốt.

Tôi đi lang thang lén lút từ phố này sang phố khác. Chén vào đám đông nhìn vào từng khuôn mặt xem có ai quen không. Nhưng suốt buổi tôi không kiếm tìm được gì.

Đến buổi trưa tôi theo đường tàu điện ra tận Giám, ngồi trong văn miếu bên những bia đá, nhà đồ, gạch ngói và cỏ hoang buồn buồn tôi lộn hai túi áo ra nhặt nốt những vụn bánh còn sót lại bỏ vào mồm. Ngồi chán leo bức tường đồ ra chợ Cồn Bò. Đang thơ thần bỗng nghe tiếng người hỏi giạt :

— Kia cậu Kha, cậu mới hồi cư à ? Ông bà ở đâu ?... Cháu vẫn đề ý tìm mà không gặp — may quá... nhà cháu ấy...

Tôi ngạc nhiên phũ áo rồi nhìn vào mặt người đàn ông một lúc. Tôi không nhận ra ai. Thấy tôi im lặng người đàn ông lại nói tiếp :

— Cháu đấy mà — cả Mạnh hồi xưa trông cửa hàng cho ông bà nhà...

Bây giờ thì tôi đã có người quen rồi cho dù tôi không nhận ra ai.

— Tôi nhớ, chết thật lâu ngày... tôi cũng đang đi kiếm...

— Thế ông bà nhà ?

— Có mình tôi thôi... thầy đề tôi... Tôi đang đi tìm một chỗ ở.

— Thế ra có mình cậu.

— Vâng...

— Thật rồi...

— Tôi muốn có một chỗ ở tạm — nhà bác ?

Người đàn ông lưỡng lự. Bác ta vào độ 40 tuổi, mặt già nua đen sạm, những vết nhăn chẳng chịt trên trán. Một con mắt bị tật để lộ ra một mí đỏ lỏm và ít râu thưa mọc lờm chớm trên mép.

— Cho tôi ở tạm thôi...

— Nhà cháu cũng không có chỗ ở. Sợ cậu ở không được.

— Vẽ ra, đến có ô chuột mà rúc cũng hay rồi đấy, loạn mà bác?

Sau cùng — bác Mạnh — bây giờ tôi có thể nhớ được tên bác — đưa tôi về ngõ Thông Phong ở tận mãi chỗ Ô Chợ Dừa con đường Hàng Bột. Vừa vào đầu ngõ đã phải đi qua một xưởng thuốc da hôi thối và những ruộng ruộng tanh lợm mùi bùn. Bác Mạnh làm nghề thổi thông phong cho một xưởng nhỏ, ở luôn tại đó làm người gác nữa. Bác có một chỗ ở bằng ba chiếc chiếu ngánh bằng mây tẩm tòn vào cái lò nấu thủy tinh. Trong nhà chỉ có một cái giường tre độc nhất là chỗ ăn, chỗ ngồi chơi hút thuốc lào và chỗ ngủ cho hai vợ chồng và một đứa con gái hai tuổi gầy teo. Tiếng nó khóc như tiếng mèo kêu, nhưng cũng nhờ tiếng khóc đó tôi biết nó còn sống.

Tôi nói tình cảnh tôi cho bác Mạnh nghe. Bác tỏ vẻ ái ngại về chuyện vật đổi sao dời làm tôi khó chịu. Tôi nhờ bác xin cho một việc làm ngay ở xưởng. Ở đây người ta mua những mảnh vụn chai, kính vỡ về nấu rồi thổi thông phong, những ve chai nhỏ để đóng thuốc cho mấy tiệm thuốc bắc. Tôi không biết thổi nên nhận một chân đốt lò, khuôn thủy tinh, quét dọn. Buổi tối tôi giải chiếu ngay nối cửa lò — chỗ làm việc của bọn thợ ban ngày mà ngủ cho ấm.

Bây giờ thì tôi đỡ lo là chết ngay. Mùa đông kéo dài những ngày rét mướt. Tôi vay tiền mua hai cái bao tải tới đến chui vào đó. Với những ngày làm việc mệt nhọc, những cơn sốt vẫn trở lại với tôi. Tôi lãnh tiền công chỉ trả tiền cơm cho bác

Mạnh và mua thuốc kí-ninh vàng về uống hoài. Uống mãi những cơn sốt lui dần thì tôi hóa ra ngễnh ngãng, ù tai nghe không rõ. Người ta sai bảo tôi chẳng nghe được, người chủ đuổi tôi không cho làm vì không thể mượn một người điếc. Tôi buồn sao không điếc hẳn mà lại lại còn đủ sức để nghe tiếng quát tháo.

Theo lời khuyên của bác Mạnh. Tôi đeo lên vai một cái giỏ rách, với một cái móc sắt đi theo những người móc rác đi nhặt mảnh chai, kính vỡ, vụn sắt về bán.

Tôi tìm ra bãi đồ rác, bởi những đồng hôi thối, nhặt mảnh chai, kính... từng chút sắt vụn, vỏ cam, rẻ rách. Khi chiều về lọc ra từng thứ bán cho bà Cả Ở. Bà ta chuyên mua lại của những người đi nhặt rồi bán cân cho xưởng thổi thông phong, cho lò đúc, rẻ rách bán cho dân Bưởi làm giấy, cho xưởng ô tô làm rẻ lau. Vỏ cam, vỏ quýt cho tiệm bào chế và cả lông vịt lông gà...

Tôi kiếm đủ ăn, tối về ngủ ở chỗ Bác Mạnh như một con chó vô chủ.

Tôi bới chán lại đi tìm bởi ở những căn nhà đổ nát chưa có chủ về. Tôi nghĩ đến nhà tôi, và những thứ còn lại ở đấy chắc chưa ai nhặt nên muốn mò về. Một bữa tôi lên đề Yên Phụ nhìn sang bãi Phúc Xá với ý nghĩ ấy — nhưng rồi không dám qua. Tôi đi dọc bờ sông lên chỗ xưởng dế con hồ chèn vào một đám đồng đảo tụ lại ở chân đê.

Tôi thấy người ta đang đào một cái hố lớn, họ đào sâu và vớt lên vô kể những mảnh chai sắt vụn mà không ai nhặt thì mừng quá. Tôi nhặt lại từng đồng rồi thuê xe ba gác chở về. Tôi vớ được một món

bất ngờ. Tôi không hiểu họ đào gì mà chốc có người lại cúi xuống nhắc lên một mẫu xương, khi to khi nhỏ rồi xem xét, truyền tay nhau. Khi thì xương bò, khi xương lợn, khi xương gà, xương chó... Khi biết thế họ lại vứt đi và đào nữa — Sau tôi mới biết họ tìm xương người. Toàn người ở đó được một nhà giàu ở đây thuê đào tìm xương của ông bố chết hồi chạy loạn mà người đó nghĩ là chết ở tầng xê nơi chỗ này. Bởi thế nên mỗi khi gặp một chút xương họ phải xem có phải là xương người không, nhưng mỗi lần họ đều thất vọng, đào mãi cũng không thấy gì. Ngày thứ hai họ có ý thôi, tôi nghĩ đến sắt vụn mảnh chai nên bảo :

— Tầng xê này sâu lắm, ở dưới nữa kia. Đào chưa tới đâu.

Thấy nói vậy họ tưởng tôi biết nên xúm lại hỏi yên trí tôi biết. Tôi bảo chính hồi Nhật thả bom tôi đã chui vào đây và có lẽ mẹ tôi cũng bị chôn ở đây nữa. Họ tiếp tục đào cho tôi kiểm ăn. Nhưng lẽ dĩ nhiên họ không tìm ra một chút xương người nào. Khi họ yên trí bảo chắc ông cụ không chết ở đây. Tôi vỗ tay vào trán như mới nhớ ra :

— À, nhưng ở chỗ này có những hai cái tầng xê cơ — hay ông cụ chui ở cái tầng này...

Tôi chỉ cho họ chỗ cách đó độ năm thước, tôi quả quyết còn một cái nữa — và họ tiếp tục đào cho tôi nhặt mảnh chai, sắt vụn. Tôi nghĩ giá hồi xưa biết vậy tôi chết quách ở chỗ này cho bây giờ họ nhặt lấy xương mà làm ma, làm chay và cho là bố họ có hơn không. Rồi đào mãi họ cũng bỏ. Tôi nghiêm nét mặt rồi nói lớn :

— Sao không đào cái đồng thít thối này của tao mà lấy đầu lâu và xương cốt...

Lũ người bảo tôi là thằng điên họ tức bực muốn đâm cho chết. Có một đứa bông lơn cho cả lũ cười :

— Đến vứt cái xác mày cho chó nó cũng chẳng gặm nữa là xương cốt...

Tôi cắt tiếng cười lớn theo đám đông xúm quanh làm họ thôi cười.

Số tiền kiếm được tôi phe phỡn. Một bữa tối tôi qua phố hàng Buồm mua hai con gà luộc sẵn về cho vợ chồng bác Mạnh một con, còn một con tôi ngồi xé ra ngoạm.

Tôi đang ăn thì có đứa con gái đứng ở cửa nhìn vào. Tự nhiên tôi nói lớn :

— Có ăn thì vào cho miếng chứ nhìn gì ?

Nó vào ngồi ở bên cạnh rất thân nhiên. Tôi nghĩ nhắc nó cũng sống như tôi — thật tội nghiệp. Tôi nhìn vào mặt nó. Nó cũng chỉ độ tuổi tôi. Tóc uốn quăn, môi son và mặt chát phẩn. Nó mặc quần áo trắng. Nó ăn hết rồi ngồi mút mười đầu ngón tay còn vẽ thêm nhạt. Tôi hỏi :

— Ở đâu ?

— Trong ngõ

— Có nhà à ?

— Có.

— Hạnh phúc, hạnh phúc.

— Còn anh.

Nó nói tiếng anh ngọt sớt. Tôi vứt bỏ mẫu xương cuối cùng rồi co vạt áo lên chùi mồn.

— Không có gì cả... không có gì cả mà...

— Về ở với em...

Nó lại xưng em. Tối hôm đó tôi theo về nhà nó. — một gian nhà lá mái trong cuối ngõ. Nó chỉ cho tôi nằm ở một cái chõng con và vút cho tôi một cái chăn đơn. Nó ngủ ở một cái giường có màn buông và hai cái gối. Lần đầu tiên tôi được một chút êm ấm. Đêm nó thắp đèn kể chuyện tâm sự cho tôi nghe. Nó chả có cha còn mẹ gì và nó làm nghề kiếm khách.

Tôi về ở đó ngày ngày đi móc rác, đêm về ngủ. Nó thì ban ngày ngủ, đêm đến mặc quần áo, đánh phấn chải đầu rồi đi kiếm mồi đem về nhà. Chúng nó cõi chuồng ra đùa rồn với nhau chán rồi ôm nhau lên giường ngủ như không hề có tôi. Những ngày mùa đông rét mướt kéo dài mãi nền trời xám, và mưa đêm. Những ngày không có khách nó co tôi sang ngủ chung cho ấm. Có đêm con sốt rét lên nó thấy tôi run như sắp chết thì hoảng sợ :

— Ê chết sao mà rầy dữ vậy ?

— Không.

— Đừng rồn, chết thì làm sao ta chôn.

— Thì cứ vút ra đường là xong.

— Vút sao được...

— Đùa chứ chết gì, ôm cho chặt vào thì không chết đâu, khỉ.

Nó cởi hết quần áo tôi ra mà đùa rồn như một khúc gỗ. Đêm nào nó cũng cần ôm lấy một thân thể mới ngủ được. Tôi là một cái thân thể để cho nó đắp vào những hôm không có khách. Có đêm tôi lên con rét, thân thể hoàn toàn bất lực, nó cố vác bỏ tôi sang chõng rồi ngồi chờ thẳng tắp quất đi qua. Thẳng tắp quất tới nó gọi yào rồi đóng cửa lại, nó bảo đắp bốp chán rồi ôm lấy. Thẳng tắp quất không ngừng lại được, sáng hôm sau như

lả đi. Nó bảo tôi giúp sức kéo bỏ thẳng tắp quất ra ngoài đường.

Đến một hôm có một gã đàn ông khỏe mạnh đến rồi ở luôn lại. Tôi nằm một mình buồn tủi. Rồi đưa con gái bảo tôi :

— Em sắp lấy chồng.

— Gã đó ?

— Chứ sao ?

Tôi buồn rầu bảo :

— Lấy anh đi... tương lai mà...

Nó bấu môi rồi tát vào mặt tôi mà bảo :

— Ừ ừ đề rồi tao đi móc rác với mày à — Rồi con cái — tuổi già ?...

— Đồ khỉ — Lại còn con cái ? Lại còn tuổi già ? Rồi sống được đến già à ?

Tôi ôm lấy nó như chưa ôm bao giờ.

— Đừng lấy gã đó. Ở với anh...

Mấy ngày sau chúng nó tổng tôi đi với mấy chục bạc. Tôi ngày ngày đi móc rác, chiều đến mò vào Văn-Miếu nằm. Đêm đêm sờ soạn những bia đá, những gạch ngói nằm im mà thấy tủi thân. Ôm vào lòng cũng chỉ thấy cứng ngắt. Buổi sáng thức dậy soi mặt xuống làn nước hồ nghe tiếng quạ kêu trên những ngọn cây khô già cỗi.

Đến một khuya kia tôi thức dậy vì ánh đèn bin soi vào mặt. Tôi mở mắt nhìn tui lính tuần chĩa súng vào người. Hấn hỏi giấy tờ. Tôi không có gì nên bị điệu về bộ. Chúng giam tôi đến sáng hôm sau mới dẫn lên hỏi :

— Tên gì ?

— Con tên Kha.

— Thử căn cước ?

— Con mới vào nên chưa có.

— Ở đâu ?

— Con ở ngõ Thong Phong

— Số nhà ?

— Con quen.

— Với ai ?

— Với vợ con.

Chúng bắt tôi dẫn về ngõ Thong Phong, tôi đưa vào nhà đưa con gái. Tôi chỉ vào nó mà bảo với tụi lính :

— Vợ con đây.

Tụi lính cất tiếng hỏi :

— Có phải bà là vợ nó không ?

— Không, tôi có chồng.

— Bà biết nó không ?

— Không— tôi không biết nó là ai cả.

— Nó là vợ tôi mà...

— Này thằng kia— mày trông cho rõ xem tao ngủ với mày bao giờ...

Tôi thấy yêu đưa con gái vô cùng. Tụi lính đánh tôi túi bụi.

— Khai láo, khai láo... quân lưu manh... đánh cho chết đi...

Đêm chúng đem tôi về nhận vào bể nước rồi đánh nữa. Khi tôi ngất đi chúng lại phun nước cho tỉnh dậy và tiếp tục đánh như nhồi một trái banh—rồi chúng lại bắt tôi cung khai. Tôi không còn biết mình nói gì :

— Mày mới ở ngoài vào phải không ?

— Vâng... dạ

— Định phá hoại phải không ?

— Dạ vâng...

— Với ai, tổ chức nào ?

— Vâng...

— Ai ?

— Dạ...

— Ai ?

— Nguyễn-mạnh-Kha...

— Ở đâu.

— Số bảy, tám, chín Hàng-Khay.

— Đúng không ?

— Nó cho ở...

Tụi lính lại dẫn tôi đi, tôi nơi tôi vừa tỉnh đề bảo :

— Không, tôi nhầm. Tôi là Nguyễn-mạnh-Kha.

Tôi khai lung tung, bạ gì nói nấy. Chúng đánh chán tay rồi giam tôi

vào buồng tối như một con chó cho muối nó đốt. Chúng tra khảo tôi mãi cũng chán nên giam tôi lại cùng với những người khác, mỗi ngày ném cho một nắm cơm.

Có một ngày lũ người bị giam được tập trung vào một khoảng sân ngo thấy nền trời. Tay bị xích lại. Hôm đó có một viên cổ đạo bảo là đến làm phép lành cho lũ tù. Hắn nói những điều tôi chưa hề nghe bao giờ như : yêu mến Chúa, thiên đường, địa ngục, cứu rỗi, tội lỗi xám hối, quỷ quái, thánh thần, yêu thương, huynh đệ... Lũ lính vác súng bắt lũ tù ngồi yên nghe.

Viên cổ đạo làm dấu nhìn chúng tôi bị đánh đập. Nhưng tôi còn đủ sức chữ bới và văng tục. Tụi lính lại tra khảo tôi mà không chịu buông tha :

— Mày tên gì ?

— Con khỉ...

— Ở đâu ?

— Con khỉ — ... cối chuồng...

— Cha mẹ mày tên gì ?

— Ai ?...

— Cha mẹ mày ?

Khi nghe rõ đến hai tiếng cha mẹ thì tôi khóc rống lên chúng tiếp tục đánh đập tôi nữa :

— Mày tên gì ?

— ... thịt thối...

— Ở đâu ?

— Viên cổ đạo...

— Cha mẹ mày ? tên gì ?

— A ha ! ... A ha ! ...

Đến một đêm tối lũ lính dồn tôi lên một chiếc xe bọc kín mang tới một cánh đồng cùng mấy đứa nữa. Chúng bắt đào hố. Tôi biết là sắp được tự chôn mình. Tôi nghe tiếng lên đạn lách cách, xong chúng bắt quay mặt vào hố. Tôi nhớ đến câu hỏi, và tự nhắc :

— Cha mẹ mày tên gì ?

Tôi cười rử rươi.

DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU



Khu rừng lau

TRUYỆN DÀI CỦA DOÃN-QUỐC-SỸ

XV

(tiếp theo)

HÔM sau Hiền được biết tên anh đã học khóa bảy đó là Kha.

Buổi chiều Hiền thấy Kha chợt reo mừng chạy ra cổng trại đón một tốp mới chừng mười người. Đôi bên nói nói cười cười ra vẻ quen thuộc nhau lắm.

Sau buổi sinh hoạt tối, Hiền lại gặp Kha ngoài hiên.

Kha nói :

— Có thêm chín anh học khóa bảy đã về tới biên giới, phải quay về đây để theo lớp chỉnh huấn mới.

— Sao vậy ? — Hiền hỏi.

Kha hỏi lại Hiền :

— Khi anh đến đây có qua cầu Thanh Thủy không !

— Có, cầu Thanh Thủy cách chừng mười lăm cây số về phía Bắc Hà Giang

Kha gật đầu :

— Vì các « tướng » này về đến cầu biên giới đó, ném cả tài liệu hồ sơ, sổ sách xuống cầu nên phải quay về đây học thêm ba tháng để đả thông tư tưởng.

— Sao vậy ?

— Câu chuyện còn dài, thôi đi ngủ đi !

XVI

Câu chuyện còn dài, thôi đi ngủ đi!

Tưởng rằng hôm sau Hiền sẽ được Kha cho biết đầu đuôi « câu chuyện còn dài » đó. Nhưng không, lực quân khoá tám bắt đầu khai giảng. Kha và Hiền được biên chế vào cùng đại đội nhưng ở hai trung đội khác nhau. Vì là cựu học viên của khoá bảy nên Kha ở thể « dé chân chéo » nửa là học viên khoá tám, nửa là cán bộ phụ trách ban văn nghệ của hiệu bộ (văn phòng ban giám đốc trường). Những buổi đầu khai giảng, cả cán bộ lẫn học viên đều bận túi bụi, một tháng sau mới điều hòa xong mọi hoạt động trong trường. Và cũng cho tới lúc đó, Hiền mới bắt đầu được Kha kể cho nghe « câu chuyện còn dài » trên.

Sau chiến thắng Cao Bắc Lạng, trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn dời khỏi Thái Nguyên, chuyển sang Côn Minh (Vân Nam) để tránh nạn phi cơ oanh tạc, địa điểm ở Phụng Minh Thôn. Hết khoá sáu, sang tới khoá bảy thì cơ sở cho các ngành quân sự bộ binh, công binh, pháo binh đã được thiết lập quy củ đầu vào đây.

Khoá bảy học yên lành được nửa chương trình thì viên sư đoàn trưởng cố vấn bèn khuyên chính ủy thiếu tướng Trần B. nên đem kinh nghiệm Trung Hoa áp dụng vào trường lục quân Việt-nam. Đó là kinh nghiệm phát động phong trào « tam phản ». Theo sư đoàn trưởng cố vấn thì trước đây nhờ có phương pháp tam phản mà đảng cộng sản Trung Hoa đã khám phá ra biết bao thành phần phản động đã từng gián tiếp hoặc trực tiếp phá hoại Đảng. Lịch trình cuộc học tập đó như sau :

— Thoạt tiên đương sự tự bộc lộ mình đã nghĩ điều gì, làm điều gì qua từng biến cố.

— Các đồng chí trong tổ tâm giao, trong tiểu đội, trong trung đội sẽ căn cứ vào những lời đương sự tự tố cáo đó mà nêu nghi vấn, rồi chất vấn để soi tỏ đường đi mà tìm ra căn bệnh. Có mấy căn bệnh chính là : cầu an, hưởng lạc, giao động, hủ hoá.

— Cấp lãnh đạo sẽ căn cứ vào kết quả trên, dùng « ánh sáng lý luận Mác-Lê » mà quyết định thành phần đương sự.

Việc kiểm thảo nhân sinh quan theo ba đợt như trên áp dụng sang trường hợp Việt-nam sẽ lấy năm 1945 làm mốc phân chia hai giai đoạn : từ 1945 trở về trước là xã-hội cũ, từ 1945 trở lại đây là xã-hội mới. Các đảng viên cốt cán được chỉ định vào ban nghiên cứu học tập. Việc làm đầu tiên của ban này là lập một bảng « danh sách đen » ghi sẵn những người thành phần nặng tội lỗi nhất (theo ý kiến của ban đó) để chuẩn bị đưa họ lên « bàn mổ » (nghĩa là đưa họ ra kiểm thảo). Ban nghiên cứu học tập còn bố trí sẵn những câu hỏi « phản phúc » (hỏi đi, hỏi lại), học tập trước thái độ nên phản ứng ra sao với tùy từng đương sự. Ban nghiên cứu học tập lại khôn ngoan chỉ định một số đảng viên xung phong lên « bàn mổ » trước làm « người điển hình », có tác dụng chuẩn bị tinh thần học tập cho những người sau.

Phong trào tam phản bắt đầu !

Khẩu hiệu căng khắp nơi nhắc nhở sự quan trọng của phong trào tam phản. Tất cả mọi phương tiện đều phục vụ cho phong trào tam phản ! Mỗi tiểu đội học tập ở một nhà, tuyệt đối không ai được

nói chuyện với người ngoài tiểu đội. « Người điển hình » vào ngồi trong căn phòng nhỏ xung quanh quây vãi đen, ôn lại quãng đời dĩ vãng hồi tiền cách mạng, để bắt đầu viết bản « phản tỉnh thư » dưới ánh đèn dầu leo lét. « Người điển hình » đi chân không, mặc áo không cài khuy, mặc quần không giải rút, ăn cơm lạt, về mặt đầu đón sâu khỗ, thiếu ngủ vì hối hận cho những tội lỗi xưa của mình.

Có người điển hình tự tố cáo đã ba lần rấp tám đầu hàng địch, kháng chiến gian khổ quá, thù làm tù binh địch một thời gian rồi được trở về quê quán ở vùng tề còn hơn.

Có người điển hình tự tố cáo đã từng làm chỉ điểm cho địch, treo gương lên ngọn cây để phi cơ địch biết mà oanh tạc.

Có người điển hình tự tố cáo, ôi ghê tởm, đã có ý tưởng ngủ với em gái. Trong buổi kiểm thảo này người đó nói một hồi lại ngắt đi... nói một hồi lại ngắt đi... Ngắt thật sự! Sau cùng đương sự đứng lên kết tội xã hội cũ đã làm con người sa đọa đến cực độ, ca ngợi xã hội mới với ánh sáng Mác-Lê đã diu nhân loại từ vực thẳm tội lỗi lên đến đỉnh non cao của đạo đức.

Sáu tháng sau, vào dịp học tập lại những sai lầm của phong trào tam phản, chính những người điển hình lại thủ nhận những tội lỗi trên hoàn toàn chỉ có trong tưởng tượng; họ cho rằng càng tưởng tượng ra được những lỗi tày trời càng chứng thực được kỳ công khắc phục lòng tự ái, tự giải phóng khỏi cá nhân chủ nghĩa để chỉ còn biết trung kiên phục vụ Đảng. Có thể là tội lỗi tưởng tượng, nhưng họ đã hối hận thật bởi họ tin tưởng rằng xã hội cũ phải đầy rẫy những tội lỗi như thế mới phải, mới đúng. Không nhìn

thấy những tội lỗi do xã hội cũ gây nên ở chính bản thân là, chưa thấm nhuần, chưa giác ngộ tư tưởng Đảng. Lẽ nào một cán bộ được Đảng tin nhiệm đến đề cử ra làm người điển hình, mở đầu phong trào tam phản mà lại chưa thấm nhuần tư tưởng Đảng?

Các người điển hình đã thi đua tự tố cáo những tội lỗi nặng nhất.

Sau những người điển hình đến các người có tên ghi trong sổ đen. chính là vì vậy.

Có những cán bộ trước là du kích nằm trong vùng địch, có những cán bộ đã từng bị phòng nhì của địch bắt được và tra tấn, có những cán bộ từng vào sinh ra tử trong bao nhiêu chiến dịch đã được tặng huân chương chiến sĩ hạng nhất..., trong số đó phần lớn cán bộ đã là chi ủy viên của Đảng, vậy mà trước những câu hỏi lục vấn lằng lịu, ngờ ngẩn, « tại sao thế này, vì sao thế nọ, » họ cũng bị đưa dần đến thái độ lúng túng, thái độ của « kẻ phản cánh mạng đã bị lột trần mưu mô ». Mặc dầu đương mùa đông tuyết phủ, có những anh bị ngâm hàng giờ xuống nước lạnh, có những anh bị lột trần truồng, cõ đeo băng « phản cách mạng » đi riệu trước đông đủ các học viên và nhân viên hiệu bộ, trai có, gái có (gái Tàu là những nhân viên của hiệu bộ). Điểm kỳ dị nhất chính là ở chỗ ban lãnh đạo học tập đã khéo giữ được hai bề mặt hoàn toàn mâu thuẫn ở cùng một buổi học tập. Đương sự làm bản phản tỉnh thư các anh em đồng đội thông cảm phản tỉnh thư rồi nêu nghi vấn, chất vấn, xỉ vả hành hạ cho điều đứng ê chề... Sau buổi kiểm thảo đương sự được vỗ về nhắc nhở cho biết là có tự bộc lộ như vậy, có bị anh em đồng đội hành hạ như

vậy mới tẩy rửa được hết tàn, tích nó lệ cũ, mà phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân.

Đã được giải thích như vậy, nếu trong những buổi kiểm thảo sau nạn nhân mà cười nhạt tức là trong lòng còn tàng trữ một tư tưởng phản động nào chưa bộc lộ. Tiếp tục tam phần tìm căn nguyên mới !

Nạn nhân mà tức uất đến phát khóc ấy là hèn hạ và còn tư tưởng oán Đảng để có thể phản Đảng sau này. Tiếp tục tam phần đề tẩy não !

Nạn nhân mà im lặng là ngoan cố. Tiếp tục tam phần đề khai thác thêm căn bệnh ?

Buổi kiểm thảo dứt, nạn nhân muốn gục xuống tại chỗ vì cảm thấy cả thân thể lẫn tâm hồn bị nhào rừ, gương mặt chũu nặng u sầu như người vừa hay tin cả nhà bị tử nạn.

Chưa thoát ! Tinh thần sau buổi kiểm thảo chưa được phóng thích, bùng nổ.

Nếu sau buổi kiểm thảo mà ăn ngủ như thường ấy là có thái độ nhơn nhơn với tội lỗi, ăn ít hay bỏ ăn là kém thành khẩn, còn tiếm ăn tư tưởng oán hận. Phải làm sao vẫn đau khổ thấm thía vì hối hận, vẫn niềm nở chào hỏi anh em, có thể xuống sân vui vẻ gia nhập một sét « vô-lây ». Sau đó lại lập tức đi vào văn phòng căng vai đen, ngồi dưới ánh đèn dầu leo lét, tiếp tục ôm, đầu suy nghĩ, tìm thêm hành động tội lỗi để chứng minh cho tư tưởng tội lỗi ngõ hầu giải đáp được một số nghi vấn « chính đáng » của anh em đồng đội đã giúp mình đối chiếu bệnh trạng trong những ngày qua, rồi thành khẩn hi hoáy viết thêm những trang mới để bổ khuyết cho bản phản-tỉnh-thư cũ.

Tất cả những công việc đó, kể

cả khi phải tạm ngừng để đi sau, đi tiền đều đặt dưới sự canh chừng gắt gao của tổ tâm giao.

Tới một giai đoạn kia, nhiều người bị ròn vào thể cùng bèn cho bụng nổ công phần như quả mìn bụng nổ dưới sức nặng của chiến xa và thét lên :

— Ừ tao phản cách mạng !

— Ừ tao là bí thư của V.H.K !

— Ừ tao làm phản gián che phòng nhì Pháp !

— Ừ tao chiến đấu vì cá nhân chủ nghĩa, vì anh hùng chủ nghĩa !

Lê K., con bà Cát Thành Long, khi đó còn là phó chính ủy lãnh đạo học tập. Trong trung đoàn pháo binh của anh đã có kẻ dùng giấy thưng tự tử, đã có kẻ bẻ vụn những lưỡi dao cạo râu mỏng hòa với nước uống rồi ra sân chơi bóng rổ, được nửa cuộc thì gục xuống chết...

Để ngăn phong trào tự sát, chính trị viên ở tiểu đoàn Hoàng Q. bèn chỉ vào xác một nạn nhân cuối cùng thét mắng :

— Quân phản bội ! Quân trốn nợ nhân dân ! Các đồng chí hãy quảng xác nó lên đồi !

Xác nạn nhân được quảng lên đồi. Qua đi một đêm, sớm hôm sau khi được phép chôn, anh em đồng đội lên tới nơi thì chỉ còn thấy những mảnh áo rách toi tả kéo lê dưới mặt đất, vương một ít vào bụi cây thấp ven thung lũng. Sài cừu — một giống chó rừng — đã tha xác chàng thanh niên Việt xấu số đó xuống tận đáy thung lũng sâu và xa dưới kia.

U uất, cảm hờn chất thành non mà phải ngậm miệng ! Kể cả giữa đôi bạn tâm tri nhất cũng không ai dám hé miệng thổ lộ với ai một lời, bởi ai nấy sợ nhớ sảy

miệng đến tai Đảng, Đảng căn cứ vào đây đặt lên bàn mổ tam phần thì thực là... tàn cả cuộc đời.

Trong cảnh «tiếng oan dậy đất án ngữ loa mây» đó đã xảy ra hai chuyện, một cực kỳ thương tâm, một có tính cách bi hài.

XVII

Câu chuyện thương tâm là câu chuyện giữa hai cậu nhỏ Uy và Đồng thân nhau hơn ruột thịt mà rồi một bên lỡ lầm tưởng tượng ra tội lỗi để tố cáo bên kia.

Trước ngày bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc — 19-12-1946 — cha Uy đã bị công an bắt, người ta tình nghi ông có dính líu đến Quốc Dân Đảng. Gia đình còn lại hai mẹ con, tản cư lên Phú Thọ. Ở đây mẹ Uy lúng túng vì sinh kế đành gửi Uy vào «trại thiếu nhi Bác Hồ». Nhưng, bà đã gửi nhầm Uy vào đoàn trẻ thuộc cô nhi viện Hàng Bột Hà nội, nay tản cư lên đây. Khi Pháp nhảy dù Phú Thọ mẹ Uy chạy xuống xuôi — Việt Trì — còn Uy theo đoàn ngược Thanh Ba, ngược Vũ Yên, ngược Phê Đình, ngược Ấm Thượng, tới Văn Phú, dừng lại ở đây. Uy hoàn toàn mất liên lạc với mẹ từ đây.

Trên con đường di chuyển từ Phú Thọ ngược đến Văn Phú, Uy làm quen với Đồng rồi tình thân nảy nở rất chóng giữa đôi trẻ nhỏ.

Đồng thực sự là trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, được nuôi trong cô nhi viện từ thuở còn phải ẩm ướt.

Tới Văn Phú đoàn thiếu nhi sửa soạn nơi ăn chốn ở. Tại Văn Phú cũng như tại Phê Đình, Ấm Thượng, hai bên bờ sông chỉ thấy ngút ngàn ruộng lúa, đây đó là mái tranh xám của những nhà quây mật. Quanh nhà quây mật, những bãi lúa phơi

khô chất thành những đống lớn như đống rơm ở vùng xuôi, ruồi nhặng bao phủ trên đó như cả một sư đoàn chiếm chọn khu đồi trọc dưới một mô hình nhỏ, thỉnh thoảng bị động chúng bay vù lên tiếng ve ve dạo dạt rộng lớn, qua đi một vài giây chúng lại đậu xuống tựa như con náo về nguyên chỗ cũ của con ấy chỉ còn lại tiếng bước chân trần theo vòng tròn kéo mật và tiếng máy nghiền mía kin kít tự bên trong vọng ra đều đều. Buổi trưa mùi bã mía khai khai bốc hơi dưới nắng tỏa ra ôm lấy khu nhà, trong khi mùi mật nồng nàn bốc lên tự lò lửa bên trong.

Buổi chiều Uy và Đồng ra sông tắm. Đồng mới vỡ vể biết bơi Uy giắt tay Đồng lội xuống nước lần theo bãi cát thoải thoải. Chợt bàn chân Đồng gặp phải khoảng bùn trơn nhầy, nhựa rồi sa vào một khoảng hoắm sâu như giếng. Vì mất đà, Đồng ngã sấp xuống mặt nước rồi bị cuốn theo dòng. Uy nhào vội ra túm được một cánh tay bạn rồi Uy cố lặn theo dòng nước bơi vào phía trong, một chân tầm phồng trên mặt nước, một chân quờ quạng bên dưới để xem đã đến quãng nông chưa.

Mấy lần chân Uy vừa chạm phải cát thì dòng nước như một cánh tay lực lưỡng và quái ác lại du Uy ra xa, để gặp khối nước sâu lạnh như băng bên dưới. Chắc là Đồng đã uống nhiều nước mà Uy thì cương quyết giữ chặt lấy tay bạn hy vọng đạt vào một quãng nông khác rộng hơn. Chợt cả hai gặp một cánh tay lực lưỡng hơn cánh tay của dòng sông. Cánh tay đó phải dài lắm vì quàng được cả hai đứa. Đồng, Uy cùng ngửa mặt thở không khí vì cả hai cùng được nằm nghiêng trên khoảng xương háng của người cứu. (còn nữa)

DOÃN QUỐC SỸ

đọc đường

Em ở miền Nam mây trắng bay
Đồng xanh bát-ngát tóc buông đầy
Mận đào hồng ửng lên đôi má
Muôn nẻo em về hoa nhẹ lay.

Tôi ở miền Trung xứ cát dừa
Sông Hương núi Ngự động buồn xưa
Bút-nghiên đốt sạch theo chinh-chiến
Trôi dạt vào Nam gối giấc mơ

Cứ mỗi buổi chiều tôi gặp em
Áo vàng lẫn với nắng vàng êm
Em nhìn núi biếc in trong mắt
Ngo-ngân tôi về thức trắng đêm !

Thương nhớ em rồi không ước hẹn
Núi sông chuyện cũ tưởng phai mờ
Bỗng dưng một sáng trùng-duơng gọi
Tôi vội lên đường quên giấc mơ !

Tôi bốn phương trời em một phương
Gặp nhau từ thuở biết yêu-duơng
Sông-hồ cách-biệt người đôi ngả
Em ở miền Nam, tôi đọc đường...

THIÊN LÝ MÃ

« Tác giả Hàn - Dũ tên chữ là
« Thoái - Chi, người châu Đẳng
« thuộc đất Nam-dương. Lên ba
« tuổi bỏ-côi cha mẹ. Lúc còn
« nhỏ đã biết đọc sách, lại cường-
« kỷ, ngày học nhớ háng ngàn chữ.
« Ông đỗ Tiến-sĩ, quan đến Hình-bộ
« Thị-lang đời Đường Hiến-Tông.
« Tính ông rất cương-ngạnh, ở triều
« không kiêng kỵ gì hết. Nhân việc
« đón Phật-cốt, ông dâng biểu can-
« ngăn, bị biếm xuống làm Thứ-
« sử Trào-châu. Vì chính-sự trị
« dân giỏi nên lại được triệu về
« làm Lại-bộ Thị-lang.

« Hàn-Dũ thông suốt Lục-kinh,
« Bách-gia, văn-chương thâm áo.
« Ông mất năm Trường-khánh đời
« Đường Mục-Tông, thọ 57 tuổi,
« được truy tặng Lễ-bộ Thượng-
« thư.

« Nhân tổ-tiên ở Lê-xương, đến
« đời Hi - Tông được truy - phong
« là Xương-Lê-Bá.

« Văn-phẩm truyền lại có Xương-
« Lê văn-tập gồm 47 cuốn do môn-
« nhân là Lý-Hán biên-tập lại ».

Ở đời, có Bá-Nhạc đã rồi sau
mới có thiên-lý-mã ; thiên-lý-mã
thường có mà Bá-Nhạc thì không
thường có. Cho nên dù vẫn có
danh-mã đấy, nhưng nó chỉ tổ bị
nhục-nhã trong tay bọn tôi đòi,
nó thường bị chết rụi ở nơi tàu
máng, không được coi là thiên-
lý-mã.

Ngựa đi nòi ngàn dặm thì mỗi
lần ăn phải hết một thạch (1)

(1) một thạch (đơn vị đo lường xưa
ước độ 100 lít) ở đây mượn tiếng
« thạch » là ý nói ăn nhiều.

thóc. Kẻ chăn nuôi nó, không biết rằng nó đi nổi ngàn dặm nên không cho nó ăn đủ. Nó tuy có tài ngàn dặm nhưng không được ăn no, thời sức nó không xung túc mà tài mỹ không tỏ rõ ra được. Như thế thì dù nó có muốn theo đòi được như con ngựa thường thôi cũng không thể được, vậy mà cứ đòi hỏi ở nó ngày đi ngàn dặm sao ? !

Kử với nó đã không phải đạo, nuôi mà không cho đủ no để phát triển hết tài khí ; nó kêu nó hí thì lại không hiểu ý nó, vậy còn vác đôi xông tới mà rằng : « Thiên hạ không có ngựa tốt ! » Ô hô ! có thực thiên hạ không có ngựa tốt chăng ? ! hay vì người ta đã không biết được ngựa tốt ! ?

BÀN VỀ CHƯƠNG - PHÁP, CỦ PHÁP

Thiên trên thuộc thể văn nghị luận, lấy ngựa ra làm thí dụ để dẫn dụ đến ý : *nhân tài thiên hạ không phải là không có ; đại phàm số lớn nhân tài thường bị khuất phục, bị nhục dưới bàn tay của bọn nó lệ tầm thường không có con mắt biết được nhân tài.*

a) Đoạn thứ nhất theo lối thuyết minh, điểm bật ngay cái ý trụ cột : « PHẢI CÓ KẺ BIẾT NGỰA ĐÃ, NẾU KHÔNG THÌ DÙ CÓ NGỰA TỐT CŨNG NHƯ KHÔNG VẬY ».

Câu nhập-đề : « Ở đời có Bá-Nhạc đã rồi sau mới có thiên-lý-mã », văn chương ở đây có cái thể đột-ngột, dụng đứng hẳn lên như trái núi thứ nhất cao vút sừng sững giữa vùng biển rộng trời cao. Thế rồi tiếp luôn ngay đến : « ... thiên-lý-mã thường có mà Bá-Nhạc thì không thường có » : văn-chương có cái thể phản triết buông đi trùng-diệp, quanh-co mà vẫn không kém

phần đột-ngột, càng khiến người đọc phải ngưng-thần tụ-ý.

Nay giả-sử, cũng là lời thuyết-minh, nhưng theo lối thuận-diễn, đại-đề nói rằng : « Ở đời vốn sẵn có thiên-lý mã, nhưng vì không ai giỏi biết ngựa như Bá-Nhạc, cho nên dù có thiên-lý-mã, cũng bị coi là ngựa thường, rồi đến chết rụi ở nơi tầu máng thôi v. v. » . Lời thuyết-minh như vậy, ý sẽ yếu ớt, — không đột ngột, không khúc triết, tự-nhiên, không thu hút được sự ngưng thần, tụ ý của người đọc.

« ... Cho nên tuy vẫn có danh-mã đấy, nhưng... » Câu này phản-trần trở lại, thu vén hết ý ở trên rồi từ lý do (vì hiếm có người như Bá-Nhạc) nói đến sự tất-nhiên phải tới (ngựa tốt thường bị chết rụi, chết ở nơi chuồng ngựa).

Cho nên nhập-đề mà nói ngay rằng : « ... có Bá-Nhạc đã rồi sau mới có thiên-lý-mã », rõ ràng là cái thể kỳ-phong đột khởi mà văn khí hùng mạnh vô cùng.

b) Đoạn nhì, cực-lực biện-luận vì sao, danh-mã đáng lẽ ngày đi ngàn dặm, mà trái lại, « ... nó muốn theo đòi được như những ngựa thường thôi cũng không được... », — chỉ vì kẻ nuôi nó cho ăn không đủ...

c) Đoạn ba, trong vài hàng đã cực-lực thống-trách bọn tai đui, mắt mù, đã không biết ngựa còn lớn tiếng la rằng : « Thiên - hạ không có ngựa tốt !... ». Tới đây, tác - giả mượn chuyện ngựa, tận thổ cái nổi bất-bình, lấy cái đạo nuôi thiên-lý mã ra ám chỉ cái đạo chăn nuôi nhân-tài.

Tóm lại, thì cả bài trên toàn dùng ngòi bút cảm-khoái, than-tiếc :

— Ở đời có Bá-Nhạc rồi sau ... !

— Thiên-lý-mã thường có mà... !

— Cho nên tuy có ngựa tốt mà... !

— *Sử với nó... không biết được ngựa tốt!*

Câu cuối : « Ô hô ! có thực thiên-hạ không có ngựa tốt chăng ! hay vì người ta đã không biết được ngựa tốt ! ? » Lời ở đây lại dao-úng lại với câu mở đề : « ...Thiên-lý-mã thường có, còn như Bá-Nhạc thì hiếm có ! »

* *

Họ Văn-Đặng bàn rằng : Thiên-hạ không thiếu gì nhân - tài, nhưng kẻ biết được nhân tài thì thật là hiếm có. Chính vì lẽ đó, những kẻ trong tay « nắm giữ cái độc quyền dùng người » thường vẫn lớn tiếng kêu rằng : « Thiên hạ vì không có nhân tài, nên tôi phải tạm tạm... ! ». Đó chẳng riêng là một điều bất hạnh cho nhân-tài mà thôi, còn là một điều đại đại bất hạnh cho quốc gia vậy. Cho nên Ân-Tử nói rằng : « Trong nước có hiền-tài mà không biết tới..., đó là một điềm gở ; (ý nói không biết nhân tài)— biết mà không dùng là hai điềm gở (ý trách kẻ tự chuyên, tham quyền cố vị) ;— dùng mà không chuyên là ba điềm gở (ý trách kẻ dùng nhân-tài mà không tin-nhiệm).

Cho nên, kẻ nhìn rộng, ngó xa,— cứ coi một chế độ quốc gia có dùng được nhân tài hay không đủ biết được tương lai quốc gia ấy sẽ đi đến đâu. Một chế độ mà quốc hội nắm giữ quyền tới 14 năm liền, thì khỏi phải bàn, chỉ tổ chết rụi, chết uổng như bầy ngựa chết trong tàu máng ngựa.

Các nhà luật học, sở dĩ cực lực bài xích cái chế độ Quốc hội giữ nhiệm-kỳ quá lâu, và cho là chế-độ độc-tài, đè ép nhân tài, quốc-hội

ấy không thể đại - biểu thực sự cho nhân dân được.

* * *

Họ Quốc-Nghi bàn rằng : Bàng-Thống (hiệu Phượng - Sò), chỉ vì dung-mạo xấu-xí mà Tôn - Quyền không dùng, — ỏm tài kinh-luân thao-lược mà Lưu-Bị cho làm tri-huyện, thực có khác gì thiên-lý-mã mà cho ăn đói, lại bắt đi kéo xe muối vậy.

Lấy một người như Lưu-Bị, nửa đời người bôn-tẩu và lịch-duyet đã nhiều, vậy mà không biết nhân-tài, đủ thấy rằng biết nhân-tài là khó, — đủ thấy rằng ở đời như Bá-Nhạc quả thực hiếm có.

Tuy nhiên, Khổng-Minh đã biết Bàng-Thống là nhân-tài, — Khổng Minh không phải là hạng thường. Vậy mà ông đã dùng lầm Mã-Tắc đến nỗi mất Nhai-đỉnh, tính-mệnh ba quân suýt nguy vì tay kẻ dụng-tài « ngốn quá kỳ thực » (lời Lưu-Bị khi sắp mất dặn lại Khổng-Minh chớ nên trọng-dùng Mã Tắc). Vậy thì, có thiên-lý-mã mà không biết dùng, vẫn hay là một lầm lỗi lớn, nhưng thử so sánh với việc lầm ngựa tầm thường mà cứ cho là thiên-lý-mã rồi ủy-nhiệm cho cái việc ngày đi ngàn dặm, thời cái lầm lỗi ấy lại càng lớn, mà sự nguy-hại hẳn là thấy ngay trước mắt rồi đó. Càng thấy rằng, ở đời biết được thiên-lý-mã như Bá-Nhạc, thực hiếm lắm.

Hoặc có người bàn rằng : « Không biết thiên-lý-mã, cũng như không biết con ngựa nọ chỉ là ngựa thường mà lầm là thiên-lý-mã hai đẳng nguyên nhân chỉ là vì không biết ngựa mà thôi » Lời bàn ấy cũng gần đạo-lý, như vậy chỉ nên tóm tắt vào cái ý « không biết ngựa » là đủ.

Thơ TIẾT-ĐÀO

VỌNG XUÂN TÙ' (kỳ nhất)

*Hoa khai bất đồng thường
Hoa lạc bất đồng bi
Dục vẫn tương tư xứ
Hoa khai hoa lạc thì.*

KHÚC HÁT VỌNG XUÂN (kỳ nhất)

(I) *Hoa nở cùng không ngắm
Hoa tàn cùng chẳng than
Hỏi khi nào tương nhớ
Hoa nở với hoa tàn*

(II) *Hoa tươi ai kẻ cùng trông
Đến khi hoa rụng ai cùng sầu bi
Lúc nào nhớ bạn tương tri
Ấy khi hoa nở với khi hoa tàn.*

Dịch nghĩa :

- 1.— Hoa nở chẳng cùng nhau thưởng.
- 2.— Hoa rụng chẳng cùng nhau buồn.
- 3.— Muốn hỏi những lúc cùng nhớ nhau.
- 4.— Là lúc hoa nở và hoa rụng.

VỌNG XUÂN TÙ' (kỳ nhì)

*Na kham hoa mấn chi
Phiên tác lưỡng tương tư (ty)
Ngọc trâm thù triều kính
Xuân phong tri bất tri*

KHÚC HÁT VỌNG XUÂN (kỳ nhì)

- (I) *Ngán thay hoa rứt rở
Thêm gợi nhớ đôi lòng
Trâm ngọc lồng gương sáng
Gió xuân có biết không*
- (II) *Ngán thay cành nở đầy hoa
Nhớ mong riêng để đôi ta ngậm ngùi
Ngọc trâm rủ trước gương soi
Gió xuân có biết lòng ai chẳng là.*

Dịch nghĩa :

- 1.— Ngán thay hoa nở đầy cành
- 2.— Lại làm cho hai nơi thương nhớ.
- 3.— Trâm ngọc rủ trong gương buổi sớm
- 4.— Gió xuân có biết hay không biết ?

ĐỖ BẢNG ĐOÀN dịch nghĩa
BÙI KHÁNH ĐÁN dịch vần

NGHỀ LÀM CHA MẸ

của
Bác - Sỹ PHIÊM
(tiếp theo)

GIÁO DỤC TRƯỚC KHI CÓ CON

Ngày nay các nhà mô-phạm đều đồng ý rằng giáo-dục gia-đình đã hoàn thành khi đứa trẻ lên bốn hay lên năm.

Thời xưa các bậc tiền-nhân, khi khuyên lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống, đã rõ ảnh hưởng của cha mẹ đến sức khỏe và nhất là tính nết, hạnh-khiêm của con, cho rằng giáo-dục cần cho đứa trẻ ngay từ khi còn là bào thai (thai-giáo).

Nhưng thật ra, giáo dục là sáng-tác không ngừng, và chỉ ngừng khi chết.

Bác-sĩ C. Robin đã viết trong cuốn sách giáo-khoa nhi-dồng: « Đứa trẻ không có tật xấu. Nó hư, xấu, chỉ vì không biết dạy nó, hoặc giả nó có bệnh. »

Khoa nghiên cứu về những điều kiện để cải thiện nhân-chúng, tuy có lưu ý đến vấn đề sức khỏe, truyền-thống, đến những điều kiện sinh-vật về sinh-lý của cặp vợ chồng nhưng vẫn chưa nhấn mạnh đến những điều kiện về tâm lý.

Muốn rõ những điều kiện thiết-yếu ngõ hầu bảo đảm cho hạnh phúc gia-đình, ta có thể tạm chia ra ba thời kỳ sau đây :

- 1) Thời kỳ chưa lập gia-đình
- 2) Thời kỳ lập gia-đình
- 3) Thời kỳ sắp có con

I. — Thời kỳ chưa lập gia đình:

Người thanh-niên hay thiếu-nữ, trước khi lập gia-đình, cần phải thấu triệt những vấn đề liên quan đến chính bản thân mình trước. Có giải quyết được những nỗi khó khăn của mình, mới tránh được cho con sau này khỏi vấp phải, và để mình cũng khỏi buồn hoặc ân-hận.

Thí dụ : một người không hiểu thế nào là tình bằng-hữu, sẽ cấm con có bạn. Một thiếu-nữ có tự-ti mặc cảm, không tin ở mình, khi đi ở riêng, sẽ coi rẻ chồng, con. Và dĩ nhiên, đứa con cũng sẽ mất một phần nào tự tin cần để sống. Một người có tính ghen, hay đa nghi từ nhỏ, sẽ giữ thái-độ đó với con, và trở nên người cha hay mẹ áp-chế.

Ngoài ra, khi chưa có đủ điều-kiện vật-chất để lập gia-đình, như chưa có công ăn, việc làm, còn sống ỷ lại vào cha mẹ (cha mẹ dễ hoặc gia-đình vợ), một khi, về mặt tình-cảm, chưa được tự-chủ và tự-quyết, còn bị đại gia-đình chi-phối, ở vào cảnh trên đe, dưới búa (như mẹ chồng nàng dâu, hay chị dâu em chồng...) thì không nên tính đến chuyện hôn nhân, không mong có hạnh phúc gia-đình.

Chúng tôi được biết gia-đình một giáo sư kia, hai vợ chồng đều xứng đôi vừa lứa, và cùng tốt cả, sinh một mụn gái rất đáng yêu. Hai người đó bắt buộc ly-dị, vì ở vào cảnh « mẹ chồng, nàng dâu ». Đã bao năm qua, họ vẫn đau khổ, và mỗi bên âm-thầm sống một cuộc đời lạnh lẽo, cô đơn.

Sau hết, ta nên biết rằng giáo dục gia đình, không như nhiều người tưởng, là đòi hỏi ở đứa con, việc gì mà chính mình không làm. Đứa trẻ biết nhận xét xem lời nói có đi đôi với việc làm của cha mẹ không, và nếu mình không khắc phục được mình trước, thì sau này, e khó mà khắc phục được con.

II. — Thời kỳ lập gia-đình.

« Sống với đàn bà là một điều ghê gớm.
Nhưng không có đàn bà cũng không xong »

Byron

Từ trước tới nay, người ta đã bàn tán rất nhiều về hôn nhân, và đã nêu ra những điều-kiện thiết-yếu để bảo đảm hạnh-phúc gia-đình, như : tốt đôi vừa lứa ; ý hợp, tâm đầu ; môn-đang, hộ đối v.v...

Nhưng ta đã thấy hạnh phúc của biết bao gia-đình, sau mười, hoặc mười lăm năm trở đi, nếu không bị tan vỡ, cũng không giữ vững được.

Rồi sau khi đã phá tục tảo hôn, công-kích những cuộc hôn nhân dưới hình thức « gả, bán », vì danh, hay vì lợi, người ta yêu cầu được tự do kết hôn. Nhưng còn đâu mà phong trào tự-do kết hôn được thịnh hành hơn ở Âu-Châu, nhất là ở Hoa-kỳ nữa ? Mà tại sao ở các nước đó, những vụ ly-dị nhiều hơn hết ?

Có hiểu những lý do, tìm ra những yếu tố cần-thiết mới hy vọng xây đắp hạnh phúc lâu bền trong hôn nhân được.

Nhà đại văn-hào Balzac đã nêu ra những điểm dưới đây :

— Đôi vợ chồng cần phải lành mạnh, học-vấn tương-dương, cùng sở thích như nhau.

Nhưng một nhà văn khác lại nói :

— Muốn một cuộc hôn nhân thành-tựu, hai bên phải chấp thuận những tật xấu của nhau.

Hãy nói đến những xung-khắc quá rõ-rệt đưa cuộc tình-duyên tới chỗ thất bại :

Khi hai người đồng-hành vượt biên, cùng ở chung với nhau một căn buồng trên tàu, trong mấy ngày đầu, hai bên cũng khó chịu : người muốn tắt đèn ngủ sớm, người thì lục đục thức khuya đọc sách ; người ung dậy từ tờ mờ sáng để ngắm mặt trời mọc, người còn thêm ngủ. Nhưng nếu hai bên đều dễ tính, cùng lịch sự, cuộc hành trình sẽ vui vẻ, và khi tới bến, hai người sẽ trở nên đôi bạn.

Cuộc hôn-nhân không khác gì một cuộc vượt trùng dương cả. Nếu đôi vợ chồng cùng có thiện chí, thương nhau, hiểu và chiều thị hiếu, sở thích của nhau, tất phải đi tới chỗ thuận hòa. Trừ khi có những điểm xung-khắc rõ-rệt.

a) Tính-tình, sở thích khác hẳn.

Lẽ tất nhiên, một người, trai hay gái, có học-vấn, có giáo-dục, không thể thất-thân với một kẻ phàm phu tục tử được.

Nhưng khi hai người không cùng một tâm-tính, sở-thích cũng ít khi có sự hòa-thuận lâu bền.

George Sand, hồi 18 tuổi kết duyên với nam-tước Casimir Dudevant. Buổi đầu, hai người đều thành thực muốn xây dựng hạnh phúc. Nhưng G. Sand là một phụ-nữ học bác uyên thâm, ham âm-nhạc, đọc sách. Có đoạn văn nào hay, nàng đưa cho chồng xem. Đã không thường thức được cái hay, chàng lại tỏ vẻ chán, nên vợ khinh. Hơn nữa, nàng là gái lẳng-mạn.

Đọc tiểu thuyết nhiều, nàng chỉ ước sao có người chồng « lý tưởng », sao được nghe những lời ái-ân, như cây đàn muôn điệu. Mà ngán thay, chồng nàng đã vụng-về, què kệch, từ cử chỉ đến ngôn ngữ, lại rẻ vợ, coi như quyền sở hữu của mình. Sự tan vỡ không sao tránh khỏi.

Tolstoi, tác-giả cuốn sách bất-hủ : « Chiến tranh và Hòa-bình » 83 tuổi, vì giận vợ mà một buổi sáng tờ mờ mùa đông tuyết phủ, bỏ nhà ra đi, và chết đường chết chợ. Khi hấp hối, ông cũng không muốn nhìn mặt vợ. Tolstoi ưa sống thanh-bần, ham làm ruộng, vá giày, bõ củi, coi phú quý, công-danh tựa giấc chiêm bao, như một điều tội lỗi. Trái lại, vợ thích nơi phồn hoa, đô hội, danh vọng, và suốt đời trách và day nghiến chồng.

Khi Tolstoi mất, bà thú với các con, nhưng đã muộn, chính mẹ đã giết ba các con. Các con bà chỉ đành gạt lệ vì biết mẹ nói thật.

Nã-phá-Luân khô sở, điều đứng vì hoàng-hậu Eugénie, một tuyệt thế giai nhân : nào khóc than, cãi nhau, ghen, lục bàn giấy... Có nhiều đêm, ông phải đi cửa sau trốn vợ, lang thang trên đường cái với một viên tùy tùng hay đến nhà tình-nhân ngủ.

Họa-sĩ trứ danh Gauguin, vì không chịu nổi gia-đình, bỏ vợ con, tài sản, sống cô-độc trên đảo Tahiti.

Đời tổng thống Lincoln là một bi kịch. Ông trầm lặng đau đớn suốt đời vì vợ. Bà ghen bóng, ghen gió, và nhiều phen nhục mạ ông trước công chúng. Có lần, khi ông còn làm trạng sư, bà hất cả tách cà phê nóng vào mặt ông. Khi ông làm tổng thống, mỗi lần tiếp một phái đoàn phụ nữ thì bị tra khảo cực khổ.

Ông Lincoln bị ám sát trong hý viện Ford, nhưng chính vợ ông đã thú : tôi đã đưa nhà tôi tới chỗ chết. Vì bà đã năn nỉ bắt ông đi dự dạ-hội.

Mới đây ở Pháp, vừa xảy ra vụ ly dị làm chấn động dư luận báo chí, giữa nữ văn hào Françoise Sagan và nhà xuất bản Guy Schoeller. Hai người có thừa điều kiện đề sung sướng : sức khỏe, tiền của, học-vấn và yêu nhau. Tuy nhiên cuộc tình duyên của họ không quá một năm, y như trong cuốn tiểu thuyết của Sagan « Trong một tháng, trong một năm ».

Trả lời những câu phỏng vấn, họ cho biết lý do, vèn vèn thu vào một câu : Chúng tôi không hợp nhau.

Và không hợp nhau thật ! Không kể đến tuổi chênh lệch, nhiều khi không thành vấn-đề ở các nước tây-phương : vợ ngoài hai mươi chồng bốn mươi có lẽ ; chàng là người căn cơ, điềm tĩnh, tránh nơi huyên náo, mà trong nhà lúc nào cũng tấp nập bạn của vợ, những người mà chàng không hề quen, tiếng cười, xen lẫn với tiếng nhạc jazz... Tuy chàng là người lịch thiệp, nhưng sự lạnh-lùng của chàng đủ làm tan tiệc rượu ; chàng vui vẻ chào hỏi mọi

người, rồi sang buồng bên đọc sách. Buổi tối, chàng đề vợ đi với bạn tới các « hộp đêm » vì chỉ ở những nơi này, đời sống mới có ý nghĩa đối với Sagan.

Về sở-thích : chồng ưa món ăn cồ-diễn, còn vợ, chỉ thêm món ăn lạ ngoại quốc. Buổi trưa, mỗi người ăn một nơi, trừ ra buổi tối, mới cùng ăn với nhau.

Chơi xe : chồng đã đứng tuổi, nên cần thận, ít khi lái xe lấy, và muốn dành thời giờ để lo tính chuyện làm ăn. Còn vợ, chỉ mê xe « thể thao », và thích phóng rồ nhanh.

Schoeller yêu tính hồn-nhiên của vợ, nhưng đôi khi cũng muốn vợ ăn mặc diêm dúa, nhất là trong những buổi họp, nhưng nàng chỉ ưa vận quần áo cũn cốn không chịu phấn son, hoặc đeo đồ nữ trang, đầu tóc để bù sù.

Sagan quen thức khuya đọc và viết. Schoeller ưa giầy sớm. Sagan thích đi coi hát, nhưng chồng muốn ở nhà, hoặc đi chơi một mình, rồi về sớm chờ vợ.

« Như thế, thà rằng chúng tôi sống riêng còn hơn ở với nhau »

Có khi xung khắc vì tiết-điệu hay nếp sống hàng ngày khác nhau

Thí dụ : chồng là người hoạt động, thích nay đây mai đó, đúng giờ, vợ thì chậm chạp, « ăn no lại nằm » hoặc « chưa làm đã mệt ». Chồng là người căn cơ, tần tiện, vợ, trái lại, bê tha cờ bạc, không biết lo xa. cửa nhà không coi sóc, con cái phó mặc chồng hay vú bố. Rồi chồng than : vợ ăn hoang, phá hoại ; vợ trách : chồng keo-kiệt, « đo lẹ nước nấp, đếm củ dưa hành »...

Làm sao một gia đình như thế được yên vui ? Làm sao con cái được sung sướng, vững tâm học tập ?

c) *Xung khắc vì chính-kiến, tôn-giáo.*

Một người chồng theo chủ-nghĩa quốc-gia, khó sống với người vợ cộng-sản ; hay người vợ bảo-thủ, ít khi có thể lập gia đình với người chồng theo chủ nghĩa xã-hội được.

Bạn của chồng, thì vợ ra lờm vào nguýt, còn bạn của vợ thì như kẻ thù của chồng vậy.

Về tôn-giáo cũng thế, hai vợ chồng khác tôn-giáo mà không thương yêu nhau, thì ít khi sống chung với nhau được.

Đó là những điểm xung khắc chính mà một thanh-niên hay thiếu nữ cần biết đề xuy-nghĩ trước khi kết hôn. Ngoài ra còn những yếu tố khác, không kém phần quan trọng. Đó là sự *quyết định thành thực* của đôi bên để cùng xây hạnh-phúc lâu bền.

Một người lấy vợ mà chỉ lăm le nhòm của hồi-môn, không phải là lập gia-đình, vì một ngày kia, họ có thể chán người đó, rồi đem lòng yêu người khác, nghèo hơn, nhưng hợp tâm, hợp tính.

Cũng như khi một thiếu nữ, chỉ ham địa vị, công danh, mới lớn lên đã ốm ắp mộng « phi cao đẳng, bắt thành phu phụ ». Sớm muộn, sẽ bị thất vọng, nếu họ không đếm xỉa tới những giá-trị tinh thần và tình cảm mà mỗi bên cần đem lại cho nhau, nó là thứ keo sơn chắc chắn để gắn bó mọi cuộc tình duyên, và đem lại hạnh phúc.

Nhà triết học Alain đã nói :

« Thật là một quyết định ghê gớm, khi người ta phải tự nhủ : từ nay, cuộc đời của ta đã bị ràng buộc với người ta kén chọn. Và từ nay, mục-dịch của ta, không còn là đi tìm người để ta chiều, nhưng chiều người mà ta đã kén chọn ».

Và chỉ khi nào có một quyết định như thế, hãy nên đề cập đến hôn nhân, hy-vọng có hạnh-phúc gia-đình.

Bác sĩ PHIÊM

Kính cáo độc giả xa gần

Nhận thấy thiên khảo luận « NGHE LÀM CHA MẸ » của Bác-sĩ PHIÊM cần được phổ biến nhanh chóng để cấp thời giúp ích các bậc làm cha mẹ đương bần khoăn lo lắng về sự giáo dục con cái muốn nghiên cứu vấn đề mà khỏi phải chờ đợi lâu ngày, vì lễ Tân Phong xuất bản mỗi tháng có hai kỳ. Vậy từ số 20, Tân Phong xin ngưng và vui lòng nhường cho bạn đồng nghiệp NGÔN LUẬN đăng thiên khảo luận này. Tân Phong thành thật cáo lỗi cùng độc giả thân mến và trân trọng giới thiệu với độc giả đón coi « NGHE LÀM CHA MẸ » trong nhật báo Ngôn Luận.

Nhân dịp, Tân Phong xin cảm ơn bác sĩ Phiêm đã có nhã ý để cho Tân Phong đăng thiên khảo luận nhưng rất tiếc là Tân Phong không thể tiếp tục đăng được nữa.

T. P.



Thơ hôm nay...

ngày mai...

PHAN-LẠC-TUYÊN

TÔI đã bắt chợt gặp những bài thơ đẹp như kẻ lang thang trong rừng sâu gặp bông hoa đầy hương sắc. Những bông hoa tâm hồn hai mươi còn ướt đọng sương đêm của bình minh hé nụ, những bông hoa rực rỡ ngây ngất của tuổi ba mươi mà Trần-Quang-Dũng đã gọi là: « vui như trẻ lên mười, yêu hơn tuổi mười bảy, buồn như sắc năm mươi ».

Những ý thơ chân thành, dù kỹ thuật chưa toàn mỹ nhưng đó vẫn là những bài thơ tôi thường quan niệm nó « thơ » hơn sự chấp nối khâu vá của người thợ thơ dùng sáo thuật danh từ để cấu tạo những bài thơ công thức, sáo ngữ :

Tôi đã gặp một rung cảm rất nhẹ nhàng thanh thoát, trong tâm hồn thơ gợn lên tình cảm chân thành :

« Phút cuối cùng lòng biết nói chi đây
Hay cứ để lặng lẽ trong sắc xám
Mắt chớp lệ dấu đôi dòng lệ cảm
Tay cầm tay, truyền vội chút yêu thương
Gửi cho nhau vài kỷ vật lên đường
Đôi nét chữ viết khi lòng cảm xúc
Muốn oán hận, biến tan cùng một lúc
Đề thơ tình mở đón ý thơ êm
Giấc mơ hoa, tâm sự với chân mềm
Đêm không ngủ, nằm đợi giờ trở bước »

(Trích TRỞ MÙA của
Đỗ-Phy-Tước)

Từ tâm tình của bản khoán thảo thức, có người nhìn thời gian trôi qua tâm hồn mình với màu xanh nhẹ vô tư. Tôi đã gặp ở đây bao lời thơ đẹp và nhẹ nhàng như nét vẽ của một Cézanne :

« Gió lạnh lẽo mà lòng sao rạo rức
Mây vẫn vương lơ lửng nẻo trời xa
Cây xanh tươi nhẹ khoác áo sương mờ
Hoa e thẹn bên bờ phai sắc nhạt
Nắng mới rung rung vờn mây thăm mướt
Đứng cúi đầu ngóng đợi ánh vầng dương. »

(trích Thời Gian của H.T.)

Tôi cũng gặp những tâm hồn cúi đầu tưởng niệm dĩ vãng.
Hình quá khứ nổi trôi bèo bọt một nhánh tàu, tình bến nước không hẹn ngày gặp lại :

« Mấy giải sơn hà im lặng tiếng
Người đi cách trở một con tàu
Đã bao thế kỷ mơ về bến
Theo gió thuyền trôi giạt đến đâu
Bến nước thuyền đi không trở lại
Tình ta sao mãi cuối sông này
Thời gian in bóng chân trời mới
In gót phiêu du lữ tháng ngày.

(Trích Đòi Thay của
HOÀNG-THIÊN-PHƯƠNG)

Mùa xuân thường có vui buồn lẫn lộn, những ước mơ tươi đẹp nổi buồn khắc khoải. Mùa xuân như khúc đàn, ngón tay cuộc đời dạo dạt mưa nắng trên giây :

« Muốn hoa thăm quanh mình
Đôi môi hát xinh xinh
Mắt ai biếc xuân tình
Tiếng đàn xuân dư vang
Pháo hồng đỏ áo thềm
Ai đem khúc ân tình
Trao gửi ánh bình minh.

(Trích NÀNG XUÂN-TRINH
của Tôn-nữ-thị-Hường)

Hình ảnh đất nước thân yêu thoáng hiện về trong những vần thơ từ miền Hậu Giang lúa chín ngập đồng đến miền Cao nguyên núi rừng hùng vĩ, những vần thơ đã nói lên cảnh vật và hồn người:

« Thống buồn mấy cội dầu hiu
Lối mòn xa thăm nắng chiều hoang vu
Núi đồi heo hút âm u
Mình ta chừng lạc nẻo về mung lung... »

(Trích Chiều về Cao Nguyên
của Sa-Giang [Trần-văn-Tư])

Lời thơ hôm nay, chân thành, nhẹ nhàng, dẫn đi vào hồn người bằng âm thanh êm dịu, màu sắc tha thiết gợi cảm. Kỹ thuật tuy chưa điêu luyện nhưng tôi nhìn thấy ở ngay mai những nguồn thơ dạt sống thực cho mình, đi tìm những rung cảm chân thành như con thuyền nhỏ dám vượt sóng trùng dương dù trong bão tố...

PHAN-LẠC-TUYÊN

Chúng tôi được tin,

Cụ bà ĐÀO HỮU KHÔI

Tuần Phủ Trí Sĩ

Thân mẫu của bạn QUỲ-HƯƠNG đã mệnh chung ngày 18-4-1960 đã an táng tại khu Đất Thánh Tây ngày 21-4-1960. Chúng tôi thành thật chia buồn cùng bạn QUỲ-HƯƠNG và thành kính cầu cho vong hồn cụ bà ĐÀO HỮU KHÔI được siêu sinh tịnh độ.

TRƯƠNG BẢO SƠN

Cùng toàn thể nhân viên toà soạn

TÂN PHONG

Truyện ngắn của LAM-HỒ

Khói thuốc

CÓ tiếng dép. Không ngừng lên, Vân biết Nguyên vào. Nàng nhắm mắt vờ ngủ. Trong cặp đồ ngủ màu xanh nhạt, Nguyên có một dáng lưng khủng đáng yêu. Nguyên cúi xuống thoáng gặp mắt Vân hé mở. Chàng cười :

— Chưa ngủ à ?

Vân vẫn im lặng. Mấy lượt môi Vân khẽ động, toan cười. Nàng cố nín không cho làn hơi vụt mạnh qua cuống họng. Nguyên khẽ tát vào má vợ :

— Đừng vờ nữa !

Liền đó, Vân cau mày, dơ tay ngăn lại :

— Anh lại hút thuốc ?

Nguyên lẳng lẳng trèo lên giường cổ đầu về ngạc nhiên. Quả chàng vừa hút thuốc, nhưng đã đánh răng kỹ lắm rồi. Tại sao Vân lại biết được. Nguyên đang phân vân thì nàng tiếp :

— Khô quá, đã bao lần em bảo là đừng có hút...

Tiếng nói của Vân tắc nghẹn. Nàng hờn dỗi quay mặt vào tường. Nguyên nhớ lại mình quên rửa tay. Hộp xà phòng còn nằm ngoài vại nước, quên đem vào. Nguyên tự trách mình đã quá vô-ý. Những ngón tay chàng còn nồng mùi thuốc. Tiếng Vân ray rứt :

— Hừ, mấy lần em bảo rồi, anh có coi em ra cái gì đâu.

Nguyên vẫn lì-lợm. Qua ánh đèn đêm xanh nhạt, chàng ngửa mặt nhìn lên đỉnh màn, môi sẽ nhếch cười. Chàng chẳng hiểu tại sao Vân lại ghét thuốc đến thế. Ý nghĩ ngộ-nghĩnh vụt đến với Nguyên. Hay Vân trả thù hộ mẹ nàng chăng ? Ba nàng là một tay hút thuốc, lại toàn hút thứ thuốc thơm như chàng. Mẹ nàng đã lắm phen kêu lên khi tỉnh sở cuối tháng. Tiền thuốc của ông mỗi tháng không

dưới năm trăm. Có lẽ cái gương người cha đã sờ sờ ra đấy. Vân cảm Nguyễn là vậy,

Đã có lúc Nguyễn đùa, gạn hỏi cái nguyên do Vân cảm chàng hút thuốc. Nguyễn ngạc nhiên mà thấy vợ không suy luận theo khoa học. Nàng muốn cho Nguyễn thấy nàng không chú trọng đến sức khỏe của chàng, dù Vân rất thích được chồng chăm sóc. Vân cũng không viện cớ rằng tốn tiền. Chỉ thỉnh thoảng Nguyễn mới vui miệng hút một điếu chẳng tốn là bao. Nàng chỉ đưa ra cái lý do chính đáng mà Nguyễn phải chịu. Ấy là nàng bảo rằng mắt nàng kém, không chịu được khói thuốc cay xé kia. Nàng bảo thế thì Nguyễn đành tin thế. Theo Nguyễn thì không còn cớ gì mất nào trên thế gian này có thể tốt bằng mắt Vân cả. Hôm gặp lại Hạnh — người tình nhân cũ của Nguyễn — chính Vân đã trông suốt được vẻ cảm động của chàng. Như thế mà Vân dám bảo là mắt kém, rõ là lý luận của người đẹp. Vân lại còn bảo rằng mùi thuốc nồng, hôi lấm, cho là thuốc thơm thượng hạng cũng vậy.

Nguyễn đưa mấy ngón tay lên mũi. Mùi thuốc Cotab còn thơm nhẹ nhẹ. Chàng nhủ thầm:

— Hừ, thế này mà bảo rằng nồng, rằng hôi! Rõ thật là đàn bà.

Với Nguyễn mùi thuốc Cotab thật là nhẹ nhàng, quyến rũ. Không sao Vân biết được chẳng còn gì thú vị hơn khi nhìn làn khói đục quện lên. Nhất là những hôm nắng tắt sớm ngoài khung cửa sổ. Làn khói vươn lên như cả một dáng chiều tan vào sâu thẳm cõi không gian. Đối với Nguyễn, chàng thấy rằng hút thuốc quả là một cái đam mê. Nguyễn đam mê, làm quen với nó như chàng đã đam mê, làm quen với nghệ thuật.

Trong khói thuốc, Nguyễn tìm lại được tất cả những ảnh hình mất mát. Những chuỗi ngày đã theo nhau về sau cuộc đời, nhất loạt hiện lên trong khói thuốc mong manh.

Nguyễn thêm hút một điếu thuốc, chỉ một điếu thôi mà Vân nữ cảm chàng. Nguyễn đâu có cái ham muốn hút từng gói thuốc cả ngày như ba nàng. Chàng hút với một kỹ-thuật của nghệ thuật. Chính Nguyễn đã thăm không phục cái lối hút bừa-bãi của ông cha vợ.

Lúc nhỏ, Nguyễn bị gia đình cấm không cho hút. Chàng nhớ lại thế nhưng chàng không oán. Lúc đó, thằng cu Nguyễn chỉ hút thuốc vì bắt chước mà thôi. Giờ đây, Nguyễn đã ra đời, đã từng quyết định những vấn đề quan trọng cho bản thân, cho gia đình. Nhưng chỉ có một ham thích tầm thường là hút thuốc thì lại bị cấm đoán. Thế ra người ta yêu nhau đề mà cấm đoán nhau chẳng.

Nguyễn trở mình. Có lẽ Vân đã ngủ. Nhịp thở nàng đều-đặn, gương mặt tươi-tĩnh, chứng tỏ nơi nàng một sức khỏe dồi-dào. Nguyễn nhận xét ở Vân có một vẻ gì ngộ-nghĩnh đáng yêu, ngay cả lúc nàng giận dữ.

Quanh nhà, đêm hoàn toàn. Mọi nhà im-lìm say giấc. Nguyễn rón rén ngồi dậy, bước xuống giường. Cánh cửa sổ hé mở đủ cho Nguyễn biết rằng trăng đã lên. Trời sáng đục.

Nguyễn khoác áo dạ bước ra ngoài. Từng cơn gió lướt qua hất xòa mái tóc chàng. Tất cả đều vắng lặng. Giờ thì Nguyễn hoàn-toàn tự-do. Chàng nghĩ thầm nếu bây giờ Vân thức giấc không thấy mình. Chắc nàng sẽ không gọi như mọi hôm. Nàng còn giận. Nguyễn cho tay vào túi áo. Gói thuốc mới mua

ban sáng mới hút một điếu. Làn giấy gương bóng cọ nhẹ vào tay dịu dịu. Chàng soi bao thuốc dưới ánh trăng, thở mạnh khoan-khoái trong một cảm-giác tràn đầy.

— Còn những mười chín điếu nữa.

Và Nguyễn tính thăm ít ra cũng đến hơn tuần lễ mới hết được. Chẳng tốn kém là bao. Nguyễn chưa hề bị cái ma-lực của chất thuốc. Bảo rằng cái thích ấy sẽ đi đến cái thèm. Nhưng còn tùy. Nguyễn đã tự hứa, hứa sẽ giữ mãi nó là cái thích. Chàng quyết không điên-đảo nhớ-mong như mấy gã ghiền nha phiến.

Hồi Nguyễn và Hạnh còn là hai đứa trẻ lảng giềng đã lắm phen bị đòn vì tội hút thuốc. Nguyễn còn nhớ những đêm cuối thu khô lạnh. Nguyễn và Hạnh giắt tay nhau đi vào các đường kiệt tối mò thay nhau hít những làn khói cay nồng. Hạnh bị sặc thuốc, ho rũ-ruột luôn. Cả hai cứ nhỏ nước bọt luôn mồm, tuy vậy vẫn cảm thấy thú lạ. Mỗi lần Hạnh vụng-về đưa điếu thuốc lên mồm, Nguyễn lại chăm-chú theo dõi. Đôi má Hạnh hồng lên trong ánh lửa, ngon lành như hai nửa trái táo. Nguyễn thấy Hạnh hay làm sao. Hôm ấy, Hạnh bảo với Nguyễn rằng hút thuốc trong tối thì không thú bằng hút ngoài sáng. Ngoài sáng mới thấy được khói bay lên, đẹp hơn. Nguyễn không đồng ý thế, cậu bé bảo rằng hút trong tối thì ánh lửa hồng hơn. Những ý tưởng chống đối ấy đã đưa cả hai vào sự cãi vã rất là trẻ con. Hạnh giận-giỗi bỏ về. Hôm ấy Nguyễn bị một trận đòn nên thân vì mẹ chàng biết chàng hút thuốc. Cả Hạnh cũng vậy. Sáng hôm sau, Hạnh đã vội-vàng

tìm Nguyễn, vén tay áo cho chàng xem dấu roi hằn trên làn da trắng mát. Rồi cả hai đứa bé nhìn nhau cười. Nụ cười hồn-nhiên, ấu-trĩ đã xóa nhòa câu chuyện giận hờn đêm trước...

Gió thổi. Nguyễn rung mình. Bóng lá đổ chập chờn trên sân gạch. Nguyễn thọc tay vào túi mồm thuốc châm hút. Khói thuốc quyền lên thoải mái. Chàng tận hưởng cái tự-do của mình. Nguyễn không hối hận nhưng lại có ý-nghĩ rằng tại sao chàng không giữ mãi Vân trong hoàn-cảnh một người yêu. Tình vợ chồng đã đưa con người vào những ràng-buộc về bổn phận. Tình yêu mới thật là hướng đi của tâm-hồn. Đến đây, tự-tưởng. Nguyễn lại quay về Hạnh, người yêu một thời của chàng. Cả hai đã làm người yêu của nhau, chỉ là người yêu thôi nên không có điều-kiện. Thế nên Nguyễn đã lấy Vân và Hạnh đã đi lấy chồng. Họ xa nhau bằng hai cuộc hôn-nhân. Rời nhau đi tìm một cái bền-chặt. Nhưng dù sao thì Nguyễn cũng nhận thấy rằng đó là sự bền-chặt cần-thiết của con người.

Nguyễn thấy việc làm của Vân có cái gì hợp lý trong đó. Cứ chỉ Vân ngăn chàng hút thuốc vẫn đáng yêu lạ. Mãi đến bây giờ Nguyễn mới chịu phân biệt rõ rệt một người vợ với một người yêu. Một vấn-đề quá ư tầm thường, tầm thường đến nỗi chưa bao giờ Nguyễn đề tâm đến. Nguyễn nghĩ nếu một ngày kia Vân sẽ đề mặc chàng. Nghĩa là Nguyễn muốn làm gì thì làm, Vân không hề bận nghĩ đến nữa. Nguyễn sẽ hoàn toàn tự do bên Vân, tự do như một trẻ qua đường. Chàng vất mạnh mầu tàn thuốc xưa đuổi một ý tưởng ghê sợ. Căn nhà

đổi diện im lìm dưới ánh trăng. Cô độc như cặp vợ chồng không con cái kéo dài kiếp sống trong đó. Anh chồng suốt ngày cứ lăm lăm như gã câm. Hà tiện cả đến cái gạt đầu. Người vợ thì cũng chẳng khác gì chồng. Chẳng hiểu vốn tính chị ta như thế hay là vì ảnh hưởng của anh đàn ông. Nguyên bản khoản tự nghĩ, chẳng hiểu có bao giờ họ nói với nhau một câu âu yếm hay không. Bổng dưng, Nguyên sợ hãi những kiếp người cô độc.

Nguyên giật mình, chăm chú nhìn một bóng trắng lướt ngang hàng cây. Vân vội vã bước lên thêm. Trong ánh sáng nhợt nhạt, Nguyên thấy Vân quay lưng lại phía chàng hấp tấp đi vào nhà. Nguyên khẽ cười. Không nghĩ thêm, chàng bước vào theo. Vân ngồi phịch xuống ghế, bấm đèn, lấy sách ra đọc. Nguyên làm lành :

— Em điên à, sao không ngủ ?

Vân mím chặt đôi môi xinh xắn, không đáp. Nguyên đặt tay lên vai vợ. Nàng hất đi, vùng vằng, hờn dỗi như thuở mới yêu nhau. Nguyên ôm bồng Vân đặt lên

giường. Bỗng dưng nàng ôm mặt khóc nức nở. Nguyên để vợ tự nhiên, chàng không lấy thế làm khó chịu. Cầm giấc êm dịu lên nhẹ trong lòng. Nguyên khẽ vắt gói thuốc vào sọt giấy loại. Vân quay mặt đi, đôi vai thon nhỏ bứt rưng động.

Ánh trăng lọt qua khung cửa ngả trên nền nhà một khung sáng lệch lạc. Nguyên mở to mắt nhìn ánh đèn dịu hắt lên đỉnh màn. Nhịp thở của Vân đã trở nên nhịp nhàng. Nguyên nhủ thầm chắc vợ đã ngủ. Chàng sung sướng thấy rằng sức khỏe của Vân vẫn đầy đủ. Tự dưng Nguyên có ý nghĩ muốn nhìn ngay vào mặt vợ. Có lẽ khi ngủ má Vân sẽ no tròn, no tròn như hai nửa trái táo, như má Hạnh hồi xưa. Nguyên chống tay ngồi lên, cúi nhìn sát mặt Vân. Vân phi cười, thì ra nàng vẫn chưa ngủ. Nguyên bật cười theo.

Đêm vẫn dài đêm. Cả Nguyên lẫn Vân đều chẳng hiểu tại sao mình lại cười.

Hàn-Giang — Đêm đầy mây

LAM - HỒ

KANGAROO

Thấy một giống chuột lớn người ta hỏi thỏ dân nơi ấy tên nó là gì, người thổ dân đáp : « Kan ga roo » nghĩa là « Tôi không biết ». Người ta tưởng tên nó là Kangaroo và cứ thế gọi mãi.

RIPLEY

GIÁ TRỊ MỘT CON NGỰA ĐUA

Chưa con ngựa nào kiếm được nhiều tiền như con Nashua. Trong bốn năm chạy đua nó chiếm được 1.288.565 đồng Mỹ Kim. Nhưng đáng ngạc nhiên hơn nữa là đã có người bỏ ra 1.251.200 đồng Mỹ kim để tậu nó, một cái giá cao chưa từng thấy bao giờ.

M. D.

Vợ chồng trẻ

TRUYỆN NGẮN ĐĂNG BỐN KỲ

Phóng tác của PHẠM-LỆ-OANH

(tiếp theo)

LẠI hai tuần lễ nữa trôi qua, lúc ấy Tấn mới nhận thấy là tìm được một việc làm không phải giản dị như chàng vẫn tưởng, chàng đi nộp đơn hết các sở, nhờ cậy khắp các nơi, rút cục lại vẫn không có kết quả. Khi số tiền của họ chỉ còn lại có năm chục, Hiền mới thấy sốt ruột.

— Không lo, (Tấn an ủi) sáng mai anh lại thẳng Lữ mượn tạm ít nhiều tiêu đỡ, rồi sau sẽ hay.

— Anh nhờ hẳn tìm hộ việc làm, hẳn còn chưa trả lời, khi nào hẳn chịu cho vay tiền?

— Hồi cưới em, anh cũng phải vay tiền của nó, mãi đến năm ngoái mới trả hết. Anh vay mượn rất sòng phẳng, tại sao nó không dám cho vay? Vả lại (Tấn nhấn mạnh) có những người bạn có tiền,

nhưng không thân với mình, lại cũng có người thân với mình nhưng không có tiền, chỉ có thằng Lữ là vừa thân lại vừa có tiền, không hỏi nó thì hỏi ai?

Hiền gật đầu:

— Thế thì anh cứ hỏi thử xem.

Hôm sau Tấn vừa đi khỏi, Hiền cũng đi luôn, và nằng về trước Tấn độ nửa giờ.

Trông thần sắc của chàng, Hiền đã đoán biết nên không hỏi gì, Tấn ngồi phịch xuống ghế thở dài:

— Chán quá! Nhân tình đời nay thực đáng sợ! Thấy mình thất nghiệp không những nó không cho mình vay tiền, nó còn làm ra vẻ miễn cưỡng tiếp chuyện mình nữa. Thằng nào cũng thế hết, đều thực! Hừ, không biết làm thế nào bây giờ đây? (Tấn khoanh hai tay lại.

ôm lấy đầu dằng điệu thực thiêu não, chỉ trong nửa tháng trời, trông chàng sút đi đến năm kí thịt).

— Đó là sự thường có gì là lạ ! Trước khi anh đi, em đã đoán biết kết quả thế nào rồi. Người ta chỉ thuê hoa lên gấm, chứ ai đại gì mà đốt lửa hang tuyết ? Anh nhờ tất cả bạn bè của anh tìm họ công việc, tất nhiên họ đều biết anh thất nghiệp, bây giờ anh còn đến vay họ tiền. đời nào họ cho anh vay ? Nhân-tình đời nay đều như thế cả, việc gì mà tức cho tồn thọ ! (Hiện móc túi lấy ra một tờ giấy năm trăm giơ lên cho Tấn xem). Nay anh trông, em vừa mượn tạm của chị Thu đấy, nếu tiêu hết số tiền này mà vẫn chưa tìm được công việc, thì đành chịu chết !

Tấn vừa cảm kích vừa tủi thẹn, đắm đắm nhìn Hiện, một lát sau mới nói :

— Hiện, anh thực có lỗi với em quá !

— Lại khách-sáo rồi, em không thích nghe thế đâu ! Vào đây (Hiện bỏ tiền vào túi, kéo Tấn đứng lên) làm cơm hộ em, hôm nay em mua nhiều món ăn lắm.

Mấy hôm ăn uống cực khổ quá bữa nay vay được tiền, nàng mới đem hết số tiền còn lại, mua cả thức ăn. Tấn vừa rửa rau vừa nói :

— Trong bọn bạn đồng học của em, anh thấy chỉ có chị Thu là người nghĩa-khí nhất đấy.

Hiện đáp :

— Chị ấy cũng chỉ là một viên chức nhỏ trong công-ty, đời sống cũng không lấy gì làm dễ chịu lắm, nếu không nó còn giúp được nhiều hơn chút nữa.

— Đời sống không dễ chịu à ? Sao hôm chúng mình tới thăm, anh

thấy trong nhà có radio, lại có rất nhiều đĩa hát. Nàng lấy tiền đâu mà mua được những thứ ấy ?

— Đấy toàn là của vị hôn-phu chị ấy gửi tặng cả. Anh ta du học bên Mỹ, chờ khi nào tốt nghiệp về thì cưới.

— À ! (Tấn hình như có xúc cảm, thôi không hỏi nữa).

Bữa cơm chiều nay tuy nhiều món ăn hơn mấy bữa trước, nhưng cả hai người ăn cùng không thấy ngon miệng. Họ mới trải qua biến cố lần này là lần đầu tiên, mà họ đã từng như không sao chịu nổi những nỗi cay đắng của kiếp người.

Thấm-thoát lại đến cuối tháng, ăn cơm chiều xong, Hiện móc túi lấy ra mười đồng bạc, buồn rầu bảo chồng :

— Thế là hết, ngày mai đến phiên họ thu tiền nhà rồi ! ở đây không khát được như mọi nơi đâu, làm thế nào bây giờ ? công việc của anh chưa có tin tức gì cả, chỗ vay mượn thì hết rồi, em thực không còn cách gì xoay sở được nữa !

Tấn định nói nhưng không biết nói gì, chỉ ngồi nhìn lên bức ảnh Hiện treo trên tường mà thờ người ra nghĩ, ngợi : con người đẹp như thế, hiện dụ thế kia, sự đòi hỏi lại quá ư giản dị, thế mà mình không sao bảo đảm cho nàng một cuộc đời no ấm, còn biết làm sao !

Bất giác Tấn nảy ra cái ý muốn tự tử, sống mà cực khổ thế này chẳng thà chết đi còn hơn ! Nhưng chết thì phải xa Hiện, đó là một điều chàng không muốn. Nghĩ tới đấy, chàng đưa mắt nhìn vợ, vừa hay nàng cũng ngước lên nhìn chàng, hai luồng nhỡn tuyến gặp nhau liền dừng lại. Nàng nhắc cao cặp mày thanh tú, cười một cách thờ ơ :

— Em biết anh đang nghĩ gì cơ !
 Trong cơn mất lơ mơ của Tấn
 anh lên một dấu hỏi : « Chết » có
 phải không ? Nhưng một lát Hiền
 lại nói tiếp :

— Em cũng nghĩ thế, sống mà luôn
 luôn phải lo lắng thế này, thì không
 bằng chết đi còn khoái hơn anh
 nhỉ ?

Tấn cúi gầm mặt xuống :

— Anh có ý ấy thực, anh cảm
 thấy có lỗi với em vô cùng. Anh
 không muốn làm lụy đến em nữa,
 vì thế anh muốn chết một mình.

— Anh tử-tế nhỉ ! Anh muốn chết
 một mình, còn để mặt kệ em, muốn
 làm thế nào thì làm chứ gì ?

— Hiền, anh có lỗi với em nhiều
 quá rồi, khi nào lại còn cố tình
 làm khổ em suốt đời. Cũng có thể là
 sau khi anh chết đi, em sẽ có một
 cuộc đời sung sướng hơn nhiều.

— Không ! (Hiền lắc đầu quầy
 quậy) sống thì cùng sống, chết thì
 cùng chết. Dù sống hay chết chúng
 ta cũng không bao giờ rời nhau !

Tấn không biết nói sao cả, lòng
 ngồn ngằng đầy mâu thuẫn. Hai
 người yên lặng trầm ngâm, căn
 phòng tĩnh mịch, họ tưởng như họ
 đang ở trong một cái hoang đảo,
 thế giới như không ai biết có họ,
 nhưng có lúc lại văng vẳng nghe
 như có tiếng người từ đâu vọng lại,
 mơ màng như có như không.

Một lúc khá lâu, Tấn mới cất
 tiếng nói để phá tan bầu không
 khí vắng lặng đến rợn người :

— Đối với kiếp sống của con
 người, anh thực không có một chút
 gì là hứng thú ! mấy hôm nay anh
 gặp hết thấy những cặp mắt lạnh
 lùng, ném đủ mọi mùi cay đắng
 anh cảm thấy thế tình thực tối u,
 lạnh nhạt, tàn nhẫn không thể sao

chịu nổi, anh hết cả hơi sức rồi,
 anh cần phải nghỉ ngơi ! Em còn
 ít tuổi hơn anh nếu không vì anh
 có phải đời em đã có một tương lai
 sáng sủa không ? Nếu cần phải chết
 thì ta chỉ hy sinh một người thôi.
 Còn một người, biết đâu lại không
 được hạnh phúc !

— Hừ, anh thực là vô đoán !
 (Hiền có ý tức giận) Sao anh dám
 chắc là còn một người sẽ được
 sống một đời sung sướng ? Tấn !

Hiền đứng lên lại ngồi cạnh
 Tấn :

— Sao bằng chúng ta cùng chết !
 chết thì chết tất cả.

Đôi mắt to đen láy, đăm đăm
 nhìn Tấn, Tấn thấy thân thể nóng
 bừng, mặt hơi ươn ướt, chàng kéo
 Hiền lại gần. Hai người cùng lắng
 lắng ngồi yên.

Một lát sau, Tấn đứng lên quả
 quyết bảo Hiền :

— Được rồi, em đưa tiền đây,
 anh đi mua chai dầu nóng, chúng
 ta cùng uống.

Hiền lấy tiền đưa cho Tấn, Tấn
 lập tức đi mua ngay, đem về rót ra
 hai cái cốc.

Tấn nét mặt âm thầm, ngồi nhìn
 hai ly thuốc độc, gật gù một
 cái đầu khổ :

— Hai cái thề xác sống không ý
 nghĩa, sẽ lập tức tiêu hủy bởi hai
 chén thuốc độc này ! (Tấn mạnh
 bạo cầm lấy một cốc) Chúc em
 mạnh ? à quên... chúc em chóng
 chết... nào, cạn chén !

Tấn đưa cốc lên môi, định uống,
 Hiền vội kêu :

— Ấy khoan, khoan đã !

— Cái gì ? (Tấn dừng cốc lại)

— Làm gì mà vội thế ? Chúng
 mình còn phải lo liệu mọi việc về
 sau đã chứ ! Ít nhất em cũng viết
 cho chị Thu mấy chữ, người ta

cho mình vay tiền, tiền đã không trả thì chớ, thư lại cũng không nốt như thế thật vô tình quá ! Em định để chiếc đồng hồ này lại cho chị ấy, gọi là một chút kỷ niệm.

— Ừ phải, (Tân đặt cốc xuống bàn) Anh cũng để lại một tờ di chúc, đem cái đồng hồ của anh, và nhất thiết mọi đồ vật của chúng mình, giao cho hội chơi cờ, làm giải thưởng cho những tay nào giât giải quán quân toàn quốc.

— Sao không được, chúng ta hãy ngồi nán lại một lúc, nghĩ kỹ xem còn việc gì phải làm không khéo khi chết lại không nhắm được mắt.

Hai người ngẫm nghĩ hồi lâu, Hiền nói :

— Trong chốc lát không nghĩ ra được việc gì đâu, hay để em đi viết thư và anh viết di-chức cho xong đã, rồi chúng ta hãy nghĩ sau, may ra mới có thể nghĩ được.

— Phải đấy !

Hiền lấy giấy bút, hai người phục xuống bàn hý hoáy viết. Tân viết xong trước, lại rầu rĩ ngồi dựa vào ghế. Chỉ một phút sau, Hiền cũng viết xong, cho thư vào phong bì, rồi ngồi xuống cạnh Tân, cả hai người cùng trầm ngâm, có dáng nghĩ ngợi. Một lúc lâu Tân thở dài :

— Thế là hết ! Hai cuộc đời nhặt nhẻo vô vị, đến đây là chấm dứt ! (Tân đưa mắt nhìn quanh phòng) Chúng ta vừa thuê được căn phòng vừa ý, bây giờ lại bắt buộc phải rời bỏ nó.

Hiền cũng tuyệt vọng nhìn theo ; tất cả đồ đạc bài - trí trong phòng đều do tay nàng sắp đặt, mỗi cách bày biện, mỗi thứ trần-thiết, nàng đều để hết tâm tư vào đấy, những tưởng có

thề sống ở đây lâu dài mãi mãi, ai ngờ chỉ trong một thời gian ngắn, đã bắt buộc phải dời xa, ánh mắt tuyệt vời của Hiền bỗng đổi sang một niềm luyến tiếc vô biên.

— Anh Tấn ạ, (Hiền nói rất khẽ) hình như em còn nhớ ở đâu có hai câu thơ cổ này thì phải : « Hoàng toàn vô khách xá, kim tịch túc thủy gia (1) » Nếu quả chúng mình chết thực, thì bây giờ tối rồi, làm thế nào tìm được nhà trọ ?

— Đây là chuyện thời xưa, bây giờ thế giới tiến bộ thế này, tất nhiên âm-ty cũng phải tiến bộ chứ ! Biết đâu bây giờ dưới ấy không khối khách-sạn tối tân, không chừng lại có cả máy lạnh cũng nên.

— Ờ, (Hiền như vừa nghĩ được điều gì, nàng đứng lên trút đôi giày cao gót ra, xâu chân vào đôi giép thấp, lấy kính dầm đeo lên mắt, rồi lại ra ngồi vào chỗ cũ).

— Làm cái gì thế. (Tân ngạc nhiên).

— Xuống âm chắc là phải đi bộ nhiều (Hiền nói có vẻ tin tưởng) phải đi qua cầu Nại-Hà sang thôn Mạnh-bà, lại còn phải trèo lên Vọng Hương-đài nữa. Không có giép thấp thì đi sao nổi bấy nhiêu đường đất ?

— Thế còn kính dầm ?

— Nghe người ta nói dưới ấy nhiều cát vàng lắm, không đeo kính thì đi đường bụi cát nó bay vào mắt, không biết đằng nào mà trông.

— Đây toàn là những chuyện thời xưa, các cụ kể cho con cháu nghe, bây giờ dưới ấy lại không

1) dịch : Suối vàng không quán trọ, đêm nay ngủ nhà ai ?

toàn đường giải nhạ cả rồi ư ? làm gì còn có cát vàng ! Ta chẳng thấy những người con hiếu cháu hiền đốt cả xe hơi xuống cho tổ-tiên họ à ? Điều ấy đủ chứng tỏ rằng âm ty bây giờ cũng có xe hơi. Có xe hơi thì tắc-xi, xích-lô, xe đồ cũng có thể có được cả, em khỏi lo đi bộ mỗi chân.

Hiền vẫn chưa hài lòng :

— Chúng ta sở dĩ biết được những chuyện dưới âm-ty là do lời của các cụ truyền lại, những tin tức mới bây giờ có nghe thấy gì đâu. Tin tức dưới âm truyền lên thế gian ít lắm nếu họ mở rộng biên giới cho tất cả ai ai cũng thấy rõ tình hình gần đây của họ đã cải tiến đến đâu, thì em dám chắc rằng thiên hạ còn nhiều người tự tử hơn nữa. Anh có tin là đúng không ?

Tấn không tin, mà cũng chẳng không tin, chàng chỉ ngồi yên không nhúc nhích. Hiền lại nói :

— Thôi không nghĩ cả, càng nghĩ lại càng lo. Thí dụ như chuyện tiền : người ta có con hiền cháu thảo, hàng năm đốt xuống cho họ nào xe hơi, nào giấy vàng giấy bạc, còn chúng mình thì ai đốt ? Mình đã nghèo quá, không sống được mới phải tự tử, lúc chết đi lại vẫn nghèo như cũ, thế thì làm thế nào ? Chẳng lẽ lúc ấy lại tự tử nữa.

Tấn nghĩ bụng những lời nói của của Hiền không phải là hoàn toàn vô cơ. Sau khi họ chết, cổ nhiên là không ai đốt vàng đốt mã cho, họ khỏi phải nghèo khổ đói rách, có khi lại còn khổ hơn ở đây cũng nên. Nghĩ tới đây Tấn lại có vẻ chán chừ.

— Mấy lý (Hiền nói tiếp) chúng mình ở đây rất nhiều bạn bè quen thuộc, mà lúc túng nhỡ còn chẳng hỏi ai được, nữa là xuống

dưới ấy, còn biết vay mượn vào đâu ? Tình cảnh lại còn thế thảm hơn nữa, cũng không chừng !

Tấn thở dài :

— Đã chết lại còn nghĩ đến điều ấy làm gì ! ít nhất thì chúng mình cũng còn được ở bên nhau vĩnh viễn.

Hiền bấu môi :

— Sao dám nói chắc thế được ? Chúng mình không ai có thể biết chắc là đời mình có làm được điều gì lành hay không ? cổ nhân có câu « vô tâm vi thiện, phương thị đại thiện » người làm điều lành thì tất được lên thiên đường, vạn nhất một trong hai chúng ta có một người vô tâm làm được điều lành lại có người nhỡ làm phải điều ác sau khi chết đi, một người lên thiên đàng, một người xuống địa ngục, không những không thể ở chung với nhau được, trái lại còn phải lìa nhau thực xa, khó lòng lại gặp nhau nữa. Sao anh dám quả quyết là chúng mình có thể ở với nhau một chỗ mãi mãi được ?

Tấn tự nhiên có vẻ ngượng ngùng :

— Em hiền-tuệ như thế, trong sạch như thế, nhất định thế nào cũng được lên thiên đường, còn anh ấy à ? anh phải cái tính hâm mộ nghệ thuật, nên nhiều lúc cũng làm cho em bực mình. Tính anh xấu như thế, anh tin rằng khi chết đi thế nào anh cũng phải sa địa ngục. (Tấn khe khẽ thở dài).

Hiền cũng nhận thấy Tấn phạm phải cái tội quá nặng ấy thực, nàng không dám chắc là mình sẽ được lên thiên đường, nhưng nàng rất tin tưởng là thế nào Tấn cũng phải vào địa ngục, nên bất giác nàng cũng trở nên do dự. Ngẫm nghĩ một lát, rồi Hiền nói :

— Bây giờ anh đã biết thế là tội ác chưa ?

— Anh biết lắm ! Người ta khi sắp chết, lời nói bao giờ cũng khôn, tất nhiên anh phải thừa nhận sự sai lầm của anh, anh cũng nhận là anh có lỗi với em nhiều quá, (Tấn cúi gầm mặt xuống nói nhỏ nhỏ)

Hiền thương hại nắm lấy tay chàng :

— Em tha thứ cho anh ! Tất cả mọi lầm lỗi của anh từ trước tới nay, em đều tha thứ hết. Em vẫn coi anh là một người chồng rất tốt, mãi mãi không bao giờ xa anh.

— Nhưng mà khi chết lại phải xa nhau, một người lên thiên đàng, một người xuống địa ngục, vĩnh viễn không bao giờ gặp nhau nữa thì sao ?

Thốt nhiên Hiền như vừa tìm ra được chân lý.

— Anh này, chúng mình vốn dĩ vẫn là đôi vợ chồng thương yêu nhau rất mực, ai có quyền bắt mình phải xa nhau ?

Tiếng Hiền nói lớn quá, làm cho Tấn giật mình, chàng ngao ngán trả lời :

— Ai, ai bắt được chúng ta xa nhau ? Tiền... nếu chúng ta có tiền...

— Tiền ! (Hiền cãi lại) tại sao chúng ta phải chịu thua nó ? chúng ta sống thì ở với nhau, không ai có thể can thiệp tới tự do của chúng ta được. Như nếu chết đi mà không được gần nhau, thì chết làm gì ? Tại sao không cứ sống có được không ? Giá dụ có khổ nữa thì cả hai người cùng chịu, nhưng mà vẫn được ở bên nhau.

— Phải đấy, em yêu ạ, anh hiểu rồi (giọng Tấn đã ôn hòa đôi chút) anh biết rằng nếu chúng mình còn

sống, tất nhiên không ai có quyền chia rẽ chúng mình được. Nhưng làm thế nào để mà sống mới được chứ ?

— Sao lại không làm thế nào được ! cùng lắm thời chúng mình đi làm công nuôi nhau cũng được chứ sao ? Tùng thì dĩ nhiên có khổ, nhưng được ở bên nhau còn hơn.

Cái dũng-khí của Hiền đã kích thích được Tấn, chàng vui vẻ ngồi thẳng người lên :

— Em nói phải, phải lắm !

Nhưng thốt nhiên chàng lại sụu mặt lại.

— Nhưng mà, không phải đâu xa, ngay bây giờ, chúng mình không biết kiếm đâu ra tiền để trả tiền nhà, thì còn nói gì đến chuyện sống lâu dài vĩnh viễn. (Tấn thở dài) Đào đâu ra nghìn bạc bây giờ ? Cứ ý anh thì có chết là xong cả ?

Hiền im lặng, nghĩ một lát rồi nói :

— Có cách rồi ! Chúng ta thử tìm xem trong nhà có cái gì đáng giá, thì đem cầm đi, để cấp cứu lúc này đã, rồi sau sẽ liệu.

Tấn đưa mắt nhìn quanh phòng rồi lắc đầu :

— Anh chẳng thấy cái gì đáng giá, có thể đem cầm được cả.

— Thiếu gì ! này nhé cái đồng hồ báo thức, với lại mấy chiếc bát đĩa cổ kia chẳng cầm nổi được ngàn bạc hay sao ?

Tấn phì cười :

— Có mà không cũng không ai thèm lấy chứ đừng nói đem cầm. À ! (Tấn chợt nhớ ra) anh có mấy bộ quần áo mới có thể cầm được đấy. Bây giờ trời nóng thế này không dùng gì đến, đem cầm đi còn được việc.

— Không, áo để anh mặc, lỡ khi có phải đi đâu thì sao ? Em

có mấy chiếc áo quí có thể cầm được. Anh cứ để áo của anh lại...

— Không được, áo đàn bà người ta không cầm đâu, vả có cầm cũng chẳng được mấy đồng tiền, cứ để anh cầm áo anh là tiện hơn cả. Bây giờ mình đang thất nghiệp, ai mời dự tiệc dự tùng gì mà sợ, bao giờ có công ăn việc làm lại chuộc, lo gì?

Hiền xét thấy cũng không còn cách gì hơn được, đành phải bằng lòng. Hai người cùng thở ra khoan khoái như vừa giải quyết xong một vấn đề trọng đại.

— Còn hai cốc dầu nóng này làm thế nào? (Hiền hỏi)

— Lại đổ nó vào chai, hôm nào đau lưng thì xoa, tốt lắm.

Hiền đứng lên rót trả hai cốc dầu vào chai, cười bảo Tấn:

— Thôi cất đi để dành, lần sau tự tử khỏi phải mua.

— Hy vọng rằng không bao giờ chúng mình còn có những ngày như ngày hôm nay nữa.

— Em cũng hy vọng thế.

Hai người nhìn nhau cười, những cơn mây sầu gió thảm như bị cuốn đầu mất cả. Tuy họ mới chỉ có một cách giải quyết tạm thời thế thôi, nhưng cũng đủ cho đôi vợ chồng trẻ không biết lo xa ấy hý hửng như chuyện đời không có gì là không làm nổi.

Sáng hôm sau Tấn chải đầu rửa mặt xong, mở đương lấy hai bộ quần áo mới nhất, lấy giấy báo gói lại.

— Ít nhất cũng phải cầm được hai ngàn bạc mới đủ, trả xong tiền nhà, còn thừa để tiêu tạm ít lâu (Tấn vừa nói vừa mặc quần áo) hai bộ này nhất định là

đủ (cả hai người từ nhỏ đến giờ chưa hề bước chân tới tiệm cầm đồ).

Tấn cấp gói áo lên tay:

— Em chờ anh nhé! Anh phải kiếm tiệm nào thực xà, không nhờ gặp người quen, ngược chết!

—Ồ nhĩ! thôi để em đi cho! Anh đang thất nghiệp mà bạn bè họ trông thấy anh vào tiệm cầm đồ, họ khinh chết!

Tấn lắc đầu:

— Không, em đã khổ vì anh nhiều quá rồi, khi nào lại còn để em phải phơi mặt ra những chỗ người lịch sự không bao giờ thèm đến ấy nữa. Mấy ly, để một cô gái đẹp như em bước vào tiệm cầm đồ, chỉ làm cho người ta thêm chú ý.

— Người ta chú ý thì sợ gì? Mà cũng chẳng ai biết mặt em đâu. Anh ra ngoài luôn, nhiều người quen, nhờ họ trông thấy, thế nào họ chẳng bình phẩm.

— Hừ, có cầm có chuộc, những người cao quí như anh đây, còn sợ gì ai cười. Không khi nào anh để em đi.

— Anh đang thất nghiệp mà lại đi cầm đồ thiên hạ họ khinh thường ngay.

— Không, mặc anh, không bao giờ anh để em đi, đừng lời thôi nữa

— Không việc gì phải tranh nhau nếu muốn công bằng chúng ta thử lấy cổ bắt rút thử xem, ai rút phải số nhỏ thì phải đi.

—Ừ được, (Tấn lôi cổ bắt trong ngăn kéo ra, trang thực kỹ, rồi nói:) Theo phép lịch sự đàn bà phải được quyền ưu tiên, em rút trước đi.

Hiền rút được ngay quân nhạ, vàng, nằng reo lên:

— Đấy nhé ! đồ anh rút được số nhỏ hơn nữa đấy.

Tấn chẳng nói chẳng rằng thò tay rút một quần vật mạnh xuống bàn, thế nào lại là con chi chi.

— Ha, ha ! (Tấn cao hứng reo lên) trời đã định là anh phải đi, thì dù em có tranh cũng vô ích. Thôi để anh đi, em cứ ngồi nhà mà chờ tin.

— Không ! để em cùng đi với anh.

— Việc gì phải thành đôi kết bạn để đi đến tiệm cầm đồ thế. Làm như đi xem ciné không bằng.

— Anh không hiểu, hãy ngồi xuống đây, rồi em nói cho mà nghe. Hai chúng ta cùng đi, rồi tìm một tiệm cầm đồ nào thực hẻo lánh vắng vẻ anh đem áo vào cầm, em đứng ngoài cửa đợi, xong chúng mình cùng đi đến tiệm ăn cơm. Lâu lắm chúng mình không được đi chơi, lần này nhân tiện đi một lúc cho đỡ cuồng chân, chẳng hơn em cứ ngồi ro rọ một mình ở nhà mà đợi anh à ?

Tấn gật đầu :

— Ừ cũng được, em mặc áo đi, nhanh. Hôm qua mua dầu nóng còn thừa mấy đồng đây, đủ tiền đi xe buýt.

Hiền mặc xong quần áo, Tấn cấp gói giấy báo, hơn hờ khoác tay nhau ra cửa. Tuy nghèo đến nỗi bóí không ra, và không thấy, nhưng họ vẫn nghĩ đến bữa ăn ngon lành trong một quán cơm ngoại ô đang chờ họ. Ai trông thấy cái vẻ hân hoan sung sướng của đôi vợ chồng trẻ này, mà dám bảo rằng họ đi đến tiệm cầm đồ.

Ra đến đường lớn, Hiền hỏi :

— Đi đâu bây giờ ?

— Vào Phú-thọ.

— Anh chỉ nói đùa ! (Hiền lườm)

— Thế thì đi đâu ?

— Sang bên kia sông. Chúng ta rất ít khi sang đấy, không lo gặp người quen.

— Cũng được.

Hai người sang tới bên sông, ra một con đường vắng, tìm một tiệm cầm đồ, khi tìm thấy rồi Tấn bảo vợ :

— Em chờ anh ở đây, anh ra ngay bây giờ.

Hiền gật đầu đứng lại, chàng cấp gói áo xam xam bước đi, đến trước cửa tiệm, Tấn không vào vội, tiến thẳng thêm mấy bước nữa, rồi chẳng biết nghĩ thế nào lại quay trở lại.

— Thế nào ? (Hiền ngạc nhiên hỏi)

Tấn không muốn thú thực là mình ngượng, bịa chuyện :

— Anh vừa thoáng trông thấy hai người bạn đi qua đây, sợ họ nhận ra mình, nên chưa muốn vào vội.

— Đấy em đã bảo mà ! (Hiền ra vẻ đắc thắng). Anh dễ gặp người quen lắm, Thôi để em đi chờ (vừa nói vừa định giăng lấy gói áo).

— Không. (Tấn nhất định không đưa) cứ để im anh đi, chờ lát nữa để họ đi khỏi đã rồi anh vào.

Hiền đành cùng với Tấn đứng ở đấy, mỗi lần không thấy người nào có dáng quen quen, Tấn định bước đi thì lại có người chạy đến.

Hiền có vẻ sốt ruột :

— Thế này thì biết đợi đến bao giờ ? Em đã nghĩ được cách này.

— Cách gì ?

— Anh cứ đứng đây để em thử đi qua cửa tiệm, xong rồi em ngoặt

trở lại, anh đi lên, chúng ta sẽ gặp nhau ở cửa tiệm, anh trông phía sau lưng em, em trông phía sau anh, nếu thấy người nào có vẻ đáng ngờ là người quen, thì lúc gặp nhau, em sẽ nói nhỏ câu : « coi chừng » cho anh nghe tiếng, anh cứ việc đi thẳng. Khi ra tới đầu phố, ta lại quay lại, cho đến bao giờ chắc chắn không trông thấy ai khả nghi nữa, thì khi tới chỗ gặp nhau, em lại nói nhỏ vào tai anh « Được rồi » thế là anh cứ đi thẳng vào tiệm, cách ấy có được không.

— Được, được ! (Tấn khen luôn miệng). Nào bây giờ bắt đầu, em đi đi.

Hiền thủng thủng đi qua tiệm cầm đồ, mắt ngó nghiêng từ phía, ra tới đầu đường quay trở lại, lúc ấy Tấn mới bước lên, khi họ giáp mặt nhau ở giữa cửa tiệm cầm đồ, hai người ra ám hiệu cho nhau, rồi lại đi. Tới lượt thứ ba, Hiền mới gạt đầu, ra hiệu cho Tấn thẳng vào tiệm.

Trước guichet có một dãy ván gỗ cao ngang đầu người, Tấn chạy tọt ngay vào bên trong dãy ván đó, khễ nổi tầm vóc chàng cao quá, nên cái đầu vắn thò lên khỏi tấm ván, Tấn cứ phải cúi lom khom sợ người ngoài đường trông thấy. Lão chủ tiệm xem đi xem lại hai độ đồ, rồi bảo chàng :

— Mấy bộ đồ này đến bán đứt cũng không được hai ngàn nữa là cầm, thôi ông đem đi tiệm khác.

Tấn không biết nói sao, đành phải tháo luôn cả chiếc đồng hồ phụ thêm vào mới đủ hai ngàn bạc. Chàng nhét vội mảnh giấy cầm đồ vào túi quần, còn tiền thì nhét vào túi áo trong. Chàng ghé mắt nhìn qua khe ván gỗ, thấy Hiền vẫn đứng chờ ở đầu đường, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn tiệm, có dáng bồn khoăn sốt ruột. Tấn vừa cảm

động vừa xấu hổ, nghĩ bụng : một vị tiểu thư vừa đẹp, con nhà giàu sang như Hiền, thiếu gì vương-tôn công-tử lắm le cầu cạnh, sẵn sàng dâng hiến cho nàng những tòa nhà lầu, tráng lệ, những chiếc xe Huê-kỳ lộng lẫy : thế mà nàng không màng gì hết, nhất định theo mình, chịu sống cảnh nghèo hèn cơ-cực, suốt ngày rửa bát chùi xoong. lại còn phải phơi mắt ra những chỗ mà người đàn bà quý phái không bao giờ biết đến. Lại còn cảm động hơn nữa là chính nàng, nàng không tự nghĩ thế là mình đã hy sinh cho chồng. Sự hy sinh mới cao quý và vĩ đại làm sao ! Một người đàn bà như thế thực hiếm có, không biết làm thế nào mà báo đáp được tấm lòng cao thượng ấy của nàng ? »

Tấn cứ ngây người ra nhìn Hiền, hồn vía như đi đâu mất cả, mãi đến khi Hiền gạt đầu tới lượt thứ ba, chàng mới vội vàng hấp tấp bước ra khỏi tiệm. Không may cho chàng, tiệm cầm đồ này lại ở góc đường, một mặt là đầu một cái ngõ hẻm. Tấn vừa bước ra khỏi cửa thì sỏ ngay vào một người đang từ trong ngõ đi ra. Tấn vừa toan mắng, thì người kia thốt kêu lên :

— Ô kia Tấn, đi đâu đấy ?

Tấn định thần nhìn, thì ra Chung, bạn đồng học với chàng.

— À Chung ! (Tấn đưa tay ra) lâu lắm không gặp, mạnh giỏi chứ ?

— Cảm ơn. (Chung nắm tay Tấn lắc thực mạnh). Từ hôm đi dự tiệc cưới anh đến giờ, hôm nay mới lại gặp đã đến hai năm rồi ấy nhỉ ?

— Chứ còn gì nữa ! Chúng

minh ở xa nhau quá, công việc lại nhiều, nên ít có dịp gặp nhau. À, tôi nhớ ra rồi hình như anh đây học ở gần đây ?

— Vâng, đúng. Sao hôm nay anh lại nhàn rỗi, sang tận bên này chơi ?

— Tôi... tôi đi chơi (Tấn lúng túng một hồi rồi nói lảng) Nhà tôi cũng có đây, hôm cưới anh đã biết mặt rồi chứ ?

Tấn vẫy Hiền lại, lúc ấy Chung mới trông thấy nàng, hai người cùng cúi chào.

— Hân hạnh, hân hạnh ! (Chung nói). Ít khi có dịp anh chị cùng qua đây chơi, mời anh chị xơi cơm trưa với tôi cho vui, vừa may chiều nay chúng mình cùng được nghỉ.

— Không, để chúng tôi mời anh.

— Đừng khách sáo, nơi đây là địa phương của tôi. May quá, nếu tôi không tìm con đường tắt này để về cho gần, thì sao được gặp anh chị ?

— Mà tôi cũng không đến nổi sút cả trán ra thế này ! (Tấn vừa cười vừa sờ tay lên trán).

— Còn tôi thì sái cả quai hàm ! (Chàng sờ lên cằm)

— Hà hà ! Thôi hòa, hòa cả làng !

Cả hai người cùng cười rộ. Hiền cũng tủm tỉm cười theo.

— Thôi, không hề gì. Đi đi, mời anh chị đi với tôi, đường ở đây tôi thông thuộc lắm.

Ba người cùng đi, Tấn đi giữa thò tay vào túi lấy tiền, dúm vào tay Hiền. Không ngờ trong lúc vội vàng, chàng rút ngay phải cái vé cầm đồ, Hiền thấy Tấn dúm vào tay cũng yên trí là tiền

nàng không buồn nhìn, cứ thế ấn đại vào ví.

Chung đưa hai người vào một tiệm ăn, tương đối là lịch-sự nhất vùng ấy, và món ăn ngon có tiếng.

— Sao hôm nay anh lại nghỉ buổi sáng ? (Chung hỏi)

— Tôi thất nghiệp (Tấn buột miệng nói ngay, Hiền định cản lại nhưng không kịp).

— Thất nghiệp à ?

— Vâng. (Trông sắc mặt Hiền

Tấn biết nàng không muốn cho mình nói thẳng như thế, nhưng đã chót nói rồi, không lẽ lại chối) công ty tôi, họ cho sự kinh doanh ở Saigon không có lợi, không cần phải đặt công ty nên quyết-định thu hẹp lại, chỉ còn đặt tại đây một phòng giấy và giữ lại có hai nhân viên. Tôi không may lại ở trong số bị sa thải, thế là thất nghiệp.

Nói xong Tấn lại hỏi, cho là thế nào Chung cũng tỏ ý khinh chàng, ai ngờ Chung vẫn điềm tĩnh như không, không tỏ thái độ gì cả, chỉ chăm chú nhìn Hiền, rồi vồn vã hỏi :

— Như vậy thì bây giờ anh tính sao ?

— Tính sao ! (Tấn so vai) Tôi đã tính đủ mọi cách, nhưng mà người tính không bằng trời tính, đến bây giờ vẫn chưa nên công chuyện gì cả. Chúng mình là bạn cũ với nhau, thực tôi không dẫu anh, nếu cứ thế này mãi, sự sinh hoạt của chúng tôi sẽ biến thành một vấn đề khó giải quyết.

Thái độ ân-cần của Chung, làm Tấn không e dè gì nữa, cứ thẳng

thần kễ hết tâm sự cho bạn nghe, Hiền cũng nói :

— Nếu anh có cơ hội tốt, xin giới thiệu cho nhà tôi một việc.

Chung ngắt nghĩ một lát rồi nói :

— Vâng, để tôi xem có cơ hội nào sẽ hết sức giúp anh. Anh không ở trong ngạch, không thể làm giáo viên được. Đến nay tôi đây cũng chỉ là giáo viên tạm thời thôi.

— Cố nhiên là không có cơ hội nào chờ tôi, tôi chỉ chờ anh lưu ý cho. Ngay bây giờ tình cảnh chúng tôi cũng đã khốn quẩn lắm rồi.

— À. (Chung như sực nhớ ra) có một việc làm tạm, anh có làm không ?

— Việc gì ?

— Đánh máy thuê mỗi bản năm đồng. Anh có máy không ?

— Có, tôi vẫn có cái máy cũ, có thể đánh tạm được.

— Thế thì tốt lắm, nếu anh có hứng làm, tôi sẽ nhận cho anh. Nhưng công việc không nhiều, mỗi ngày chỉ có vào khoảng hai chục bản.

Tấn nghĩ thầm : « năm đồng một bản, mười bản năm mươi đồng, hai

mười bản một trăm. Nếu ngày nào cũng có việc đều thì may ra cũng sống gượng được ? Nghĩ vậy liền đưa mắt cho Hiền, thấy Hiền không tỏ vẻ phản đối, liền quả-quyết nói với Chung :

— Điều cốt yếu là làm thế nào cho có cơm ăn, còn nói gì đến có hứng. Tôi làm.

— Thế thì được, chiều mai anh sang tôi, tôi sẽ sắp sẵn cho anh, lập tức bắt đầu làm ngay. Ở đây họ trả tiền sòng phẳng lắm, cứ đưa bài là lấy tiền, khỏi phải chờ đợi. Anh hãy làm tạm ít lâu, rồi sau sẽ liệu. Nếu có cơ hội nhất định tôi sẽ tìm anh ngay.

— Cảm ơn anh, anh thực đã hết lòng với tôi !

Chung tỏ vẻ cau kính:

— Sao anh lại nói thế ? Bạn bè giúp đỡ nhau có gì mà đáng kể.

Thức ăn đã bụng lên. Vợ chồng Tấn đã có đôi chút hy vọng về công việc làm ăn. Cái hy vọng ấy tuy bé nhỏ, nhưng ít nhất cũng đủ cung cấp trong lúc này, nên họ rất cao hứng, ba người ăn ăn nói nói, vui vẻ vô cùng...

(Còn nữa)

ĐỈNH CHÍNH

Tân Phong Tập 18, trang bài ĐỈNH GIÓ HÚ, trang 33 cột 2, giòng 11 đã in : « Lan đây. Em đã tìm về nhà... » Xin đọc giả vui lòng sửa lại là : « Liên đây. Em đã tìm nhà... » Thành thực cáo lỗi cùng bạn đọc.

T.P.



thêm
hoang

TRUYỆN DÀI CỦA NHẬT - TIẾN
CHƯƠNG IV
(tiếp theo)

Ngoan ngồi ở đầu hè, mình khua trong bóng tối. Không khí oi nồng của những ngày nức mưa làm nó thao thức không ngủ. U Tám chưa rút hẳn cơn sốt vẫn nằm thiêm-thiếp trên phản từ chập tối. Thắng Ích đi hát về thấy lục lọi nồi cơm nguội một lúc ở dưới bếp rồi cũng im tiếng luôn. Căn nhà trống trải và buồn hiu. Ngọn đèn hoa-kỳ đặt trên bàn gỗ cũng lụi tắt từ lâu. Bóng tối âm-thầm bùng tràn vện lấy đồ vật trong nhà. Ngoan lần ra ngồi một mình ở đầu hè. Những mái nhà nhấp nhô phía đằng trước

in bóng mờ mờ trên nền trời lưa thưa sao. Xa xa thỉnh thoảng có tiếng còi xe vọng về xen lẫn tiếng chó sủa vu vơ. Ngoan nghĩ đến sự vắng mặt hàng đêm của dương Tám và khuôn mặt khắc khổ của u Tám. Điều ấy khiến nó thấy chán-nản tất cả mọi người. Ngoan muốn rời khỏi cái không khí nặng trĩu ở trong nhà để đi làm. Đã nhiều lần có người rủ rê nó bỏ nghề bán đồng nát. Người ta làm nó háo-hức nghĩ đến đời sống ở những nhà trên phố :

— Mày ngu như chó ấy. Đi bán

cái này thì được bao nhiêu. Rồi nằng nôi nó làm da đen thui thui. Sau này lớn có chó nó lấy. Theo tao đi! Tao chỉ chỗ cho mà làm, vừa được ăn trắng mặc trơn, vừa không vất vả, mấy năm nữa về lại không ối vàng ra mà đeo áy à.

Mặt Ngoan đỏ lên vì sung sướng. Lòng nó hồi hộp y như nó đã đạt được tới mức thành công rực rỡ ấy rồi. Nhưng nghĩ đến u nó, đến vợ nó, Ngoan lại thấy buồn hiu. Chẳng bao giờ vợ Tám cho nó ra khỏi nhà. Tiếng thế, nhưng một ngày nó cũng kiếm được rằm chục bạc. Nếu nó đi rồi thì tiền nong chẳng chắc vào đâu được. Vì vậy tuy thích nhưng Ngoan chưa dám nói ra với u, với vợ. Chỉ thỉnh thoảng lúc rỗi nó ngồi mơ tưởng đến cuộc sống mà nó cho là tươi đẹp hơn bây giờ nhiều. Ngoan nghĩ đến những buổi chiều mới lên đèn trong thành phố, ánh sáng của những ngọn đèn trong các cửa hiệu rực rỡ chiếu ra muôn ngàn màu sắc. Không khí ở đây tưng bừng và náo nhiệt từ sáng đến đêm. Chỗ nào cũng đông, chỗ nào cũng vui, cũng ồn ào, chói lọi, nếu so với cái khung cảnh tối tăm, chật hẹp ở trong nhà này thì khác xa một trời một vực. Ngoan cũng mơ ước được đắm lên những sàn đá hoa, mát lạnh. Chưa bao giờ Ngoan được vặn một cái nút đèn hoặc được mở máy nước. Nó tưởng tượng chỉ cần xoay vài vòng cái khóa bằng đồng sáng loáng là có một dòng nước ọt ạt chảy ra thì thật là thú vị. Nước máy ấy uống vào chắc ngọt gấp mấy những thùng nước Ngoan quây ở giếng về. Rồi những tầng gác cao có cửa sổ trông xuống mặt đường cũng hấp dẫn Ngoan một cách kỳ lạ. Ngoan không biết cái cảm giác đứng ở trên cao mà

nhìn xuống dưới thấp thì sẽ ra làm sao. Chưa bao giờ Ngoan được lên một cái gác nào cả. Chỉ có một lần nó leo được gần hết các bậc cầu thang. Hôm ấy bà chủ nhà lên gác lấy tiền trả. Bà ấy đứng ở trên vẫy nó. Nó hồi hộp bước rất nhẹ lên những bậc làm bằng si-măng lát đá trắng. Tay nó vịn vào cái chắn bằng gỗ bóng. Ngoan có cảm tưởng mình đang đi trong một thế giới khác, đầy sang trọng và phú quý, và nó chỉ là một vật nhỏ bé, nhỏ bé hơn cả những đồ vật bày biện ở chung quanh. Lần ấy ra về Ngoan nhớ mãi. Nó khoe với thằng Ích, và lại nói với Ích về sự ao ước được đi làm của nó. Nhưng lần nào Ích cũng gạt đi. Ích chưa bao giờ tưởng tượng đến sự em nó bỏ nhà lên phố, nó cho rằng sự ấy chẳng bao giờ có được. Tuy vậy đối với Ngoan thì ý tưởng đi làm thuê vẫn ngấm ngấm ở trong bụng. Ngoan đã vẽ sẵn ra trong tưởng tượng những ngày mà nó mơ ước. Ngày ấy nó sẽ đến xin làm cho một nhà giàu có. Nó sẽ làm hết sức chăm chỉ và chịu khó để được nhà chủ yêu quý. Tiền lương nó sẽ để dành, một vài năm khá khá nó sẽ đón mẹ và anh lên thuê nhà ở trên phố. Còn vợ Tám thì mặc kệ với căn nhà tối như hũ nút của vợ. Ba mẹ con sẽ sống xa người đàn ông độc ác và hung dữ ấy. Cuộc sống về sau sẽ lại vui vẻ và sung sướng như ngày trước giống lời thằng Ích kể. Tuy chưa thực hiện nhưng cứ nghĩ đến, Ngoan đã thấy khoan khoái rồi. Một lần Ngoan đem ý định ấy ra hỏi bác Nhan. Bác ấy ngấm từ đầu đến chân nó rồi nói:

— Mày bé quá, đi làm ai thuê!

Ngoan cãi lại:

— Có chứ! Cháu thôi cơm được,

trông em được. Mà cũng đã có người mách cho cháu rồi.

Bác ấy chép miệng :

— Thôi, ở nhà với u mày. Dượng mày thế, mà mày còn bỏ đi thì u mày đến héo ra mất.

Lời nói của bác làm Ngoan cụt hứng. Tuy không bằng lòng nhưng Ngoan thấy bác nói phải. Bác gọi cho nó những ý nghĩ về u Tám. Nếu nó đi rồi thì u sẽ buồn lắm. Rồi những lần dượng túm tóc đánh u, chửi u sẽ chẳng còn ai thương xót cho u nữa. Ngoan nghĩ nếu mình sung sướng ở trong cái khổ của u thì nó không thích. Cũng vì vậy Ngoan lại muốn bỏ ý định của mình. Nhưng nghĩ đến ngày này qua tháng khác, luôn luôn phải sống trong căn nhà tối tăm, chật hẹp, đầy tiếng chửi rủa và tiếng đánh đập Ngoan lại buồn. Điều ấy làm Ngoan tủi thân. Nước mắt nó đọng vòng quanh mí và chảy xuống má. Nó nguyên rủa thăm dượng Tám, thương u Tám, và thương mình.

Sự suy nghĩ về cuộc sống làm Ngoan trở nên ít nói và có vẻ khôn ngoan trước tuổi. Ngoan rất ghét những đứa cùng tuổi lê-là chạy nhảy khắp đầu đường cuối ngõ. Những lần gánh hàng đi qua đám đánh đáo, đánh bài cào, Ngoan bao giờ cũng đi thẳng. Trong xóm, Ngoan chỉ chơi độc nhất với cái Hòn, con bác Nhan mà thôi. Hòn tuy gian vật, tham lam nhưng tính tình lại vui vẻ, dễ thương. Nó hay bỏ nhà sang giúp u Tám nhặt sạn ở trong các nia đồ làm tương. Tuy đồng tuổi với Ngoan nhưng nó lại còn bé lắt choắt hơn nữa. Suốt đời nó bận một cái quần trẻ xuống để hở cái bụng và cái rốn đen thui thối. Áo cánh của nó thì rách cả ở lưng lẫn ở vai, hầu như chỉ còn là

mấy vạt vải mốc thối khoác lên cái mình bé nhỏ của nó. Đến cái Hòn thì trông lại thảm hại hơn. Nó ngủ suốt ngày ở trên lưng chị. Đầu nó nham nhở những mụn và nốt, đi đến đâu là nhặng theo đến đấy, Những con nhặng xanh biếc, vừa to, vừa dai dẳng bám riết lấy những mảng tóc đã đóng tróc lại vì mủ lở loét. Con bé tuy không có quần nhưng cũng có áo. Cái áo ngắn cũn cỡn chỉ đủ che có phần nửa trên của cái ngực. Mình nó gầy nhom, bụng ồng ra, làn da sạm ngăm ngất nhều nhều cũng đầy nốt ghẻ lở.

Hàng ngày, nó nằm ép mặt lên lưng chị. Đầu nó lắc lư theo bước đi, cổ ngoẹo hẳn sang một phía. Tuy nhẹ cân, nhưng nó cũng làm cái Hòn phải còng lưng xuống mới đỡ nổi. Hay chị em hay lang thang ở ngoài đầu ngõ, chán rồi thì về ngồi chơi tha thần ở hè nhà Ngoan và sẵn sàng nghe theo lời sai bảo của Ích. Ích đối với nó rất chịch thượng. Nó sai con bé đủ điều, và Hòn ngoan ngoãn làm theo như chính là bổn phận của nó. Một đôi khi Ích cũng thấy thương hại, nó chạy vào lục chạn xâu cho Hòn một miếng đậu phụ kho tương. Ích dẫu tay ra dẳng sau rồi nói :

— Mày nhắm mắt lại !

Hòn nhắm mắt, và toét miệng cười :

— Cái gì thế.

— Há ra rồi biết.

Mồm cái Hòn mở rộng, nước bọt của nó ứ đầy trong cổ họng. Ích ấn cái cằm vào mồm nó rồi nói :

— Khoái không.

Miếng đậu làm cái Hòn lúng búng không nói được, nhưng cảm giác ngọt ngào của món ăn lạ miệng làm mắt nó mở to hơn.

Nó gật lấy gật để cái đầu tỏ ý cảm ơn và sung sướng. Làm xong công việc, Ích lại thấy thích quí Hòn hơn trước. Chờ cho con bé nuốt hết, Ích mới hỏi :

— Mày khoái kẹo không ?
Mồm Hòn lại tròn ra, nó đáp :
— Kẹo thì sướng nhất rồi.
— Để đến tối tao mua dành cho.
(Còn nữa)

BÁO CHÍ PHÊ BÌNH

« NHỮNG NGƯỜI ÁO TRẮNG » của NHẬT-TIẾN

- ★ *Cái văn-thái ấy của NHẬT-TIẾN là sự giản dị, sự không cố ý làm văn chương. Nó là yếu tố căn bản của thể bút ký, đã bộc lộ rõ rệt con người của tác giả, một con người có tình cảm, có cuộc sống nội tâm mãnh liệt, dám sống chân thành cho mình trong khi thông cảm với cuộc sống của người...*

(LÊ-VĂN-SIÊU, Nhật báo Cách Mạng Quốc Gia)

- ★ *Với những nhà văn biết nhận xét, ở đâu mà chả có văn đề. Chẳng cần phải có những tình tiết éo le, phải có « câu chuyện » người ta vẫn có thể xây dựng được một cuốn tiểu thuyết có giá trị.*

(HY-HOÀNG, Nhật báo Tự Do)

- ★ *NHẬT-TIẾN có cái tự nhiên của một con người giữ vững được thể quân bình và ý thức được giá trị nhiệm vụ mình trong khi cầm bút.*

(CÔ PHƯƠNG-THẢO, Tạp chí Bách Khoa)

- ★ *Truyện không có tình tiết éo le. Song với kỹ thuật vững chắc, một bút pháp dung dị nhưng chân thành và gợi cảm, NHỮNG NGƯỜI ÁO TRẮNG có thể được coi là một cuốn tiểu thuyết hay.*

(TIN SÁCH thông giềng — 1960)

- ★ *Đây là một đề tài mới lạ và có tính cách vĩnh-cửu mà những nhà văn Việt-Nam chưa một ai khai thác. Tuy là tác-phẩm đầu tay, NHỮNG NGƯỜI ÁO TRẮNG đã đem lại cho NHẬT-TIẾN một sự thành công khá vẻ vang...*

(Đài Vô-Tuyến Việt-Nam)

ĐÃ RA :

NHỮNG VÌ SAO LẠC

TRUYỆN DÀI CỦA NHẬT-TIẾN

PHƯƠNG-GIANG XUẤT BẢN, — LƯU TRỮ TẠI NAM-CƯỜNG

QUÁN ANH VŨ và CON ĐƯỜNG CÁ QUAN

Bài của ĐÀO-SĨ-CHU

Đêm thứ sáu 15-4-1960 vừa qua, Quán Anh-Vũ đã được dùng làm khung-cảnh cho một Đại-Hội Ca-Vũ-Nhạc do Văn-Hóa Vụ Bộ Thông-Tin tổ-chức. Ông Bộ-Trưởng Bộ Thông-Tin Trần-Chánh-Thành đã đến chủ-tọa. Ông Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc-Phòng Trần-Trung-Dung, cùng với một số đồng các công-chức cao-cấp và nhân-sĩ các giới, cũng đã đến góp mặt, để tăng thêm vẻ long-trọng của buổi dạ-hội đặc-biệt. Số giấy mời có lẽ nhiều hơn gấp bội lần số ghế ngồi, nên nhiều quý-khách ngoại-quốc đã phải ra về với vẻ mặt hối-tiếc và buồn-thiu.

Bỗng nhiên người ta nghe thấy tiếng kèn tiếng trống kêu như rất gân. Nhất là tiếng trống liên-hồi của mọi Da-Đỏ. Đó là một bản Khâi-Tấu-Nhạc cận-dại rất nóng

và rất Mỹ, dùng để mở-màn khai-mạc cho cái đêm văn-nghệ hào-hứng này, trong đó cái « Đỉnh » then-chốt sẽ là cuộc trình-diễn bản Trường-Ca Con Đường Cái Quan. Ông Võ-Đức-Diên, chủ-quán đã mạnh-dạn bước lên đài, trình-trọng đọc một bài diễn văn. Nhiều người ngồi xa không nghe rõ ông đã nói gì. Chắc hẳn là ông đã tuyên-bố lý-do buổi họp, cảm ơn quý khách và giới thiệu tác-giả với thính-giả. Nói xong ông lặng-lẽ đi vào, để nhường chỗ cho con « Người của Thời-Đại ». Nhạc-sĩ Phạm-Duy từ từ bước tới, cả rạp vỗ tay vang dậy. Thế là anh chưa kịp trình-diễn bản Trường-Ca của anh mà anh đã được bà con chúng bạn nhiệt-liệt ủng-hộ anh. Người có thiên-tài vẫn thường được thiên-hạ dành cho những phần-thưởng tinh-thần quý-

giá ấy. Kề ra cũng là xứng đáng. Phạm-Duy có vẻ cảm-động, nhưng anh chần-tĩnh được ngay. Anh chỉ còn biết nhả - nhặn cúi đầu chào đáp lại tấm thịnh tình của đồng-bào Thủ-Đô. Lúc đó trên bộ mặt hơi gầy và đượm buồn của anh đã thoáng lộ ra một vẻ hân-hoan kín đáo, nó cũng không thể nào dấu nổi hết những vết răn trên trán và những mớ tóc hoarâm sớm mọc của anh. Sau mấy lời cảm ơn rất đàng - hoàng và thân-mật, anh vội nhập đề và bắt đầu trình-diễn bản Trường-Ca.

Anh nói: bản Trường - Ca Con Đường Cái Quan sẽ đưa ra một lũ-khách đi trên đường xuyên Việt; đi từ Ai Nam-Quan tới mũi Cà-Mâu; đi từ ngày mới lập-quốc cho đến khi hoàn-thành xứ-sở; đi trong lịch-sử và lòng dân, tới đâu cũng có tiếng dân-chúng địa-phương ca hát chúc-tụng 'ữ-khách; đi nổi liền được lòng người và đất - nước. Bản Trường - Ca Con Đường Cái Quan gồm có ba phần:

— Phần thứ nhất: « Từ Miền Bắc » mang tính chất hào-hùng của miền quê cha đất tổ;

— Phần thứ hai: « Qua miền Trung » với tình thương-yêu chan-chứa niềm xót xa;

— Phần thứ ba: « Vào Miền Nam » tỏ sự vui mừng của con người cả thắng thiên-nhiên đề hoàn-thành nước Việt.

Bản Trường-Ca Con Đường Cái Quan là một sự Liên - hợp của nhiều đoàn-ca mang những tên riêng biệt và có thể trình-bày lẻ loi. Toàn bài còn là một nhạc cảnh, trình-diễn với đầy đủ nhân vật mang sắc phục của ba miền. »

Thế rồi cuộc diễn-tấu bắt đầu với tiếng hát vu vơ của một cô

thôn-nữ miền Bắc, do cô Thái-Hằng thủ-vai và trình-diễn. Bản Trường-Ca đã được chia ra làm 19 đoàn-ca rõ ràng. Đoàn-ca số một là một bản hát Ví, lấy tên là Anh Đi Trên Đường Cái Quan. Với một giọng hát dịu và ấm của một đệ-nhị kim-nữ (second soprano) Thái-Hằng đã lột được hết tinh-thần của bản ca và đã đưa hồn ta phiêu-diêu trên quê cha đất tổ. Cô vừa rút lời thì nhạc-sĩ Phạm-Duy lại giải-nghĩa tiếp theo đoàn-ca thứ nhì. Rồi 19 đoàn ca cứ tuần-tự được trình-diễn cho đến hết theo đúng một đường lối như trên, nghĩa là mỗi đoàn-ca sẽ được diễn-tấu sau khi có sự diễn-nghĩa của tác-giả. Rồi qua những giọng hát đệ-nhất kim-nữ (Soprano) của Ngọc-Cầm, đệ-nhị kim-nữ (second soprano) của Thái-Hằng, trầm-nữ (contralto) của hai cô Bằng-Tâm và Tuyết-Hằng, đệ-nhất kim - nam (premier ténor) của Nguyễn-hữu-Thiết, đệ - nhất trầm-nam (seconde basse ou basse-taille) của Hồng-Phúc; chúng ta đã được thưởng-thức và say mê trong những điệu hát đầy dân-tộc tính mà tác - giả đã chuyển-âm (transposer) hay biến-thông (adapter) vào tân-nhạc một cách khéo léo tài-tình. Mỗi đoàn-ca đã được công-chúng khen ngợi bằng một tràng pháo tay. Bạn Phạm-Duy, lúc đó đã trở nên một nhạc-trưởng (chef d'orchestre) vì anh phải đánh nhịp để điều khiển anh chị em đồng-đội, chỉ biết gật đầu cảm ơn, đến mỗi cả cở. Khi tiếng hát kết-thúc của bản Trường-Ca vừa dứt, thì sóng vỗ-tay nổi dậy ầm ầm, rất lâu, để chứng nhận một sự thành-công sáng-tác trong giới Tân-Nhạc.

Phần Nhận-Xét và Suy-luận:

Chúng tôi đã cần-thận đọc cả

bản nhạc, chúng tôi đã chăm chú lắng tai nghe ca-hát từ câu đầu đến câu cuối. Chúng tôi lấy làm hài lòng về công việc sáng-tác của anh bạn già mà chúng tôi đã may mắn, được nhiều dịp gặp gỡ và quen biết trong thời kháng-chiến ở trên chiến-khu Việt-Bắc. Những cái khoái-cảm của chúng tôi chưa được hoàn-toàn. Nên chúng tôi xin anh bạn Phạm-Duy cho chúng tôi phép bộc-lộ những thắc-mắc của đáy lòng, để các bạn nhạc-sĩ trong giới Tân-Nhạc cùng chúng tôi vui vẻ suy-luận cho kiến-thức thêm phần bồi-bổ. Những thắc mắc không quan-trọng của chúng tôi, hiện đang nằm ở những điểm sau đây :

Đại-Cương : Trong Tân-Nhạc hiện-thời chúng ta đã quen dùng ký-âm-pháp (notation), xướng-nhạc-pháp (solfège) quốc-tế (universels) để viết, để đọc và để soạn nhạc. Vậy trên những bản nhạc mà chúng ta đã soạn, nhất nhất chúng ta đều áp dụng tất cả những chi-tiết của luật pháp âm-nhạc quốc-tế vừa duy-nhất và vừa dẫn-dị. Một bản nhạc do một nhạc-sĩ Việt-Nam chân-chính soạn-thảo sẽ được tất cả các nhạc-sĩ trên thế-giới hiểu thấu và thưởng-thức triệt-đề, và trái lại, chúng ta sẽ hiểu thấu và thưởng-thức triệt-đề bất cứ một bản nhạc nào do một nhạc-sĩ ngoại-quốc soạn thảo theo đúng ký-âm-pháp quốc-tế. Vậy chúng ta không nên viết trong bản nhạc những danh-từ hay dấu-hiệu về âm-nhạc mà tổ-chức-văn-hóa quốc-tế không chính-thức công-nhận. Sự thống-nhất của ký-âm-pháp quốc-tế là một tiện-nghi cho sự trao đổi văn-hóa giữa các quốc-gia trên hoàn-cầu. Chúng ta sẽ không vì lòng vị-kỷ hay lòng tự-tôn vì tính hiếu-kỷ lập-dị hay vì chủ-nghĩa

bài-ngoại vô lý mà cố-y bịa đặt ra những danh-từ hay dấu-hiệu mà chính ta cũng tự-nhận rằng không đúng, không rõ-ràng, không dẫn-dị, không thống-nhất và không thực-tế cho chính riêng chúng ta. Ở đây, chúng tôi muốn nói ngay đến chữ *Vừa* viết ở đầu khuông (portée) nhất của đoản-ca số 9 của trường-ca Con Đường Cái Quan. Thật ra chữ *Vừa* này có dụng ý-nghĩa tiết-tấu (mouvement) của đoản-ca số 9 không ?

Vừa ở đây là *Vừa* thế nào ? Chậm vừa, nhanh vừa hay vừa vừa ? Với nốt Đen (Noir = 112) thì chắc hẳn là Nhanh-Vừa (Allegretto-Moderato). Chúng ta không tài nào dịch đúng hết các danh-từ la-tinh trong âm-nhạc quốc-tế, ví-dụ như danh-từ về trình-độ của âm-điệu (nuances) hay danh-từ của đặc-tính âm-nhạc (caractère) v.v.v. Nếu chúng ta dùng có một chữ quốc-ngữ « *Vừa* » cùng với mười chữ la-tinh như Forte, Crescendo, Mezzo Forte, Dolce, Ritardando, thì e rằng lộn-lạc, đầu Ngô mình Sở, nửa Âu nửa Á lời thôi quá. Từ đây trở đi, chúng tôi mong mỗi các anh chị em nhạc-sĩ Việt-Nam sẽ hưởng-ứng lời chân-thành cầu-khẩn của chúng tôi để triệt-đề áp-dụng một ký-âm-pháp quốc-tế duy-nhất.

Thề-Nhạc

Chúng tôi cứ tự hỏi mãi xem cái danh-từ Trường-Ca có đúng với thề-nhạc của Con Đường Cái Quan không ? Trường-Ca nghĩa là một bài ca dài. Vậy thế nào là dài ? Dài bằng bao nhiêu nhịp Hai-Bốn (hai phách), nhịp Ba-Bốn (ba phách) hay nhịp Bốn-Bốn (bốn phách) ? Dài đây có phải là dài tương-đối không ? Như vậy thì bản ca số 18 « *Giã Õn Cái Cối Cái Chầy và Về Miền Nam* » dài 152 phách (Đen) có thể coi như

một bản trường-ca được không, tương đối với bản ca số 3 « Đồng Đăng Có Phố Kỳ Lừa » nó chỉ dài có 10 phách (Đen) thôi. Theo như sự hiểu biết của giáo-sư cổ-nhạc Việt-Nam Nguyễn-Hữu-Ba thì Việt-Nhạc không có những bài trường-ca, nhưng có những bài ca cổ-diễn như Lưu-Thủy, Hành-Vân, Kim-Tiền Tử-Đại-Cảnh vân vân, bài nọ được diễn-tấu liên-tiếp sang bài kia ba bốn bài một lúc rồi trở lại và tùy ý ngừng lúc nào chán tay hay chán tai thì thôi. Còn theo Âu-nhạc thì những bản ca dài có nhiều loại như Tình-Ca (Madrigeal) Khai-Tấu-Khúc (Overture), Đạo-Tấu-Khúc (Prélude) Liên-Tấu-Khúc (Suite Instrumentale), Liên - Ca - Khúc (Suite Vocale), Hợp-Tấu-Khúc (Sonate), Hòa-Tấu-Khúc (Symphonie), Thi-Nhạc-Khúc (Poème symphonique) vân vân. Bản ca dài Con Đường Cái Quan, tuy được chia cắt ra làm 19 đoạn, có lẽ nên được coi như một Liên-Ca-Khúc Tự-Do (Suite Vocale libre) chứ không như một liên-khúc ca cổ-diễn (suite vocale classique). Nó cũng không nên được liệt vào loại Ca - khúc - Tập (Recueil des Chants) mà chúng ta đã được nghe diễn - tấu nhiều lần ở rạp Thống-Nhất. Bản Trường Ca của Phạm Duy, tuy là một sự liên-hợp của 19 đoản-ca, vẫn giữ một âm-giai thống-nhất trong toàn thể nhạc-khúc, mà người ta đã nhận thấy rõ ràng ở đoạn khởi đầu La Thứ (La Mineur) và ở đoạn kết-thức La Trưởng (La Majeur). Đường nhạc (ligne mélodique) của Phạm-Duy đi rất đúng mực, vì nó theo một hướng thuận từ La Thứ đến La Trưởng sau khi qua nhiều biến-diệu của 17 đoản-ca với 6 âm-giai khác nhau như Do Trưởng, La Trưởng, La Thứ Ré Trưởng, Ré Thứ, và Sol Trưởng.

Viết đúng theo đường hướng của bản trường-ca Phạm Duy đã tỏ ra một nhạc-sĩ lão-thành. Thật ra, anh muốn viết từ âm-giai trưởng đến âm giai trưởng của cùng một nốt cũng được, nhưng anh không thể viết từ âm giai trưởng đến âm-giai thứ của cùng một nốt được vì rất nghịch hướng.

Nhịp Tự-Do và Âm-Giai Tự-Do

Ở trên đầu khuông nhất của đoản-ca số 1 và ở trên đầu khuông nhất của đoản-ca số 13, có thấy đề chữ Nhịp Tự-Do. Thật ra, theo chữ la-tinh thì Ad Libitum (A volonté) nghĩa là ở trong những ô nhịp của bản đoản-ca người ta được tự-do viết hai phách, ba phách, bốn phách hay năm phách (đen) tùy ý. Còn về việc áp-dụng âm-giai tự-do (tonalité libre) thì ở ngay trên đầu khuông nhất của mỗi bản ca số 1 và số 13, người ta không bắt buộc phải viết rõ bộ-khóa (armure de clé) để chỉ rõ một âm-giai nhất định nào, theo đúng như âm-luật cổ-diễn (tonalisation classique) hoặc theo đúng như âm-giai-pháp nhất định (système tonal défini). Tuy ở hai đoản-ca số 1 và 13, không thấy viết nhịp nhất định và bộ khóa rõ ràng, người ta cũng nhận biết rằng âm-giai của đoản-ca 1 là LA thứ vì rằng trong các khuông không thấy có DO Thăng, hay FA thăng hay Sol thăng. Hiện giờ, những nhạc-sĩ cận-đại (modernes) như Debussy, Ravel, Stravinsky và César Franck, cũng hay dùng lối viết nhạc tự-do, nghĩa là không viết bộ-khóa rõ ràng và không có âm-giai nhất định. Có khi họ cũng dùng những âm-giai Á-Đông thường gọi là âm-giai ngũ-cung (Pentatonique) trong đó năm nốt Á-Đông - Hồ, Sù, Sang, Sê, Cống của Việt

Nam sẽ tương đương, với Do, Ré Fa, Sol, La. Thường thường thì họ hay dùng âm-giai tự-do mỗi khi họ muốn viết một hài-âm giảm (accord diminué) nó gây ra một âm-điệu bất-hòa (dissonance) ví dụ như Mi, Sol dièze, Ré, Fa dièze, Si, Ré, chẳng hạn. Vì có sự tự-do trong âm-luật, nên chúng ta lại thấy Phạm-Duy áp dụng một biến-điệu (variation de tons) trong hai đoản-ca số 2 và số 14. Ở đoản-ca số 2 (Tôi Đi Từ, Ai Nam Quan) tác-giả đã áp-dụng âm-giai La thứ (La mineur) từ ô-nhịp 1 đến ô-nhịp 24, rồi âm-giai La Trưởng từ ô-nhịp 25 đến ô-nhịp 32 vì ở đây có DO thăng và cả FA thăng. Ở đoản-ca số 14 cũng vậy, (Nhờ gió đưa về) tác-giả đã áp-dụng âm-giai La Thứ (La mineur) từ ô-nhịp 1 đến ô-nhịp 20 rồi lại áp-dụng LA Trưởng (LA majeur) từ ô-nhịp 22 đến ô-nhịp 32 vì rằng ở quãng dưới bản đàn đã thấy có Fa thăng, Do thăng và Sol thăng. Trong hai đoản-ca số 2 và số 14 tác-giả đã áp dụng một cách đứng đắn cái hướng-nhạc (sens mélodique) nó đã đi từ La mineur sang LA majeur đem cho bản ca một cảm-giác sáng-tươi.

Dân-Tộc Tinh

Nhạc-sĩ Phạm-Duy đã khéo mượn những giọng ca dân-tộc ở những bài ca Việt-Nam, như Hát Ví, Hát-Ru, Hát-lượn, Tinh-Ca, Hát-Lý, Hò trên sông, Hò ơ, vân vân để thích-dụng vào những nhạc-cú Tân-Nhạc. Sự biến-thông (adaptation) rất là khéo léo và công phu. Nhiều nhạc-cú đã được viết một cách tài tình để người ta tưởng rằng có một sự hoàn cốt đoạt-thai nào đó. Nhưng ở đoản-ca số 16, trong ô-nhịp 14 có hai nốt Sol và SOL dièze, nó đã gây lên một Ban-Âm-giai Lên (chromatisme ascendant) và như vậy nó

đã phá-hoại mất hết cái dân-tộc tinh.

Các Dấu Hóa : Thăng (dièze), Giáng (bémol), và Bình (bécarre).

Ở ô-nhịp 20 trong đoản-ca số 14 người ta lấy làm lạ rằng sao tác-giả lại viết ba dấu Thăng ở giữa ô-nhịp đó. Có lẽ là một sự vô-ý chẳng? Ở cuối đoản-ca số 6 và sau ô-nhịp 32 có đề một dấu Sol Bình (bécarre) nó không có lý do tồn tại ở đó, vì rằng ở trong khúc ca không có một nốt Sol Thăng nào (Sol dièze), vậy sự viết dấu Bình đó là sai và vô lý. Trái lại ở sau ô-nhịp 48 của đoản-ca số 9, có một dấu Bình ở Do viết rất đúng chỗ, vì rằng ở trong khúc-ca có Do Thăng (Do dièze). Ở sau ô-nhịp 32 của đoản ca số 14 cũng vậy, dấu Bình ở Sol đã được viết rất đúng chỗ vì ở trong khúc-ca đã có Sol Thăng (Sol dièze).

Lối Diễn-Tấu :

Trong sự diễn-tấu một bản Trường-Ca không nên cho hát cắt quãng từng đoạn ngắn (đoản-ca) để lấy cơ nghỉ ngơi, kể chuyện hay giải nghĩa (anecdotes) nó làm cụt hứng cho cả người hát lẫn người nghe, và nó làm mất cả cái cảm-giác lưu-hoạt và liên-tục rất cần-thiết của một ca-khúc hay liên-ca-khúc. Bản Trường-ca nên được diễn-tấu một hơi và chỉ ngừng chút ít ở chỗ cuối những phần chính (parties principales) hay ở thêm vài chỗ khác nữa, chỉ vì có sự biến-điệu, biến thể hay biến-tiết bắt buộc của những đoản-ca kế-tiếp. Ở những khúc đồng-ca (choeur) tác-giả cần phải viết rõ ít nhất bốn bè cho bốn giọng kim-nữ, kim-nam, trầm-nữ, trầm-nam (Soprano, Contralto, ténor, basse) rất cốt-yếu của bốn giọng

ca chính (quatuor vocal). Bản trường-ca của Phạm-Duy lại còn có thể diễn-tấu như một bản hợp ca dài (choral) có từ 4 đến 16 bè (voix) chia ra làm bốn nhóm hỗn hợp (groupes mixtes) hai nam hai nữ, — Ở những khúc độc-tấu (solo) chỉ một giọng nam hay nữ hát cực lớn, còn những giọng khác sẽ hát rất nhỏ như hát đệm (accompagnement en sourdine).

Những âm-giai mập-mờ.

Ở đoạn-ca số 8, nốt La kết-thức (note terminale) không thấy sắc-nhận âm-giai của ca-khúc, nó lại là Ré Trưởng (Ré majeur) theo đúng như bộ-khóa ở trên. Vì rằng ở ô-nhịp 18, nốt La kết-thức muốn sắc-nhận Ré Trưởng của âm-giai, có lẽ tác giả nên viết Sol dièze Si, La (terminale) chứ không phải Mi, Si, La (terminale). Hai nốt Sol dièze Si sẽ hợp với Ré để hóa ra một hài-âm hoàn-toàn ba cung (accord parfait de 3 sons) SOL-SI-RÉ. (Sol dièze Si Ré). Nốt LA kết-thức cần phải là LA Trưởng mới hợp với RÉ và FA dièze để trở thành một hài-âm hoàn-toàn ba cung (accord parfait de 3 sons) RÉ — FA dièze-LA.

Ở ô-nhịp 24 của đoạn-ca số 11, nốt RÉ kết - thức lại nằm trong một ca-khúc có DO Bình (Do bé-carre); vậy nếu nó chiếu với SOL, ở nhạc-cú tiếp-cận trên, được coi như một nốt Quán-âm (Dominante) thì âm-giai của đoạn-ca sẽ thấy mập-mờ không rõ. Âm-giai đó sẽ không phải là RÉ Thứ (Ré mineur) vì trong ca - khúc không có SI Giáng (Si bémol) và nó cũng sẽ không phải là RÉ Trưởng (Ré majeur) vì ở quãng nhạc trên không có DO Thăng (Do dièze). Cho nên nó rất mập-mờ.

Những nốt Dặm (Appoggiature)

Muốn viết nốt Dặm thì theo thường lệ phải viết nốt Dặm nhỏ trước rồi mới viết đến nốt Chính (principale), chứ không bao giờ lại viết ngược, chính trước dặm sau. Ở đoạn-ca số 8, trong ô-nhịp 3, nốt Dặm (nhỏ) là SI và nốt chính là RÉ thì đúng rồi, nhưng tác-giả lại viết nốt RÉ đen hai chấm (Ré — noir doublement pointé) như một nốt dặm rồi mới đến nốt chính là MI (móc). Chúng tôi lấy làm khó hiểu quá, xin tác-giả giải nghĩa dùm. Quá lắm thì người ta cũng còn có thể dùng một nốt MI (móc ba) làm nốt Dặm cho nốt MI (móc kép) ở trong ô-nhịp 3. Trong ô-nhịp 13 thì nốt Dặm-Kép LA-SI (móc kép) đứng trước nốt chính RÉ (đen hai-chấm) rất chính. Nhưng khi lấy RÉ (đen hai-chấm) để làm nốt dặm cho MI (móc) thì nhất định là khó hiểu vô cùng.

Đánh Chiên-Âm (le trille)

Muốn đánh chiên âm một nốt thì phải viết một chữ tr ở đầu nốt đó và có thể vẽ thêm một vạch quắn quèo phụ con rắn liền và sau chữ tr. Trong sự đánh chiên-âm có ba việc. Một là sửa soạn, hai là đánh chiên-âm, ba là kết-liệu. Có ba lối sửa-soạn bằng cách dùng cho mỗi lối, một nốt ngang độ, một nốt cao độ, và một nốt thấp độ hơn độ của cái nốt bị đánh-chiên-âm. Nốt dùng để sửa soạn và nốt dùng để kết-liệu bao giờ cũng nhỏ hơn nốt bị đánh-chiên-âm. Thường thường, người ta viết dẫn dụ có một chữ tr lên trên nốt bị đánh-chiên-âm mà thôi, không cần vạch ngoằn-ngoèo. Ở những đoạn-ca số 6 và 8, những chỗ đánh chiên-âm, tác-giả quên không viết chữ tr; vậy các nhạc-sĩ không rõ đánh chiên-âm vào nốt nào cả.

Dấu Biểu-Cường (Nuances)

Những dấu Biểu - cường như Cresc (crescendo) là lớn dần dần, desces (descrescendo) là nhỏ dần dần, đều phải viết ở dưới khuông, bạn Phạm-Duy lại viết lên trên khuông, có lẽ là theo sở thích riêng của bạn chẳng ?

Cần có một Chương-Trình chọn lọc và thích-dáng

Người ta đã nhận thấy rằng buổi đại Dạ-Hội không được tổ-chức theo một chương-trình chọn lọc và thích - dáng. Sự trình-diễn bản Trường-ca Con Đường Cái Quan là điểm chính-yếu của cái đêm văn-nghệ đáng kỷ-niệm ấy. Tuy nhiên những màn phụ cần phải tổ-chức một cách khôn-khéo thế nào cho nó phù-hợp với cái màn chính. Thật là một sự sai lầm đáng tiếc nếu ban tổ-chức đã lãng quên phần phẩm mà chỉ chú-ý đến phần lượng. Chúng tôi không chống đối gì những vũ-khúc mambo rock, những trò cười tức bụng của quái-kiệt Trần-văn-Trạch, những điệu nhạc rất-gân và rất khích động tâm-thần, nhưng tất cả những thứ đó không ăn nhập gì với cái tinh thần nhẹ nhàng thơ mộng của bản Trường-Ca. Theo như thiên ý của chúng tôi thì một chương-trình xứng đáng cho buổi trình-diễn âm-nhạc chọn lọc đó nên có ba phần sau đây :

1) Trình-tấu những bản cổ-nhạc Việt-Nam do Giáo-sư Nguyễn-hữu-Ba điều khiển.

2) Trình diễn hồi-cổ những bản

nhạc và những bản ca của nhạc-sĩ Phạm-Duy.

3) Trình-diễn bản Trường-Ca của Phạm-Duy do chính tác-giả điều-khiển.

Như vậy chúng ta sẽ có một chương-trình đầy đủ và chọn lọc. Nó sẽ cho chúng ta sống trở lại với những âm-nhạc thuần túy Việt-Nam và với tất cả các tác-phẩm âm-nhạc của Phạm-Duy, để chúng ta suy-nghĩ và thưởng-thức tài nghệ của một người nghệ-sĩ cả đời đã lao-lung bôn-tẩu vì nghệ-thuật đề cao ngời những cái đẹp của quê hương đất nước.

Đề kết-luận bài này chúng tôi xin thành thật khen ngợi sự nỗ-lực làm việc của bạn Phạm-Duy. Hoạt-động sáng tác bao giờ cũng là một công việc khó khăn nhưng cao-qui đẹp để đáng khâm-phục. Công việc phê-bình và thưởng-thức rất nhân-hạ ai làm chẳng được. Đứng xa nhìn chơi thì thấy dễ, nhưng hãy thử tay vào việc mới biết rõ rằng ở đời không có một cái gì mà không phải trả giá bằng một sự hy-sinh đau-khổ của tâm-hồn hay thể-xác. Người nghệ-sĩ như Phạm-Duy luôn luôn sẵn sàng chờ đợi gánh vác những nỗi đau khổ bất công của Thế-Hệ, nó được anh coi như ngọn lửa hồng cần thiết để nung nấu tâm-hồn và chí nguyện trong công cuộc tạo tác những nghệ-phẩm Mỹ-Thuật.

ĐÀO-SĨ-CHU

GIẢI PHẪM MỚI

Tân Phong vừa nhận được giải phẩm ÁNH ĐÈN DẦU do hãng Standard-Vacuum oil Company gửi tặng.

Giai phẩm in rất đẹp, hai mặt bìa là hai họa phẩm Sơn dầu của họa sĩ Nguyễn-Trí-Minh và nữ họa sĩ Trương-thị-Thịnh. Nội dung trình bày nhiều vấn đề văn học, kinh tế và nghệ thuật do các cây bút hữu danh biên tập.

Tân Phong xin cảm ơn hãng Stanvac và ân cần giới thiệu với bạn đọc thân mến.

T. P.

NGHỆ-SĨ VỚI NGHỆ-THUẬT

CỔ NGHỆ-SĨ NGUYỄN-ĐÌNH-NGHỊ

VỚI ĐIỀU HÁT

CHÈO CẢI-LƯƠNG

của **VŨ-HUY-CHÂN**

(tiếp theo và hết)

« **Tiêu KÍNH-TÂM** : (cầm chổi ra lăm lét trông trước trông sau).

« **THỊ-MẪU** : (chạy ra nắm lấy chổi) Ấy chú !

« **Tiêu KÍNH-TÂM** : Mô Phật.

« **THỊ-MẪU** : Ô hay, Mô Phật đã lịch sự chưa, bắn cả nước bọt vào yếm người ta, lù lù một đồng đây này, có lấy tay mà lau đến tôi đi không ?

« **Tiêu KÍNH-TÂM** : Có đừng nói thế mà tội nghiệp.

« **THỊ-MẪU** : Tội gì, tội lợi xuống sông, đánh ba tiếng cồng, tội nổi tội lên...

« **Tiêu KÍNH-TÂM** : Thôi có buông ra cho tôi quét.

THỊ-MẪU : (ngâm) Nay tiểu ơi,
quét sao cho sạch trần duyên,
Mà tu chi cho vướng bận mầu
thuyền ai ơi.

Tuổi xanh vội chán đời chi đó,
Hắn anh hùng mặt lộ bán vì tăng,
Nhờ gió đưa duyên bén cát đằng,
Tiền thân nhi nữ giám hỏi rằng
là ai. (Tiêu Kính-Tâm bỏ vào)

Sao nỡ để cho hoa nài liễu ép,
Cánh cửa từ mở khép tùy duyên,
Mối hay cho được tuệ lửa phiền.

Càng vung càng cháy hơn đèn thế gian.

(Nói) *Này cứ ăn giàu đi, để tôi quét cho. (quay lại không thấy Tiểu Kính-Tâm liền rút chổi đi, hát sấp) Hơn cái thẹn này... Còn thẹn chi, hơn cái thẹn này.*

Tay cầm (thôi mà) cái chổi (này a) mặt ngay cán tàn. (vào nhanh)

Ông Nghị viết như thế, không ai giám chê rằng ông viết dở. Nhưng người biết hát chèo, hiểu hát chèo, không ai không nhớ những câu hát và những điệu bộ của Thị-Mầu trong vở hát cò. Người ta cũng biết rằng ông Nghị muốn đưa hát chèo đi theo hướng kịch-nghệ, nên cố ý bỏ những vũ điệu đi, nhưng người ta muốn rằng ông cứ dễ yên như cũ thì hơn, vì hát chèo là hát chèo, hát chèo không thể là kịch được. Như đoạn Thị-Mầu lên chùa :

« **THỊ-MẦU** : (mang vàng hương) *Chị em ơi ! Hôm nay là bao nhiêu rồi chị em nhỉ ?*

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường cùng nói vọng ra) *Hôm nay là mười tư, mai mười rằm.*

« **THỊ-MẦU** : (vía lảng) *Nay tư, mai đã lại rằm,*

Mà ai muốn ăn oản... (xòe quạt, cười, liếc) thì năng lên chùa. Chị em ạ.

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường) cùng **THỊ-MẦU** (đồng thanh hát cầm giá, riêng Thị-Mầu vừa múa, vừa hát) *A mà... nay tư ới a ý a... ới a... thì mai... đã... lại ới a thôi mà lại rằm,*

Thời ai... ới a... a ới a... muốn ăn... oản, thì năng... ới a... lên... ới a thôi mà lên chùa.

« **THỊ-MẦU** : (hỏi) *Chị em lên chùa có thấy gì vui không ?*

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường nói vọng ra) *Vui lắm Mầu ơi, có thấy Tiểu một tu đấy*

« **THỊ-MẦU** : (vía lảng) *Tôi lên chùa, thấy chú Tiểu mười ba,*

Mà sư ông mười bốn... (xòe quạt, cười, liếc mắt đưa tình)... vài già mười lăm... Chị em ạ.

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường) cùng **THỊ-MẦU** (đồng thanh hát cầm giá, riêng Thị-Mầu vừa múa, vừa hát) *A mà... tôi lên chùa... thời thấy... chú tiểu... mười... ới a thôi mà mười ba ;*

Sư ông... mà mười... bốn... chứ vài... già mười... ới a thôi mà mười lăm... Tôi muốn cho... bây giờ... mà tháng... cả đôi... ới a thôi mà đôi rằm.

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường nói vọng ra) *Gớm Mầu ơi, may lảng lơ lăm !*

« **THỊ-MẦU** : (vía lảng) *Lảng lơ cũng chẳng mình tôi...*

Mà Thanh - Lâm, đồng sớm... (cười, liếc) cũng đôi ba người, chị em ạ.

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường) cùng **THỊ-MẦU** (đồng thanh hát cầm giá, riêng Thị-Mầu vừa múa, vừa hát)... *A mà... lảng lơ cũng... chẳng mình... tôi Thanh-Lâm... mà đồng sớm... cũng đôi ba... ới a thôi mà ba người.*

Chính vì đoạn này, mà trong dân gian có thành ngữ « nhí nhảnh như con Thị-Mầu » Ông Nghị bỏ đi thật ưỡng. Cái hại là sau này, từ khi có vở mới của ông Nghị soạn lại, không ai chịu tập hát đoạn này nữa, vở cũ dần dần bị mai một. Rồi lại đến đoạn Thị-Mầu lên chùa gặp tiều Kính-Tâm đương tụng kinh, liền lẫn sả vào trêu ghẹo mầu mè của Thị-Mầu và những câu hát ngụ ý gạ gẫm đã được cô nhân trình bày rất khéo vui, mà không chúm tãi, gai mắt :

« **THỊ-MẦU** : (đứng ngoài màn, thấy Tiều Kính-Tâm đương tụng kinh, thì cười, liếc, vẩy mái, mà Tiều Kính-Tâm vẫn làm lơ... một lát sau)

(via lẳng) *Thầy Tiều ơi, thầy ngồi đọc sách quan hành,*

Đề em đứng tựa... (cười cợt, liếc tình)... bên màn sao đang ?

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường) cùng **THỊ-MẦU** (đồng thanh hát luyện cầm giá)... (riêng Thị-Mầu vừa múa hát, vừa tiến vào) *Đọc sách Quan Hành, ầy mấy thầy Tiều ơi, miệng tôi niệm Nam mô A-di-đà-Phật... A-di-đà-Phật... Đề... em đứng .. tựa bên màn... sao... đang... Thầy Tiều ơi, A-di-đà-Phật.*

« **THỊ-MẦU** : (tiến gần vào, xoay chung quanh Tiều Kính-Tâm vẫn ngồi yên).

(via lẳng) *Thầy Tiều ơi, cau non tiến chum lòng đào,*

Mà trầu têm cánh phượng (liếc,

cười, đưa trầu)... em trao cho chàng

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường) cùng **THỊ-MẦU** (đồng thanh hát luyện cầm giá, riêng Thị-Mầu vừa múa, vừa hát, lượn quanh Tiều Kính-Tâm).

Tiến chum lòng đào, ầy mấy thầy Tiều ơi, miệng tôi niệm Nam-vô A-di-đà-Phật... A-di-đà-Phật... Trầu... trầu têm... cánh phượng em... trao... cho chàng... Thầy Tiều ơi, Nam-vô A-di-đà-Phật.

THỊ-MẦU : (tiến sát vào) (via lẳng) *Thầy Tiều ơi, thầy như táo rụng sân đình,*

Mà em như gái chùa... (cười, liếc) ... đi rình của chùa.

« **TOÀN BAN** : (trong hậu trường) cùng **THỊ-MẦU** (đồng thanh hát luyện cầm giá, riêng Thị-Mầu vừa múa vừa hát, vừa sấn vào gần Tiều Kính-Tâm)

Táo rụng sân đình... ầy mấy thầy Tiều ơi, miệng tôi niệm Nam vô A-di-đà-Phật... A-di-đà-Phật... Thấp như... gái... chùa... đi rình... của... chùa, Thầy Tiều ơi, A-Di-Đà-Phật... (ngồi sụp xuống ôm lấy Tiều)

Vào khoảng năm 1953, kẻ viết bài này đã có dịp đem trình diễn tích « Quan Âm Thị-Kính » cả vở cò, lẫn vở sửa lại, trên sân khấu nhà Hát Lớn Hà-nội, thì thấy vở cò được tán thưởng nhiệt liệt hơn là vở sửa lại. Xem thế, thì biết rằng các vở hát cò có chỗ nên bỏ, mà cũng có chỗ nên giữ lại. Ông Nghị đã làm một việc, mà ông không ngờ là có hại, vì hiện nay, trừ một số nghệ sĩ lão

thành, còn thì không ai nhớ tới vở cổ nữa, Những câu hát cổ, như Cầm-Giá và Luyện-Cầm-Giá cũng không ai hát được nữa... Nhưng dù sao, thì cũng không ai có quyền phủ nhận công phu của ông Nghị đối với ngành Hát Chèo. Vì không có ông, Hát Chèo khó mà tồn tại được cho tới ngày nay.

Tất cả các tích hát chèo, đều được ông Nghị sửa lại, và lần lượt đưa lên sân khấu trình diễn theo thể thức mới. Tất cả đều được khán giả chiếu cố đông đảo. Và số khán-giả xem Hát Chèo đương thừa thớt, bỗng vụt tăng lên gấp năm, gấp mười, khiến một số người mộ điệu giàu có đã dự định xây hẳn một rạp hát riêng để hát chèo. Các diễn viên hát chèo nổi tiếng không kém gì các diễn viên hát bộ : tên tuổi các danh ca được nhắc nhở đến ở bất cứ tầng lớp xã-hội nào.

Nhưng tất cả... thì cũng chỉ quanh quẩn có chừng mười tích hát chèo, như đã kê ở trên. Hát hết lượt rồi, thì lẽ tất nhiên là phải hát lại. Chỗ khó khăn là không thể hát lại mãi được. Một tích hát dù hay đến đâu, mà cứ diễn đi diễn lại mãi, thì hay mấy cũng hóa nhàm. Nhất là Hát Chèo, bản chất là hài hước, thì lại càng dễ nhàm lắm : vì một câu chuyện khôi hài mà nhắc đi, nhắc lại đến ba lượt, thì không còn ai có thể cười được nữa.

Ông Nghị vốn là người tinh ý, ông nhận thấy tình trạng ấy trước mọi người. Sau mấy tháng trình diễn ở Hải-Phòng, kết quả mỹ mãn, ông

nhất định đòi đi Hà-nội đòi không khí. Ông cũng nghĩ đến việc soạn thêm tích hát mới, nhưng đối với một công việc chưa ai làm, ông còn đắn đo suy nghĩ, không biết có nên không. Ông cũng đã ngó ý ấy với các bạn bè, người thì bàn nên, người thì bàn không nên, thành ra ông dùng dằng chưa quyết. Trong cái ý định đi Hà-nội đòi không khí, ông còn có ý định đi thăm dò dư luận nữa...

Vì thế cho nên, sang năm 1925, người ta thấy ban hát của ông Trùm Thịnh hát ở rạp Sán-Nhiên-Đài Hà-nội. Cũng như ở Hải-Phòng, ban hát ở Hà-nội cũng được một số khán giả ngày một đông thêm. Và cũng lại như ở Hải-Phòng, số khán giả đông được cho tới khi hết vở. Nhưng lần này thì ông Nghị không nao núng lắm. Sau cuộc tiếp xúc với ông Th. T., Phan D. ở Khâm-Thiên, tối hôm ấy, ông Nghị trở về rạp, hăm hở sáng tác...

Tháng 10 năm 1925, ban hát chèo trở về Hải-Phòng, vừa kịp đề khánh thành Văn Minh ca-quán. Và cũng vừa kịp đề trình diễn « Một trận cười » của soạn giả Nguyễn đình Nghị.

Đề cho hợp với phong trào cải-lương, là một phong-trào đương làm cho người ta hăng hái, chứa chan hy-vọng ở ngày mai, và cũng là đề hưởng ứng chính sách cải-lương mọi mặt của chính quyền Bảo-Hộ đề xướng, ông Nghị mệnh danh cho lối hát của ông là lối hát « Chèo Cải Lương », hay « Cải-Lương Bắc-Kỳ » để ganh đua với lối hát « Cải Lương Nam-Kỳ » đương được hoan

ngheh hời ấy. Và đề cho hợp với hai chữ « Cải-Lương », ông Nghị lựa những điệu hát quen thuộc nhất của Chèo Cò, đem hợp với những điệu hát bình - dân mới, như Bồng mạc, Sa mạc, Cò lá, Huế tình, Trống quân, v.v... rồi dựa theo những điệu hát ấy, đặt thành những câu hát mới, và xếp đặt thành những tích hát mới. Ông bạo dạn đưa cả những điệu hát miền Trung, như Hành-vân, Kim-tiền, Nam-ai, Nam-bình, Phú-lục, Cò-bản, vào Hát-Chèo.. và bắt các diễn viên Hát Chèo phải tập hát trối chết. Đúng như ý kiến của ông Ngô-văn-D. đã bàn trong đêm hát ở Khâm-Thiên, ông Nghị xếp đặt các câu hát thành những lời đối đáp rất trôi chảy. Ví dụ như câu hát dưới đây, là lời cãi nhau của hai vợ chồng : chồng là một ông Thừa-phái nghiện, vợ là một cô đầu cờ bạc, và điệu hát dựa theo điệu « Đường-Trường Sa-lịch » :

ÔNG THỪA : (hát) *Mặt thế nhĩ thì thôi, gan gớm gan cho mày, mặt thế thì thôi.*

Đó, dầu không mà thuốc hết... cho tôi... nhớ nhàng.

Kìa lúc đi sang, sao về chẳng thấy sang...

Mặt đầy, không biết then... ngày càng (ấy ngày càng) quá đa...

Kiếp đoạn trường này, tao kịp phải... lo xa...

VỢ : (hát tiếp) *Trót thua thì tôi phải gỡ... của sấm ra, tôi phải cầm...*

*Của là bao mà ông phải thét phải găm,
Nào những khi ngồi tán mĩnh, than thãm với tôi,
Thôi xin ông đừng tiếc của ôi là giờ ôi...*

ÔNG THỪA : (hát tiếp) *Cái nợ đời từ nay trả hết... thôi thôi cũng liều.*

Trước trông yêu mà bây giờ sao chán chẳng yêu...

Nó thua, trần như xác rọng... xoay liều (chứ xoay liều) vào đầu.

Hay muốn về chốn cũ, lâu là hồng lâu...

VỢ : (hát tiếp) *Vậy từ tư hướng hậu... bước sang giàu mặc ai, Tôi chán ông Thừa rứt cả .. mà xo vai...*

Da chì ối thôi mà mặt búng... rổ đẹp trai (chứ đẹp trai) con vồ...

Chẳng thà là biệt tịch chi đồ... (ngâm tiếp) Thà thôi biệt tịch chi đồ...

Gánh gang sơn mặc khách, thú giang hồ mặc ai (Hạ)

(Tích Quá Chơi Nền Nổi, của Nguyễn - đình - Nghị)

Ông Nghị vốn là một tay văn-chương lỗi lạc, sở trường của ông là văn nôm, ông lại có tài hài hước, châm biếm, nên công việc sáng tác đối với ông, không có gì là khó khăn cả. Ông viết liền một loạt năm trận cười, liên tiếp trình diễn ở Văn-Minh Ca quán Hải-phòng, và được hoan nghênh nhiệt liệt. Đó là vì ông đã đi đúng đường lối của Hát Chèo, lấy trào lộng làm cốt cách, chế diễu

tất cả những cái dờm của xã hội trường giả và những thói điều bạc của thể tình. Sân khấu của ông phản ảnh rất đúng xã hội sinh hoạt nông thôn ; nhân vật của ông toàn là những phú nông, địa chủ, cường hào, nói chung là một phường sâu mọt, mà ông đưa ra chế điệu không tiếc lời, đề bênh vực những anh Khóa, chị Nhiều, thằng Cò, cái Hím, là những nông dân chất phác hết lòng thờ Phật, kính Trời, chăm chỉ làm ăn lương thiện. Những thói khinh bạc, bần tiện, tham lam, của bọn trọc phú, cường hào, cùng những chuyện bóc lột tàn nhẫn, những trò thay đen đổi trắng của bọn tham quan ô lại, ác bá, côn quang, mà nạn nhân là những người dân lành dốt nát, nhưng ngay thẳng, được ông Nghị đề cập đến một cách rất khéo, và được đưa lên sân khấu, trình trọng như những tấn kịch thời đại...

Năm 1926, đoàn hát chèo của ông Nghị đã qui tụ được khá đông diễn viên xuất sắc. Ông liền chia anh em ra làm hai gánh : một diễn ở Văn-Minh Ca-quán Hải-phòng, một lên diễn ở « Cải-Lương Hí Viện » Hà-nội (sau gọi là rạp Kim-Chung).

MỘT ĐIỀU HÁT CHÈO

« QUẢN-TỬ VU-DỊCH »

Trong bài « chèo Cải - Lương », chúng tôi có trích một đoạn ngắn mà các diễn viên Hát Chèo thường hát trong những lối tiền chông đi lính. Có một vài bạn muốn biết cả bài ấy, nên chúng tôi xin sao lục đăng dưới đây.

V. H. C.

Quản tử vu dịch,

Bất tri kỳ kỳ.

Đau lòng thay kẻ ở người đi.

*Cuộc binh hỏa trôi người chi lắm
tá ?*

Tưởng đến lúc phụ mẫu sinh ngã,

Nhật dạ linh ngã tang

Giá nữ hữu sở qui,

Kê cầu diệc đắc tương.

Chinh-phu nhớ đến ngất chàng,

*Thà đem bỏ lộ bàng cho xong
quách.*

Thieu thieu lộ viễn quan sơn cách.

*Người phòng khuê với khách sa
trường.*

Du du bỉ thương,

Hạt kỳ hữu cực,

Tưởng đến lúc cùng nhau tri thức,

*Đem phần son mà nhan sắc cùng
chồng.*

Tự bá chi đông,

Thủ như phiêu bồng

Khởi vô cao mộc,

Thùy tích vi dung.

Trăm năm chút nghĩa đeo bồng,

Xa xôi ai có thấu lòng chẳng hử ?

Chân chân quân tử,

Qui tại, qui tại,

Tuần bỉ như phần,

Hạt kỳ điều mai.

Vị kiến quân tử,

Phúc như điều cơ.

Quản bao tháng đợi năm chờ,

*Nghĩ người ăn gió năm mưa xót
thăm*

Cao sơn lưu thủy cuộc tri âm,
Đau đớn nhẽ quân tâm thiếp ý.

Dương chi thủy,
Bất lưu thức tân.
Bỉ ký chi tử,
Bất dữ ngã thú thân.
Hoài tai, hoài tai,
Hạt nhược dữ hoàn,
Quy tai, quy tai.

Ngảnh mỗi sầu chi đề riêng ai,
Mà đến nỗi đêm dài sao vẫn giấc.
Hồi thủ mạch đầu dương liễu sắc,
Hối giao phu-tế mệnh phong hầu.
Đem áo xiêm trùm bọc lấy nhau
Chi đến nỗi hàm sầu yếm lệ.

Mấy đầu non, trắng mặt bề,
Tương tâm hà thác cánh phùng
quân.

Ta ngã hoài nhân,
Túy bỉ chu hàng,
Thất thất quyền nhĩ,
Bất doanh khuynh khuông.

Chường nhớ thiếp, thiếp lại mong
chường
Đau đớn nhẽ đôi đường khôn xiết
kề.

Bá hề, bá hề,
Bá đã chấp thù,
Vị vương tiền khu.

Ngại ngừng khi bước lên cầu,
Tấm lòng sè nửa, mỗi sầu chia
đôi.

Ân kỳ lời,
Tại Nam sơn chi trúc,
Hà tư vi tư,
Mạc cảm hoàng t tức.

Trận gió xuân mơ màng một giấc,
Thấy cảnh đau như sực tấm lòng.

Yêu yêu thảo trùng,
Địch địch phụ chung,
Vị kiến quân tử,
Ưu tâm xung xung.

Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gao cho chồng tiếng khóc
nỉ non.

Thử hồi tống biệt mỗi kinh hồn,
Nhất vọng bất kiến tâm đoạn tuyệt.
Tâm đoạn tuyệt hề, kỷ thiên lý.
Vũ phu đông chinh, bất hành xiển
hỹ.

Nợ tang bồng nghĩ sao đến thế,
Bước chân ra còn đề mối tương
tư.

Nhật cư, nguyệt cư,
Hộ điệp nhi qui.

Mà con Tào khéo trên người chít
thế >

VŨ-HUY-CHẤN

Trí Nhớ Phi Thường

Goseph Bernhard Docen làm Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia tại Munich, nước Đức, cho tới khi ông chết là năm 1838. Ông có thể đọc một lúc 9 bức thư về 9 vấn đề khác nhau cho 9 người thư ký chép bằng 9 thứ tiếng cũng khác nhau. Ông thuộc Thánh kinh « như cháo », ông có thể đọc xuôi đọc ngược bất cứ quãng nào, chương nào hay bất cứ một cuốn nào của Tân hay Cựu Ước Thánh kinh.

RIPLEY

ĐI XEM TRIỂN LÃM
TCHAN FOU-LI
TÔI ĐÃ ĐƯỢC ĐỌC

Những bài thơ không lời

của
BÀNG - BÁ - LÂN

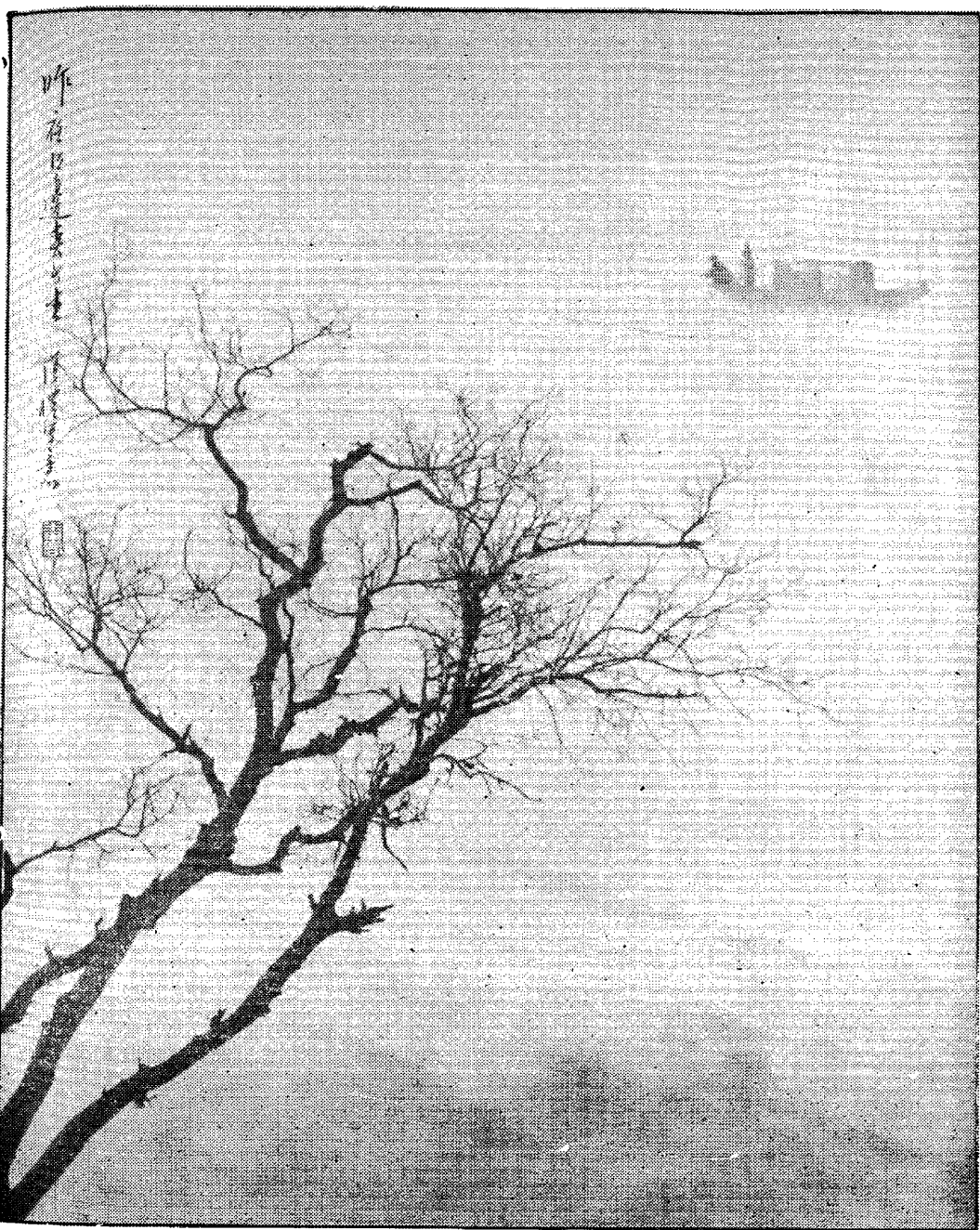
TẠI Câu-lạc-bộ báo chí của Bộ-Thông-Tin ở đường Lê-Lợi, từ 29 tháng 4 đến 6 tháng 5-1960, có cuộc triển lãm ảnh của nhiếp ảnh gia danh tiếng *Tchan Fou-Li* (Trần-phục-Lễ). Cái tên Tchan Fou-Li không xa lạ gì đối với giới nhiếp ảnh Việt-nam từ mười năm nay. Vì tuy ông là người Trung-Hoa, nhưng đã sinh sống ở Hà-nội lâu năm, đã giao thiệp thân-mật với anh em nhiếp ảnh Việt-nam, đã từng đứng trong hàng ngũ Việt-nam tham dự các cuộc triển lãm quốc tế, và đã góp phần thu lượm những kết quả tốt đẹp về cho nghệ thuật ánh sáng của chúng ta.

Sau hiệp-định Genève năm 1954, anh em nhiếp ảnh Hà-nội, người di cư vào Nam, kẻ bị kẹt ở lại. Ông Tchan cũng phải rời bỏ đất Việt mà ông yêu mến, sang lập nghiệp ở Hong-Kong. Nhưng ông vẫn tìm cách bắt liên lạc với các bạn nhiếp ảnh ở Nam-phần Việt-nam để, giờ đây, ông có dịp sang thăm đất nước chúng ta với hơn mười rương lịch kịch nặng nề những nghệ-phẩm giá trị. Những nghệ phẩm giá trị ấy là một trăm tấm ảnh mỹ-thuật đủ các loại mà ông đã sáng tác trong mười năm qua và đã trưng bày tại Hong-Kong hồi cuối năm 1959, được hoan nghênh nhiệt liệt. Nay



Ngây thơ

TCHAN FOU-LI



Trên sông

TCHAN FOU-LI

ông có nhã ý đem bày cho chúng ta coi, ta há lại không biết thưởng thức đề phụ tấm thịnh tình quý báu ấy ? Vì vậy, nhận được thiệp mời, chúng rất sốt sắng đại diện Giai Phẩm Tân-Phong đến thăm phòng triển lãm của ông trước ngày khai mạc.

Và đây là ý kiến của chúng tôi, sau khi đã xem xét kỹ một trăm bức ảnh mỹ thuật của Trần-quân.

Điều mà bất cứ nhiếp-ảnh gia nào cũng nhận thấy ngay là kỹ-thuật (technique) của họ Trần. Kỹ-thuật của ông bây giờ so với hồi trước đây mấy năm thật khác hẳn : có thể phê là « hoàn toàn » mà không sợ mang tiếng quá khen. Có nhiều tác phẩm cũ của ông nay đem làm lại để đưa ra đây, không những giữ nguyên được sức khỏe gọi ban đầu mà còn truyền cảm mạnh hơn nữa, nhờ kỹ thuật trác luyện ấy.

Mỗi tác-phẩm của Trần-quân là một bài thơ, và phòng triển lãm của ông là một tập thơ phong phú, gồm đủ các loại từ cổ-diễn đến tả chân qua những giai-đoạn tượng-trung, lãng-mạn...

Những ai thích mơ-màng, dịu nhẹ sẽ phải mến loại ảnh chụp (photomontage) của ông. Ảnh chụp là nhất ở chỗ này một hình ảnh, ở chỗ kia một hình ảnh rồi đem chụp lại, tạo thành một tác phẩm mỹ-thuật. Làm loại ảnh này, nghệ - sĩ có cái khoái cảm thấy là một tạo hoá con, tạo ra những phong cảnh hữu tình có khi giống như thật mà sự thật không có, có khi mơ-màng huyền-ảo như trong truyện thần tiên. Loại ảnh này ra đời đã ngót 30 năm nay, và một thời, đã làm nổi tiếng nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh Trung-hoa Chan-shin-Long, người đầu tiên đã đưa màu sắc và tâm-hồn Á-đông

vào nghệ-thuật nhiếp-ảnh, đã « vẽ » nên những bức tranh thủy-mạc bằng máy chụp hình. Tchan Fou-Li cũng đi theo con đường ấy, và ông đã thành công. Anh em trong giới nhiếp ảnh Việt-nam vẫn còn chưa quên bức « Yên ba giang thượng » của ông trưng bày tại Hà-nội ngót mười năm trước đây ; và trong lần trưng bày này, bức *Trên sông xuân* là một chứng minh cụ thể và chắc sẽ được nhiều người ưa thích.

Nhưng Tchan Fou-Li không chỉ tạo những tranh thủy-mạc phong cảnh hữu tình như Chan-shin-Long, mà còn đi xa hơn. Ông đưa ta vào thế giới thơ mộng với bức *Vũ khúc dưới trăng*, hoặc huyền ảo mộng - lung với bức *Tiên cảnh*.

Đề bạn đọc có một ý-niệm rõ rệt hơn nữa về loại ảnh chụp này, tôi xin giới-thiệu bức *Tiên cảnh*. Hồi đó vào cuối năm 1952, tôi đang dạy học tại một tỉnh tiền tuyến ở Bắc-Việt. Một hôm, Tchan-Fou-Li từ Hà-nội lên thăm tôi, và chúng tôi cùng đi « săn hình ». Đang đi, Trần-quân bỗng dừng lại, cúi xuống nhặt một nhánh cây khô. Ông ngắm nghía, phủi bụi kỹ càng, rồi cầm khư khư như một vật báu. Tôi hỏi : « Để làm gì ? ». Ông không trả lời, chỉ mỉm cười bí mật. Từ lúc ấy, ông có vẻ không mãi mê chụp ảnh nữa, mà lơ đãng như theo đuổi một ý nghĩ gì. Vài tuần sau, tôi có dịp về Hà-nội. Khi lại thăm ông, thì được ông cho xem bức *Tiên cảnh*. Với nhánh cây khô tầm-thường kia, với mấy tượng sứ nhỏ, với một ít cát, với ánh sáng của mấy ngọn đèn, ông đã tạo nên một cảnh mộng-lung ở nơi tiền giới như thực như hư. Tôi khen ông mà lòng

thăm mền phục. Trên kia, tôi nói ông còn đi xa hơn Chan-shin - Long, nghĩa là với ảnh chụp ông đã bước sang cả địa hạt tượng - trưng. Bức *Phù-hoa* là một chứng minh rõ rệt. Mấy chiếc lá tàn rỏ chỉ còn trơ những đường gân, đằng sau là bóng đen của một mỹ-nữ khỏa thân, đã tượng trưng cho cái phù phiếm của vật chất, cho sự phai tàn mau chóng của mọi sa hoa lộng lẫy ở đời.

Về ảnh chụp, ông còn một bức được nhiều người thích và cần nói tới là bức *Thiên-nga* rất đẹp mắt, nhờ bố cục vững và khéo. Nhìn bức ảnh này, có ai biết được rằng hai con thiên-nga được chụp ở Thái-Lan mà bờ nước kia lại là một cảnh ở ngoại ô Hà-nội ?

Ngoài loại ảnh chụp, ông còn những ảnh phong-cảnh (paysage), sinh-hoạt (scènes de genre), nhân-dung (portrait), tĩnh vật (nature morte), cùng những ảnh chụp chim và hoa. Mà loại nào, ông cũng tỏ ra rất sở trường.

Những ai ưa đời sống thiên nhiên, yêu cảnh đẹp dịu dàng, sẽ thích thú những bức *Vọng phù sơn hạ*, *Sương sớm*, *Sầu mưa*, *Chơi voi*, *Bao - la*, *Bình - minh*, *thủy - mặc*. Những bức *Thakhek*, *Prah Palilay*, *Cảnh Gò-công* đã ca ngợi cảnh đẹp địa-phương với tất cả những nét riêng biệt của nó.

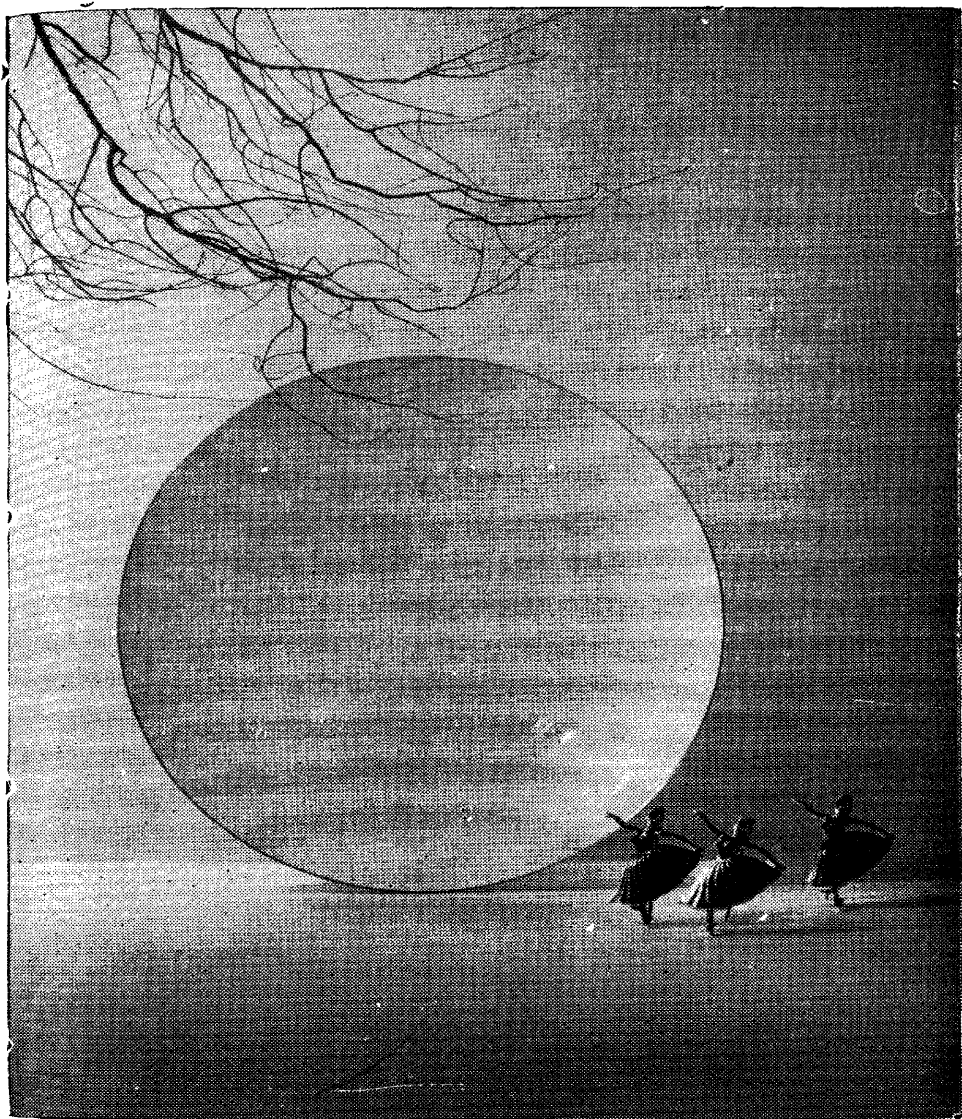
Về *chân-dung*, ta phải ghi bức *Chân-dung* và nhất là bức *Ông Yu*. Bức ảnh này là nét điển hình của những tiểu thương-gia Trung-hoa, những « ông chủ » các tiệm buôn nho nhỏ mà người ta có thể gặp ở hầu khắp mọi nơi trên thế giới.

Về ảnh *sinh hoạt*, ta phải kể đến những bức : *Câu đối Tết*, *Lao-dộng*,

Mồ hôi, *Nông-gia*, *Tình tư*, *Tắm sông*, *Bà cháu*.

Bức *Câu đối Tết* làm ta bồi hồi nhớ lại những ngày giáp Tết trên vỉa hè Hàng Bồ Hà-nội những năm xưa. Bức *Lao-dộng* và nhất là bức *Mồ-hôi* đã cực tả được cuộc đời vất vả khó nhọc, « đòi bát mồ hôi lấy bát cơm » của lớp người cần lao trong xã-hội. Cũng như bức *Nông-gia* đã vẽ rõ cuộc sống trầm lặng, đều đều an phận của dân quê. Bức *Tắm sông* cho ta thấy một nét sinh hoạt trong đời sống thanh-thả nhịp nhàng của các « phù sa » nơi xứ Lèo êm-ả. Bức *Tình-tư* đã di-dôm ghi lại một mối tình giản-dị của lớp người bình dân. Và bức *Bà cháu*, chụp hai bà cháu dân chài đang chèo thuyền trên eo biển Hồng Kông, thật vô cùng linh động. Về cảnh sinh hoạt, còn có những sinh hoạt ở thị trấn (scènes de rue) mà ta không thể bỏ qua. Trong bức *Lang-thang*, tác giả chụp một con chó hoang đi tha thui trên đường phố ; phải chăng ông muốn ta liên tưởng tới những kẻ thất nghiệp không nhà, những « ma-cà-bông » (vagabonds) thất-theu lang thang trên khắp các nẻo đường đô-thị ?

Về loại này, tôi còn thích bức *Đứng bóng* tả cảnh giữa trưa ở thị thành, và nhất là bức *Mưa mưa* tuyệt tác. Với mấy chiếc « xích-lô » mui giương kín mít cùng người phu xe co-ro trong nón áo, với một khúc đường nhựa ướt nhầy dưới những sợi mưa dài loang loáng buông mau, tác giả đã gọi cho ta cái cảm giác mát rượi và gieo vào lòng ta một mối buồn hiu hiu, cảm giác và cái buồn trong những ngày « mưa trên thành phố ». Ngắm bức ảnh này, tôi như nghe văng vẳng bên tai những vần



Nguyệt-Quang-Khúc

TCHAN FOU-LI

thơ thánh thót buồn của Paul Verlaine :

« *Il pleut sur la ville,
Comme il pleut dans mon coeur
Quelle est cette langueur
Qui pénètre mon coeur ?* »

Về *tĩnh-vật*, có điều đáng chú ý là những vật ông chụp tay tĩnh mà vẫn có sức sống tiềm ẩn dồi dào. Những bức *Truyện-câu*, *Khế*, *Tranh sống*, *Tĩnh-vật* (đôi thiên-nga vẽ cánh bằng sứ) đã chứng tỏ điều đó. Còn bức *tĩnh-vật* (chụp cái bình sứ) thì thật đáng khen cả về kỹ-thuật lẫn bố cục, *Chim* và *hoa* đều là những môn sở trường của ông. Những bức *Lan*, *cúc* (ảnh màu) *Tung cánh*, *Tìm mồi* đều là những thành công. Nhất là bức *Tìm mồi*, hết sức linh-động, là cả một công phu đợi chờ cộng với sự lạnh tay lẹ mắt. Đó là một loại tác phẩm hiếm hoi, đòi hỏi rất nhiều kiên nhẫn và may mắn.

Về ảnh màu (*photographie en couleur*), ông trưng bày 16 bức khổ lớn 40 × 50cm. Đó là một cố gắng đáng khen, vì cho đến nay — tại các triển lãm quốc tế — chưa mấy ai dám đưa ảnh màu lên khuôn khổ lớn như vậy. Cả 16 bức đều đẹp, màu sắc đúng. Riêng tôi thích nhất bức *Nắng thu*, rồi đến những bức *Trong sáng*, *Dưới*

cầu, *Cầu vồng*, *Bến thác*, *Ngày hội*.

Bức ảnh *Nắng thu* là một bài thơ ca ngợi nắng vàng trong trời rực rỡ của mùa thu xứ lạnh. Nắng nhẹ nhàng phơn phớt trên rừng núi xa, nắng đọng trên lá úa, nắng ngả bên đầu hồi. Nắng nhuộm trời đất. Cảnh-vật một màu vàng óng như tơ, khiến tôi bỗng nhận thấy hết cái hay trong mấy chữ « non phớt bóng vàng » của Nguyễn-Du và chợt nhớ đến câu thơ của một thi-sĩ thời tiền chiến :

« *Ôi, nắng vàng sao mà nhớ
nhung !* »

Bức *Ngày hội*, cũng như bức *Mùa xuân*, cho ta thấy rõ nhiều màu sắc trong thực tại mà ta lăm khi không nhận thấy hoặc nhìn rất sai lầm. Như bóng tối (*ombre*) chẳng hạn, mắt ta nhìn chỉ thấy đen, thực ra nó là màu xanh biếc hoặc tím xảm.

Tóm lại, tác-phẩm trưng bày kỳ này của Tchan-Fou-Li là một thành công đáng kể. Nó còn chứng tỏ tác giả có tâm hồn thi nhân. Đi coi triển lãm của ông, tôi có cảm tưởng thú vị như được đọc một tập thơ hay, văn điệu du dương, ý tưởng tân kỳ, hình thức phong phú.

Saigon, tháng tư 1960

BÀNG-BÁ-LÂN

— Chúng ta sống để làm gì nếu không phải là để làm cho cuộc sống của nhau dễ chịu hơn ?

GEORGE ELIOT

— Khi tôi tắt phải bàn cãi với ai về một vấn đề gì, tôi đề ra một phần ba thì giờ để nghĩ về chính tôi và những điều tôi sẽ nói — Còn hai phần ba thì giờ tôi nghĩ về người bàn cãi với tôi và những điều ông ta sắp nói.

A. LINCOLN

TIN VĂN

Tôi, Đỗ-trí-Thông tức Đỗ-xuân-Mai, chủ-nhân Nhà xuất-bản Mai Lĩnh, đã bán đứt bản quyền những sách dưới đây cho Nhà sách Khai Trí Saigon :

TÁC PHẨM CỦA NGÔ-TẮT-TỐ

Lều chông

Mặc-tử

Lão-tử

Văn học đời Lý

Văn học đời Trần

Tắt đèn

Vua Tây chúa Nguyễn

TÁC PHẨM CỦA VŨ-TRỌNG-PHỤNG

Giông tố

Trúng số độc đắc

Số đỏ

Dứt tình

Lấy nhau vì tình

Cạm bẫy người

Lục sì

Cơm thầy cơm cô

Làm đi

Vỡ đê

Kỹ nghệ lấy tây

Người tù được tha

Vậy xin quý nhà xuất-bản nếu cần thương lượng về bản quyền xin giao thiệp thẳng với :

Nhà sách KHAI - TRÍ

62, Đại-lộ Lê-Lợi, Saigon

Gửi độc giả xa gần

Tân Phong đã nhận được những tác phẩm sau đây của các bạn xa gần gửi về, theo thường lệ đã chuyển sang bạn đọc, nếu quá 8 tuần các bạn không thấy đăng hoặc không có thư riêng gửi bạn thì coi như bài không đăng :

Đời Lạc lối (H.M.H), Hình ảnh Đáy mộ, Cánh hoa tim (L) Hương Thu (S.L.P) Đón nắng mai (T.D) Hồn Thơ, Tôi yêu em (C.L) Chuyện đôi mươi, Mộng Thu (Đ.H) Tối Tân hôn, Nhớ (K.T.K) Tiếng Sáo chiều thu (P.N.H) Giao lại tuổi thơ (T.Q.P) Suối mơ (N.A) Chúng mình nhớ nhau (N.T) Mảnh tơ lòng (L.P) Ngày xưa, bây giờ (N.P) Mồ ai (N.Đ) Mảnh ngọc hàn (YG.VLT) Hậu-Nghệ buồn trắng (W.T.T) Mưa đêm nhớ chị (D.L) Sầu khơi cổ sự (Đ.Đ.C) Con chó màu nâu (H.Q.K) Chiêm bao (Y.S) Ngại ngừng, Trăng xưa, Đời nghệ sĩ (I.Đ) Thôn Trăng (N.H.P) Phố cát, Nhập thần, Bài mờ, Bàn tay của Đài, Ngọc lừng tên, Bào thai (Đ.N.V) Van lơn (A.L.Đ) Quê ngoại (N.t.L.C) Mắt xanh (H.G) Nguồn mới, Thơ trắng, Nỗi lòng, Siêu thoát, Tưởng niệm, Gửi anh đêm ta mơ, Mùa xuân chín, Trăng, Bóng trăng mờ (M.T) Gió mặn (T.G) Niềm vui xưa (P.N.H) Không ngờ (P.G.K) Dĩ vãng (P.K.N) Thiện (H.T.K) Mộng, Hương chìm, Viết tên em (L.V.T) Đơn độc, Khóc anh đi, Tò tình, Bao giờ, Vầng Vó, Dạ Vũ Sầu, Đợi Thu (H.L) Phiên Khúc đỏ (Đ.C) Duyên Ta (V.H.L) Công thành danh toại (C.M.T) Buổi chiều (Q.T) Trận đánh cuối cùng của một lão tướng (H.T)

TÂN-PHONG

Hộp thư

Ông Nguyễn - đăng - Vụ : Vì bạn ấy đi hành quân xa, nên bài gửi về không đều. Mong bạn thông cảm.

Ông Duy-Linh : Tân Phong sẵn sàng đăng tất cả các tác phẩm hay của bạn đọc gửi về kể cả Truyện ngắn tình cảm như ông nói. Về những tác phẩm tính tiền nhuận bút xin ghi rõ ở trong thư kèm theo tác phẩm.

Ông Nguyễn - Quang, Đà-nẵng : Đã nhận được bức thư ngỏ của ông gửi cho ông Giám-Đốc Tạp-

Chí Phê-Thông. Thành thực cảm ơn tấm lòng ưu ái của ông đối với chúng tôi, nhưng rất tiếc không thể đăng trên Tân Phong được vì chúng tôi tránh những sự va chạm không tốt đẹp đối với một đồng nghiệp mặc dầu quan điểm khác biệt nhau. Chúng tôi cũng rất tiếc không thể làm theo lời ông là chuyển giao bức thư đó đến ông Nguyễn-Vỹ. Vậy xin kính đáp đề ông rõ và ông có thể tùy tiện gửi đăng trên một tờ báo khác hoặc gửi thẳng đến ông Nguyễn-Vỹ. Hy vọng ông thông cảm, và kính chào ông.

T.P.